GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1 - 12 - 2019 Phật lịch 2563

Số 334

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Ông hoàng Hiếu
Tr. 21

Khoa học và Phật giáo
Tr. 12

Tỳ-kheo với tâm vô dục Tr. 5

TÔN HOA SEN

TÔN HOA SEN
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

THỊ PHẦN TÔN
SỐ 1
VIỆT NAM

THEO THỐNG KÊ CỦA HIỆP HỘI THÉP VIỆT NAM

1800 1515
www.hoasengroup.vn

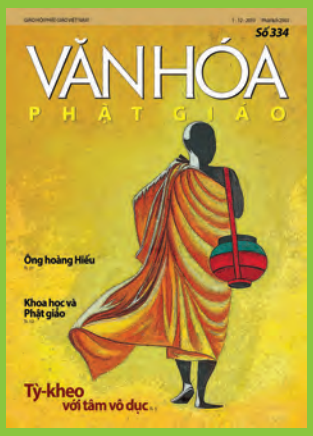

Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI ẤN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Phát hành và Quảng cáo
liên hệ: Kim Sa, Dđ 0938305930

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai 3

Hồng hạc về non *(Trần Quê Hương)* 4

Tỳ-kheo với tâm vô dục *(Nghĩa Dũng)* 5

"Không" có ý nghĩa gì? *(Cao Huy Hóa)* 9

Khoa học và Phật giáo *(Nguyễn Thế Đăng)* 12

Thực hành tính chân thật *(Barbara O'Brien, Nguyễn Văn Nhật* dịch) 15

Chư Tăng Bình Định và tạp chí Từ Bi Âm *(Thích Vạn Độ)* 18

Ông hoàng Hiếu *(Trần Thanh Mại)* 21

Dạy trẻ bằng cách nêu gương
(Ni sư Thubten Chodron, Trần Tuấn Mẫn dịch) 24

Từ lễ hội cộng đồng đến nghi thức tại gia *(Lê Hải Đăng)* 26

Truyền thống dân tộc trên trống đồng Việt cổ *(Tôn Thất Thọ)* 28

Cạm bẫy của ngôn từ *(Nguyên Cẩn)* 30

Nợ đời *(Nguyên An)* 34

Thực hư về tác dụng sừng tê giác *(Nguyễn Hữu Đức)* 36

Đung đưa võng buồn *(Mẫu Đơn)* 39

Chợ quê đôi điều cảm nhận *(Phụng Tú Trần Xuân Thụy)* 42

Một thuở chum đất muối dưa… *(Trần Văn Thiên)* 44

Mưa miền đất mặn *(Nguyễn Chí Ngoan)* 46

Thơ *(Phạm Ánh, Kim Cương, Lý Thị Minh Châu, Trần Thanh Thoa, Nguyễn Minh Thuận, Trường Khánh)* 48

Qua một ngày đường *(Nguyễn Trọng Hoạt)* 50

Thành phố của những tà áo dài *(Nguyễn Văn Toàn)* 53

Những nẻo đường tâm linh *(Trần Đức Tuấn)* 56

Một lần đến chùa Bà Đanh *(Trần Vọng Đức)* 60

Bìa 1: Tỳ-kheo với tâm vô dục. *Nguồn:* ***movica.com***

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Thỉnh thoảng, toà soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo *vẫn nhận được ý kiến cho rằng tuy* VHPG *là một tạp chí Phật giáo, lại thường đăng tải những bài viết không có liên hệ với Phật giáo; bên cạnh đó, ảnh bìa của tạp chí đôi khi có nội dung xa lạ, rời rạc, không liên quan gì với danh nghĩa của tờ báo.*

Chúng tôi xin được trả lời chung như sau:

Văn Hóa Phật Giáo *là một tạp chí của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có mục đích giúp đưa đạo Phật vào cuộc đời. Tạp chí muốn thu hút nhiều tầng lớp độc giả theo đúng chủ trương "*Là tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hoà và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc". *Do đó, những bài viết được đăng tải trên* VHPG *thường có nội dung nói về đời sống văn hóa, tư tưởng, tình cảm của người Việt nói chung, của người Việt theo Phật giáo nói riêng; bên cạnh đó vẫn có những bài viết nói đến văn hóa, tư tưởng, tình cảm của nhiều dân tộc khác trên khắp thế giới nhằm giới thiệu nếp sinh hoạt của loài người không chỉ ở Việt Nam mà trên khắp địa cầu cả về phương diện lịch sử đến hiện đại, từ văn hóa văn minh đến văn học nghệ thuật và nhiều khía cạnh khác. Cổ đức dạy "nhất thiết pháp giai thị Phật pháp", nghĩa là mọi sự việc, hiện tượng xảy ra trên đời đều có thể được nhìn theo giáo lý của Đức Phật.*

Về ảnh bìa, chúng tôi vẫn cố gắng chọn ảnh sao cho có thể minh hoạ được nội dung của một trong những bài viết có đăng tải trong số báo ấy; với điều kiện là tấm ảnh phải có giá trị nghệ thuật và có dung lượng thích hợp. Ảnh bìa là ảnh minh họa một bài trong số báo ấy, tên bài báo cũng được in ở trang bìa.

Chúng tôi tin rằng những giải thích trên được quý độc giả quan tâm.

Kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi.

***(Kinh Pháp cú*, 21)**

Ảnh: ***Kim Sa***

Hồng hạc về non

Kính dâng Giác linh Đại lão Hòa thượng
Thượng Nhân thượng Trí hạ Quang

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Trí *Bát-nhã 97 năm chan hòa trần mộng*
Quang *minh - bi - dũng 84 năm bát ngát hương thiền*
Quảng Bình quê mẹ thắng duyên
Việt Nam Hồng Lạc Rồng Tiên nhiệm mầu
Thiếu thời tương tác tâm giao
Đất Thừa Thiên - Huế mật đào đạo thiêng
Mười năm kinh sử diệu huyền
Báo Quốc nung nấu đức hiền hoằng dương
Ân thầy, ân tổ sáng gương
Tuổi trưởng thành đã khai phương Hà thành
Giảng đường Quán Sứ lưu danh
Kinh luật Tứ đế thiện sanh Tăng-già
Hầu thầy Trí Độ thiền gia
Như Lai sứ giả thăng hoa pháp mầu
Trí tuệ uyên bác dạt dào
Quang thiền sử ngọc tươi màu đạo ca
Sông Hương - Núi Ngự Lăng-già
Thuyền Tôn - Báo Quốc mượt mà long lanh
Phúc xưa tinh tấn tinh anh
Quả nay Định - Tuệ du hành phổ tuyên
Long Quân huyết thống chí nguyền
Âu Cơ tình mẹ mối giềng thẳm sâu
Giang sơn Nam - Bắc nhịp cầu

Bắc Nam "chữ S" làu làu máu tim
Thập niên sáu mươi uy nghiêm
Đạo pháp - Dân tộc… gắn liền… hai vai!
Tứ thập nhi lập hiển tài
Phụng sự Chánh pháp Như Lai sử truyền
"Lửa Từ Bi - Ngọn đuốc thiêng
Chiếu soi thế giới - Kinh hiền lưu ly…"
Thập niên bảy mươi thiên tri
Nước non ngàn dặm hộ trì hoàn nguyên
Con Hồng cháu Lạc… Tổ Tiên
"Một nguồn nhất thể - Tiền hiền chứng minh
Ngũ thập tri túc ẩn mình
Ấn Quang đường thượng tâm kinh ngút ngàn
Nhất nhật, nhất tự… thiền quang
Trăm ngàn ngày… chép lời vàng lung linh
Ba mươi năm tỏa lưu quỳnh
Chánh báo - y báo… luật kinh sám truyền
Ba mươi bộ loại phổ tuyên
Pháp bảo ấn tống khắp miền nhân gian
Cửu thập niên… kết đạo tràng
Chín năm đạo nghĩa pháp đàn thiền gia
Già Lam - Từ Đàm tụ hoa
Niết-bàn tứ đức… nhập tòa tịnh không
Thành tâm kính nguyện một lòng
Thành tâm cung tiễn **Hạc Hồng Về Non:**
Trí *Bát-nhã 97 năm chan hòa trần mộng*
Quang *minh - bi - dũng 84 năm bát ngát hương thiền*

Nam-mô A-di-đà Phật.
Thành kính bái biệt Ôn.

Từ Đàm - Huế,
ngày Rằm tháng 10, Kỷ Hợi - 2019

Tỳ-kheo với tâm vô dục

NGHĨA DŨNG

Trong Tiểu kinh Xóm ngựa thuộc tuyển tập *Trung bộ*, trước khi phân định rõ thế nào là các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn mà người xuất gia cần phải chuyên tâm thực hành, Đức Phật nói đến sự vô ích và nguy hại của lối sống mượn danh Sa-môn, *"không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn"* [1], do không thực hành các pháp môn tu tập xứng đáng bậc Sa-môn hoặc do chấp trì các hạnh Sa-môn tà vạy:

"Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn?

Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo có tâm tham dục và lòng tham dục không được đoạn diệt, có tâm sân hận và lòng sân hận không được đoạn diệt, có tâm phẫn nộ và lòng phẫn nộ không được đoạn diệt, có tâm thù hận và lòng thù hận không được đoạn diệt, có tâm giả dối và lòng giả dối không được đoạn diệt, có tâm não hại và lòng não hại không được đoạn diệt, có tâm tật đố và lòng tật đố không được đoạn diệt, có tâm xan lẫn và lòng xan lẫn không được đoạn diệt, có tâm man trá và lòng man trá không được đoạn diệt, có tâm xảo trá và lòng xảo trá không được đoạn diệt, có tâm ác dục và lòng ác dục không được đoạn diệt, có tà kiến và tà kiếnkhông được đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nếu vị ấy không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn, thì không thể đoạn diệt được những cấu uế cho Sa-môn, những tỳ vết cho Sa-môn, những lỗi lầm cho Sa-môn, sự đọa sanh vào đọa xứ, sự thọ lãnh các ác thú. Này các Tỷ-kheo, ví như một loại võ khí nguy hiểm tên mataja có hai lưỡi rất sắc bén, có thể được bao lại và bỏ vào trong một cái bao. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói sự xuất gia của Tỷ-kheo ấy là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị mang đại y (Sanghati) chỉ tùy thuộc vào mang đại y. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị lõa thể chỉ tùy thuộc vào lõa thể. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống thoa bụi và đất chỉ tùy thuộc vào hạnh thoa bụi và đất. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống theo lễ nghi tắm rửa chỉ tùy thuộc vào lễ nghi tắm rửa. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống dưới gốc cây chỉ tùy thuộc vào hạnh sống dưới gốc cây. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị sống ngoài trời chỉ tùy thuộc vào hạnh sống ngoài trời. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người theo hạnh đứng thẳng chỉ tùy thuộc vào hạnh đứng thẳng.

Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của một vị ăn uống có định kỳ chỉ tùy thuộc vào hạnh ăn uống có định kỳ. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người sống theo chú thuật chỉ tùy thuộc vào hạnh sống theo chú thuật. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của vị bện tóc chỉ tùy thuộc vào hạnh bện tóc.

Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục được đoạn diệt chỉ nhờ vào hạnh mang đại y của người mang đại y, nếu lòng sân của người có tâm sân được đoạn diệt, nếu lòng phẫn nộ của người có tâm phẫn nộ được đoạn diệt, nếu lòng hiềm hận của người có tâm hiềm hận được đoạn diệt, nếu lòng giả dối của người có tâm giả dối được đoạn diệt, nếu lòng não hại của người có tâm não hại được đoạn diệt, nếu lòng tật đố của người có tâm tật đố được đoạn diệt, nếu lòng xan lẫn của người có tâm xan lẫn được đoạn diệt, nếu lòng man trá của người có tâm man trá được đoạn diệt, nếu lòng xảo trá của người có tâm xảo trá được đoạn diệt, nếu lòng ác dục của người có tâm ác dục được đoạn diệt, nếu tà kiến của người có tà kiến được đoạn diệt chỉ nhờ hạnh mang đại y của người mang đại y, thì những thân hữu quyến thuộc, bà con cùng một huyết thống có thể khiến người đó mang đại y ngay khi người đó mới sanh, và khuyên người đó mặc đại y như sau: 'Này hiền nhi, hãy mang đại y, nếu mang đại y thì lòng tham dục của người có tâm tham dục, sẽ được đoạn diệt, lòng sân của người có tâm sân sẽ được đoạn diệt, lòng giả dối của người có tâm giả dối sẽ được đoạn diệt, lòng não hại của người có tâm não hại sẽ được đoạn diệt, lòng tật đố của người có tâm tật đố sẽ được đoạn diệt, lòng xan lẫn của người có tâm xan lẫn sẽ được đoạn diệt, lòng man trá của người có tâm man trá sẽ được đoạn diệt, lòng xảo trá của người có tâm xảo trá sẽ được đoạn diệt, lòng ác dục của người có tâm ác dục sẽ được đoạn diệt, tà kiến của người có tà kiến sẽ được đoạn diệt chỉ nhờ mang đại y'. Này các Tỷ-kheo, bởi vì Ta thấy có người mang đại y nhưng vẫn có tâm tham dục, có tâm sân hận, có tâm phẫn nộ, có tâm giả dối, có tâm não hại, có tâm tật đố, có tâm xan lẫn, có tâm man trá, có tâm xảo trá, có tâm ác dục, có tâm tà kiến, nên Ta không nói rằng, Sa-môn hạnh của người mang đại y chỉ tùy thuộc vào hạnh mang đại y của vị ấy.

Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục được đoạn diệt chỉ nhờ hạnh lõa thể của người lõa thể… chỉ nhờ hạnh thoa bụi và đất của người sống theo

hạnh thoa bụi và đất… chỉ nhờ hạnh lễ nghi tắm rửa của người sống theo hạnh lễ nghi tắm rửa… chỉ nhờ hạnh sống dưới gốc cây của người sống dưới gốc cây… chỉ nhờ hạnh sống ngoài trời của người sống ngoài trời… chỉ nhờ hạnh sống đứng thẳng của người sống đứng thẳng… chỉ nhờ hạnh ăn uống có định kỳ của người sống ăn uống có định kỳ… chỉ nhờ hạnh sống theo chú thuật của người sống theo chú thuật… Này các Tỷ-kheo, nếu lòng tham dục của người có tâm tham dục đoạn diệt chỉ nhờ hạnh bện tóc của người sống theo hạnh bện tóc; nếu lòng sân hận của người có tâm sân hận… nếu tà kiến của người có tà kiến được đoạn diệt chỉ nhờ hạnh của người sống theo hạnh bện tóc, thì những thân hữu quyến thuộc, bà con cùng một huyết thống có thể khiến người đó bện tóc; ngay khi người đó mới sinh, và khuyên người đó bện tóc như sau: 'Này hiền nhi, hãy bện tóc; nếu bện tóc thì lòng tham dục của người có tâm tham dục sẽ được đoạn diệt, lòng sân hận của người có tâm sân hận… nếu tà kiến của người có tà kiến sẽ được đoạn diệt, chỉ nhớ sống theo hạnh bện tóc'. Này các Tỷ-kheo, bởi vì Ta thấy có người theo hạnh bện tóc nhưng vẫn có tâm tham dục, có tâm sân hận, có tâm phẫn nộ, có tâm giả dối, có tâm não hại, có tâm tật đố, có tâm xan lẫn, có tâm man trá, có tâm xảo trá, có tâm ác dục, có tà kiến, nên Ta không nói rằng Sa-môn hạnh của người sống theo hạnh bện tóc chỉ tùy thuộc vào hạnh bện tóc"[2].

Lời Phật dạy cho thấy căn bản của đời sống Sa-môn hay Sa-môn hạnh (Samanacariya) chính là sự thanh tịnh, sự làm cho trong sạch các cấu uế, các ác, bất thiện pháp, tức nỗ lực làm cho dừng lại, tắm sạch, tẫn xuất, đoạn tận các pháp ô nhiễm đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai[3]. Chính sự nỗ lực làm cho tự thân thanh tịnh - giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh - như vậy là mục tiêu của đời sống Sa-môn, khiến cho vị Sa-môn không còn cấu uế, không tỳ vết, không lỗi lầm, trở nên thanh cao, thánh thiện, đi đến giác ngộ, gọi là hành trì tịnh hạnh (Visuddhicariya) hay tu Phạm hạnh (Brahmacariya). Không nỗ lực làm cho mình thanh tịnh, sạch các cấu uế, các ác, bất thiện pháp, thì không phải là Sa-môn, vì không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn. Nói cách khác, người xuất gia mà không chú tâm tu tập Bát Thánh đạo, không làm cho tiêu trừ tham dục, sân hận, phẫn nộ, hiềm hận, giả dối, não hại, tật đố, xan lẫn, man trá, xảo trá, ác dục, tà kiến thì không phải là Sa-môn, dù cho vị ấy có chấp trì hình thức tu tập như thế nào. Các lối tu như mang đại y, lõa thể, thoa bụi và đất, theo lễ nghi tắm rửa, sống dưới gốc cây, chuyên sống ngoài trời, đứng thẳng, ăn uống có định kỳ, theo chú thuật hay bện tóc chỉ là các hình thức bề ngoài, không bảo đảm một đời sống thanh tịnh ở bên trong.

Kinh *Tương ưng bộ* thuật câu chuyện cư sĩ Citta đệ tử của Phật có người bạn thân là Kassapa tu theo hạnh lõa thể thoa bụi đất của ngoại đạo; sau ba mươi năm đôi bạn mới có dịp gặp lại nhau và tâm sự.

Cư sĩ Citta hỏi du sĩ Kassapa:

"- Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?

- Này Gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm.

- Thưa Tôn giả, trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp thượng nhân nào, tri kiến thù thắng nào xứng đáng bậc Thánh và được lạc trú?

- Này Gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy, ta không chứng được và không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng nào xứng đáng bậc Thánh, ngoại trừ sự lõa thể, sự trọc đầu, sự phủi bụi và đất cát (pàvàlanipphotana)[4].

Trong một văn cảnh khác, Đức Phật dùng ba ví dụ sau đây nhấn mạnh mục tiêu của đời sống Sa-môn:

"- Này Aggivessana, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống và đặt trong nước. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: 'Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra'. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến lửa nóng hiện ra được không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì cành cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống lại bị ngâm trong nước, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

- Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay những Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với chúng thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt, nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này thành lình cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến, Vô thượng Chánh đẳng giác, và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành lình cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến, Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Này Aggivessana, ví như có một khúc cây đẫm ướt, đầy

nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ:

'Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra'. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đẫm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy đẫm ướt, đầy nhựa sống, dầu được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

- Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt. Nếu những Tôn giả Sa-môn, hay Bà-la-môn này thành lình cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến, Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành lình cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến, Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Aggivessana, ví như có một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: 'Ta sẽ nhen lửa, lửa nóng sẽ hiện ra'. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến nơi nóng hiện ra được không?

- Thưa được, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy khô, không nhựa, lại được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô.

- Cũng vậy, này Aggivessana, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn sống xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục, như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, về nội tâm được khéo đoạn trừ. Nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này thành lình cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác. Và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành lình cảm thọ những cảm giác khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị này cũng có thể chứng được tri kiến Vô thượng Chánh Đẳng Giác"[5].

Như vậy, mục tiêu của đời sống Sa-môn cốt yếu là làm cho dừng lại, làm cho giảm thiểu, làm cho tiêu trừ các dục về thân và các dục về tâm, tức các thói quen ham muốn thường tình thuộc thế gian như ham mê sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay sự mê say tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), ăn uống no say (thực), ngủ nghỉ êm ái (thùy), gọi chung là các dục hay dục ái, tức gốc rễ của luân hồi khổ đau. Phải hiểu biết sáng suốt và thực tập phương pháp đúng đắn mới buông bỏ được các dục, mới chứng được tri kiến Vô thượng Chánh đẳng giác, vì dục hỷ (nandi) hay dục ái (tanhà) chính là cấu uế, căn nguyên của khổ đau, cần phải được nhiếp phục và làm cho tiêu trừ bằng biện pháp tu tập sáng suốt, không phải là việc theo đuổi các pháp môn tu tập cực đoan mơ hồ[6].

Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì để nhiếp phục và đoạn trừ các dục, còn gọi là các cấu uế hay các ác, bất thiện pháp, con người cần phải tập trung nhận diện đầy đủ về các dục, thấy rõ vị ngọt và sự nguy hiểm của chúng, rồi mới tìm cách thoát ly chúng bằng các biện pháp tu tập cụ thể. Đó là chú tâm xem xét về nhân duyên sinh khởi của các dục, thấy rõ sự ngon ngọt hấp dẫn của các khoái cảm giác quan, hiểu rõ hệ quả trói buộc nguy hiểm của sự say đắm các dục và nỗ lực nhiếp phục dục hỷ hay lòng tham dục[7]. Nói cách khác, người xuất gia cần phải hiểu rõ các dục là vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn để tránh xa các dục, nỗ lực nhiếp phục và đoạn tận chúng bằng cách tu tập Bát Thánh đạo, gọi là có thân tu tập, có giới tu tập, có tâm tu tập, có tuệ tu tập.

Thân tu tập nghĩa là tránh xa các dục, không mê say chạy theo các dục, không thụ hưởng các dục, không để cho các dục lôi cuốn rơi vào lối sống đam mê phóng dật.

Giới tu tập có nghĩa là phòng hộ các căn, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nhằm hạn chế những việc làm sai trái bất thiện do lòng tham dục kích động, như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, uống rượu…

Tâm tu tập nghĩa là thực tập uốn nắn và làm trong sạch nội tâm thông qua hành Thiền, tức sự gột rửa tâm sạch các cấu uế như tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ; làm cho trong sạch và trong sáng nội tâm nhờ phát triển các thiền chi như tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm, chứng và trú các Thiền sắc giới, khiến cho tâm được thanh tịnh, định tĩnh, nhất tâm, không còn bị các dục hay các khoái lạc giác quan chi phối và sai sử.

Tuệ tu tập tức là thường xuyên tác ý quán sát về các dục, thấy rõ nhân duyên sanh khởi và đoạn diệt của các dục, hiểu rõ các dục là vô thường, trống không, giả dối, thuộc ngu si tánh[8], nỗ lực dứt trừ tập quán mê say tham đắm các dục, thực chứng tâm ly tham, giải thoát khỏi các dục, các ác, bất thiện pháp.

Trong giáo pháp của Đức Phật, một Tỷ-kheo nỗ lực thực hành Bát Thánh đạo, nghĩa là có thân tu tập, có giới tu tập, có tâm tu tập, có tuệ tu tập, thì được gọi là Sa-môn, đồng nghĩa với thanh tịnh, sạch các cấu uế, giải thoát, không khổ đau. Bậc Giác ngộ xác nhận pháp Bát Thánh đạo do Ngài giảng dạy có năng lực tẩy sạch các cấu uế, các ác, bất thiện pháp[9], làm sản sinh bốn hạng Sa-môn: Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán[10], tức các bậc hiền Thánh đã và đang nỗ lực tẩy sạch các cấu uế, các ác, bất thiện pháp bằng Thánh đạo, quyết chắc đạt đến giác ngộ.

Nhìn chung, Đức Phật có đầy đủ hiểu biết và kinh nghiệm về các pháp môn tu tập xứng đáng bậc Sa-môn. Ngài được tôn xưng là Đại Sa-môn (Mahà Samano), không phải do Ngài chấp trì lối sống khắt khe của một tu

sĩ khổ hạnh mà bởi Ngài đã dứt sạch các cấu uế lậu hoặc và giảng dạy con đường đưa đến chấm dứt các cấu uế lậu hoặc[11]. Theo lời Phật thì Sa-môn (Samana) tức là làm cho dừng lại, tẫn xuất, tắm sạch, trừ diệt, đoạn tận các dục, các ác, bất thiện pháp; là giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh, không ô nhiễm, không tỳ vết, không lỗi lầm, tự tại, không hối tiếc, giải thoát, không khổ đau. Không tự làm cho mình thanh tịnh, sạch các cấu uế bằng Thánh đạo, hoặc chấp trì các hình thức tu tập cực đoan mê lầm thì không xứng danh bậc Sa-môn.

Kinh *Pháp cú* có bài kệ phê phán người xuất gia mặc áo cà-sa nhưng biểu lộ lối sống không xứng áo cà-sa, không xứng danh bậc Sa-môn, do không thực hành các pháp môn xứng đáng bậc Sa-môn:

Ai mặc áo cà-sa,
Tâm chưa rời uế trược,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa[12].

Trong một pháp thoại giảng cho Tăng chúng, cốt yếu giúp cho các Tỷ-kheo trẻ nhận rõ sự ô nhiễm nguy hại của các dục, các ác, bất thiện pháp nhằm nỗ lực diệt trừ chúng, Tôn giả Sàriputta đưa ra lời nhận xét như vầy:

"Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khất thực, thứ lớp khất thực từng nhà một, theo hạnh mang phấn tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới dục của Tỷ-kheo chưa được diệt trừ. Này Hiền giả, ví như một bát bằng đồng, mang từ chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Nhưng người chủ của bát ấy đựng đầy bát với xác rắn, xác chó hay xác người, đậy lại với một cái bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Có người thấy vậy bèn hỏi: 'Bạn mang cái gì có vẻ đẹp đẽ ngon lành vậy?'. Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì với người ấy, không ưa thích khởi lên, sự ghê tởm khởi lên, và sự yếm ố khởi lên.

Những người đói còn chưa muốn ăn các thứ ấy, huống nữa là những người đã no.

Cũng vậy, này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào, các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này còn được thấy và được nghe là chưa được diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy là vị sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng, sống hạnh khất thực, thứ lớp khất thực từng nhà một, theo hạnh mang phấn tảo y, mặc y phục thô xấu, thời các đồng phạm hạnh không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy?

Vì các bậc Tôn giả này còn được thấy và còn được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này là chưa được diệt trừ.

Này Hiền giả, đối với Tỷ-kheo nào mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục của vị Tỷ-kheo ấy đã được diệt trừ. Này Hiền giả, ví như một bát đồng, mang từ hàng chợ về hay từ nhà người thợ rèn về, bát ấy thanh tịnh, sạch sẽ. Người chủ cái bát ấy đựng đầy với gạo ngon, cơm lành, các hột đen đã lấy ra, các loại đồ ăn, đậy lại với một bát đồng khác rồi mang về hàng chợ lại. Các người thấy vậy bèn hỏi: 'Bạn mang cái gì có vẻ đẹp đẽ ngon lành vậy?'. Khi cầm cái bát lên, mở ra và nhìn vào, thì đối với người ấy, ưa thích khởi lên, sự không ghê tởm khởi lên, sự không yếm ố khởi lên. Người no còn muốn ăn các thứ ấy huống nữa là người đói. Này Hiền giả, cũng vậy, đối với vị Tỷ-kheo nào, mà các ác, bất thiện pháp, cảnh giới của dục này được thấy và được nghe là đã diệt trừ, nếu Tỷ-kheo ấy sống ở biên giới gần làng mạc, chấp nhận biệt thỉnh thực, mang y người gia chủ cúng, thời các đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng lễ bái cúng dường Tỷ-kheo ấy. Vì sao vậy? Vì các bậc Tôn giả này được thấy và được nghe các ác, bất thiện pháp cảnh giới của dục này đã được diệt trừ"[13]. ■

Chú thích: 1. Kinh Đáng ghê tởm, *Tăng chi bộ*. **2.** Tiểu kinh Xóm ngựa, *Trung bộ*. **3.** Đại kinh Xóm ngựa, *Trung bộ*. **4.** Kinh Cela, *Tương ưng bộ*. **5.** Đại kinh Saccaka, *Trung bộ*. **6.** Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. **7.** Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*. **8.** Kinh Lợi ích bất động, *Trung bộ*. **9.** Kinh Tẩy trần, *Tăng chi bộ*. **10.** Kinh Đại Bát-niết-bàn, *Trường bộ*. **11.** Kinh Mahà Sakuludayi, *Trung bộ*. **12.** *Kinh Pháp cú*, kệ số 9. **13.** Kinh Vô uế, *Trung bộ*.

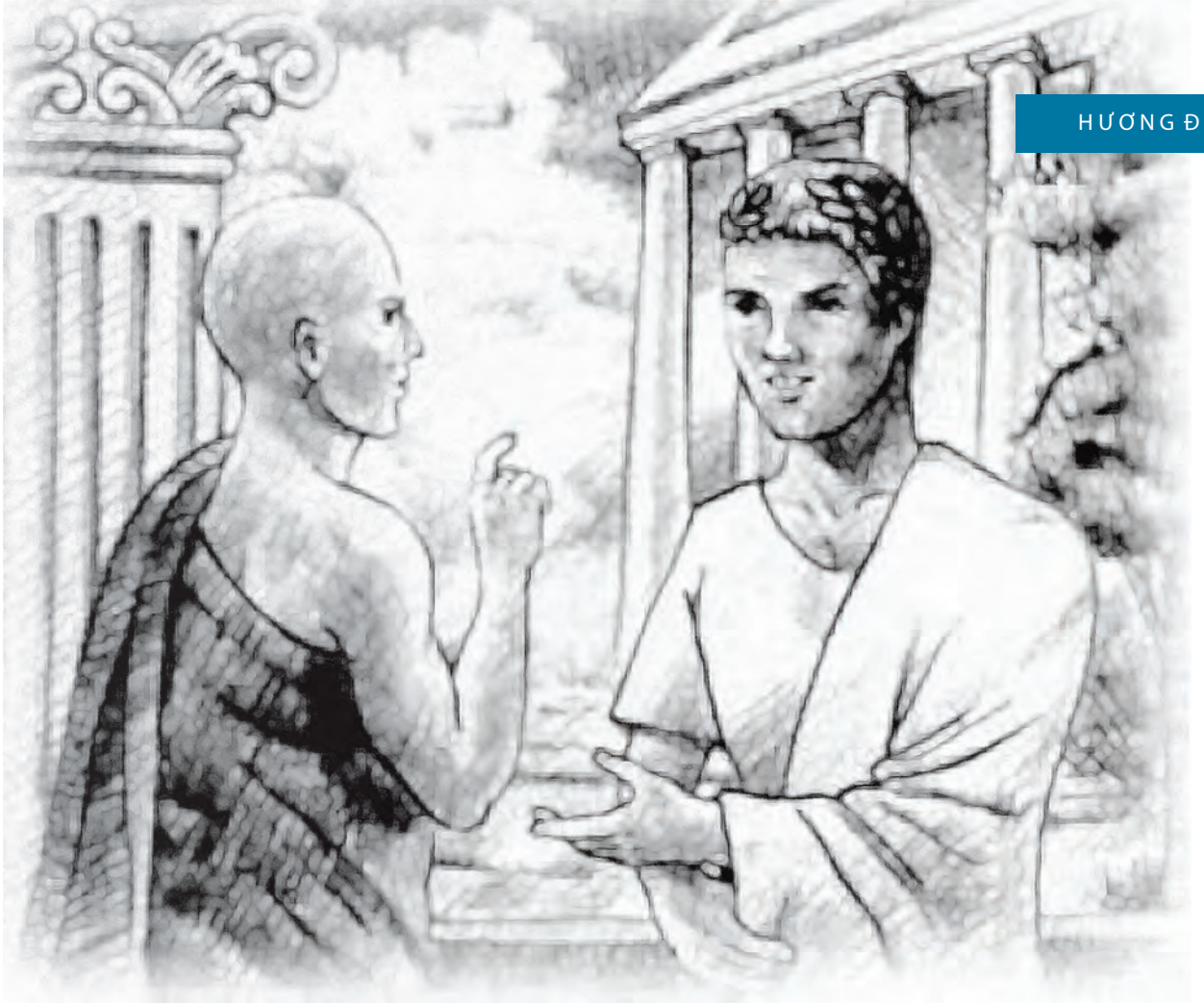

"Không" có ý nghĩa gì?

CAO HUY HÓA

Trong ngôn ngữ thường tình, từ *"không"* thuộc loại từ được nói và viết nhiều nhất, thường được dùng như: *không là, không có, không phải, không làm, không nghĩ, không thích*… đối lập với: *là, có, phải, làm, nghĩ, thích*… *"Không"* cũng có nghĩa *"không có gì"*, là *rỗng*. Dầu ý nghĩa như thế nào thì *"không"* đều đề cập đến thực thể, đến *"có"*, vì sự vật hay hiện tượng dầu có hay không có đó, thì vẫn động đến căn mắt và các căn khác.

Nhưng khi dùng từ *"không"* trong triết lý Phật giáo thì ý nghĩa vượt quá ngôn ngữ thường tình và chắc chắn trở nên khó hiểu, mông lung, khó tưởng tượng đối với mọi người, kể cả những Phật tử ít nhiều có tu tập; mà cũng khó chịu nữa, vì đầu óc cứ quen nghĩ chữ *"không"* thường tình. *"Không"* theo tiếng Phạn là *Śūnyatā*, tiếng Pali là *Suññatā*, dịch ra tiếng Anh bằng những thuật ngữ *emptiness, nothingness, voidness* (nói chung, theo nghĩa thông thường thì cũng có nghĩa là *rỗng không* như tiếng Việt và những ý nghĩa có thể suy ra từ đó). Mặt khác, ngay trong Phật giáo, các trường phái cũng diễn giải *"không"* theo nhiều cách khác nhau.

Từ *"không"* không phải đề cập đến một khoảng trống vật lý hay tâm lý hoặc một loại chủ nghĩa hư vô. Trong kinh điển Pali, bao gồm một số kinh điển Phật giáo sớm nhất, Đức Phật thường phủ nhận sự tồn tại của bản ngã bằng khái niệm về sự trống rỗng. Bản kinh nổi tiếng *Milindapañha* (Mi-lan-đà vấn đáp hay còn gọi là Na-tiên Tỳ-kheo), có kể lại câu chuyện thú vị về việc Tỳ-kheo Na-tiên đã giúp vua Mi-lan-đà nhận chân tính vô ngã của vạn sự và tất nhiên là của "cái tôi" (vô ngã) bằng một thí dụ. Ngài chỉ vào cỗ xe của nhà vua rồi hỏi, "Đâu là bản chất của cỗ xe? Có phải ở trong bánh xe? Ở trong gọng xe? Trong trục xe? Trong mui xe…? Vậy, cỗ xe không có tự tính".

Tất nhiên, không có bộ phận cấu thành nào chứa bản chất của cỗ xe, và mỗi bộ phận được chia thành các phần nhỏ hơn cũng không có bản chất đơn lẻ. Giống như cỗ xe, cái *"ngã"* mà chúng ta rất coi trọng, không gì khác hơn là kết hợp tạm thời với nhiều thứ

khác nhau, đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức - cái ngã đó là "không". "Không" có thể hiểu như là *"không có tự tính"*. Chiếc xe không có tự tính vì nó không tồn tại như một thực thể riêng, độc lập. Xe như vậy thì người cũng như vậy, mọi pháp cũng như vậy.

Để ban đầu dễ quan niệm tính "không", Đức Phật dùng ẩn dụ đơn giản khi nói đến cái nhà trống. *"Này các tỳ-kheo, có những túp lều trống không, hãy thiền đi!"*.

Người học Phật qua câu chuyện đơn giản này có thể hiểu giáo pháp vô ngã cốt lõi của Phật giáo: giống như một căn phòng có thể trống rỗng đồ đạc, tâm và thân là trống rỗng cái ngã và của bất cứ thứ gì thuộc về cái ngã.

Như vậy *"không"* là *vô ngã*, *vô ngã* là *"không"*. Đức Phật nói với vị thị giả A-nan về một trong hai *bài pháp về không* (Sunnata Sutta), *"Ta thường ở trong tính không"*, và tiếp tục diễn tả một lối tu tập thiền trong đó các đối tượng nhận thức dần dần trở nên tinh tế hơn cho đến khi người ta hiểu được rằng "lãnh vực này của nhận thức chỉ là trống rỗng". Đến điểm đó, tính *không* gần như trở thành một từ đồng nghĩa với *Niết-bàn*, vốn được xác định trong nhiều kinh điển như là một tâm trống rỗng tham, sân, si.

Nhà triết học Phật giáo lỗi lạc, Bồ-tát Long Thọ, thuộc thế kỷ thứ II nâng cao tính *không* trong các chuyên luận của mình bằng cách rút ra những hàm ý của pháp Phật về vô thường và căn nguyên phụ thuộc. Tất cả mọi thứ đều trong tiến trình phát sinh và biến mất, bao giờ cũng *"trở thành"* và như vậy không bao giờ thực sự *"là"*. Bị điều kiện hóa bởi rất nhiều nguyên nhân tương thuộc, mọi sự đều "rỗng" về bất cứ loại bản chất độc lập hay bên trong và do đó chẳng cần giải nghĩa nào.

Các trường phái triết học Phật giáo sau này đã mở rộng khái niệm *"không"* để bao gồm tất cả các hiện tượng trên thế giới; điều này được thể hiện trong kinh điển Đại thừa, mà nổi tiếng nhất là *Bát-nhã Tâm kinh*. Trong bản kinh súc tích này, từ *không* được lặp đi lặp lại nhiều lần, với hàm ý tính không là cốt lõi của kinh, chẳng hạn: *"Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị"* (sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, thọ tưởng hành thức cũng đều như thế), và nhiều nữa.

Mọi thứ đều phụ thuộc vào cái gì khác, không có gì tồn tại trong bất kỳ cách thức độc lập và bền bỉ nào. Kinh này tiếp tục dạy rằng *"không là bản chất của mọi pháp"*, từ đó, mở rộng quán sát tâm lý để nhận ra rằng nếu một người là trống rỗng cái ngã sẽ đi đến cái nhìn siêu hình toàn diện rằng mọi hiện tượng đều trống rỗng tự bản chất.

Một số trường phái Phật giáo còn đi xa hơn: mọi thứ chúng ta cảm nhận đều phụ thuộc vào tâm với nhận thức nó "tồn tại" (Nhất thiết duy tâm tạo), và do đó trống rỗng về bản chất. Không có gì có thực thể - ngay cả những hạt li ti nhất tưởng tượng được cũng như chính tâm ta . Tất cả đều liên quan với nhau, tất cả đều "không".

Khi Đạo Phật Đại thừa du nhập vào Trung Hoa, rồi vào Nhật Bản thì khái niệm về tính không đã phát triển theo ba hướng:

Thứ nhất

Cùng với ý tưởng bổ sung về bản tính *như-vậy (tathata: chân như)*, trường phái Thiên Thai đã làm phong phú tính *không* bằng cách phát triển khái niệm về một *Phật tính phổ quát tiềm ẩn* nơi chúng sinh.

Thứ hai

Trường phái Hoa Nghiêm, bao trùm cả *chân như* và *tính không*, nhấn mạnh sự thâm nhập triệt để vào nhau của mọi hiện tượng.

Thứ ba

Trường phái dung hợp ý tưởng vô vi của Đạo giáo với vô vi ở Thiền Trung Quốc hay Zen Nhật Bản của Phật giáo, đã khuyến khích cách tiếp cận vô sắc của vô tâm hay vô niệm. (Thực ra, *vô vi* trong Phật giáo được dịch từ thuật ngữ *asamskrta* trong ngôn ngữ Sanskrit, có nghĩa là *không nguyên nhân*, *không tạo tác*, *không kết hợp*, *không điều kiện*, *không bản chất*, khác với *vô vi* của Đạo giáo).

Hiểu một cách đúng đắn, mọi thứ không tồn tại (kể từ khi chúng biến mất) cũng không không tồn tại (kể từ khi chúng xảy ra); đúng hơn, đơn giản là trống rỗng - đòi hỏi một trực giác không-dựa-trên-khái-niệm của trí tuệ, như kensho (kiến tánh) hoặc satori (ngộ) của Nhật Bản.

Kinh điển Phật giáo Đại thừa lấy tính không làm trung tâm. Thế Phật giáo Nguyên thủy thì sao? Tôi xin dẫn bài của thiền sư Thanissaro, một Tỳ-kheo tu tập, hành thiền và có nhiều tác phẩm nghiên cứu về đạo Phật xuất bản ở phương Tây và được phổ biến trên thế giới.

"Tính *không* là một kiểu nhận thức, một cách nhìn vào kinh nghiệm. Nó không thêm gì vào, và không lấy gì đi, từ dữ liệu thô của các sự kiện thể chất và tinh thần. Bạn nhìn vào các sự kiện trong tâm và các giác quan mà không nghĩ đến việc liệu có bất cứ điều gì nằm đằng sau chúng hay không.

Tính này được gọi là *không* vì nó trống rỗng những giả định mà chúng ta thường thêm vào kinh nghiệm để tạo cảm giác về nó: đó là những câu chuyện và thế giới quan mà chúng ta làm rập theo khuôn để giải thích chúng ta là ai và thế giới chúng ta đang sống là gì. Mặc dầu những câu chuyện và quan điểm đó có những công dụng của chúng, Đức Phật phát hiện ra rằng những câu hỏi mà chúng nêu lên - về bản sắc thật của chúng ta và thực thể của thế giới bên ngoài - đã kéo sự chú ý ra khỏi kinh nghiệm trực tiếp về các sự kiện ảnh hưởng lẫn nhau ngay tức khắc trước mắt. Do đó, chúng gây trở ngại khi chúng ta cố gắng hiểu và giải quyết vấn đề đau khổ.

Chẳng hạn, nói rằng bạn đang thiền và một cảm giác tức giận nhằm vào mẹ bạn xuất hiện. Ngay lập tức, phản ứng của tâm bạn là *đồng hóa cơn giận như là cơn giận "của tôi", hay nói rằng "tôi là" giận*.

Sau đó, nó thêm thắt về cảm giác, hoặc đưa nó vào câu chuyện về mối quan hệ của bạn với mẹ, hoặc theo quan điểm tổng quát của bạn về thời điểm và nơi mà sự tức giận đối với mẹ của ai đó có thể được biện minh cho mình.

Theo Đức Phật, những câu chuyện và quan điểm này kéo theo rất nhiều đau khổ. Bạn càng tham gia vào chúng, bạn càng bị quẫn trí khi thấy *nguyên nhân thực sự của đau khổ: đó là các nhãn "tôi" và "của tôi"* đã đặt vào trong toàn bộ quá trình vận động. Kết quả là, bạn không thể tìm thấy cách để làm sáng tỏ nguyên nhân đó và đưa sự đau khổ đến kết thúc.

Tuy nhiên, nếu bạn áp dụng kiểu trống rỗng - bằng cách không hành động, cũng không phản ứng với cơn giận - mà đơn giản chỉ xem nó như một chuỗi các sự kiện, ở trong và của chính những chuỗi đó, bạn có thể thấy rằng cơn giận là trống rỗng, chẳng có gì đồng hóa với nó hay sở hữu nó. Khi bạn làm chủ kiểu trống rỗng này một cách kiên định hơn, bạn sẽ thấy rằng sự thật này không chỉ dành cho những cảm xúc thô thiển như cơn giận, mà còn cho cả những sự kiện tinh tế nhất trong địa hạt kinh nghiệm".

Phải chăng thiền Tứ Niệm Xứ, một pháp thiền do chính Đức Phật lập ra, nhằm quán chiếu thân và tâm, trước hết là thiền hơi thở, sẽ giúp ta làm chủ kiểu trống rỗng này một cách kiên định? Nhiều Phật tử và không Phật tử có một số vốn liếng văn hóa và tri thức ở đời, thường hay tìm tòi tra cứu giáo lý đến từng chữ nghĩa. Điều đó là tự nhiên, hợp lý, nhưng theo thiển ý, có đọc hoài cũng không hết thắc mắc.

Tuy nhiên, nếu đọc Phật, chiêm nghiệm cuộc đời, sống trong Tam bảo, nhìn về thân giáo của những vị thầy… thì học và hành kết nối giúp ta tăng tiến trên đường đạo, và cảm nhận về *"không"* nhẹ nhàng đến với ta, khi này hoặc khi khác, mà ta không cần biết. Đây mới là quan trọng, chứ giáo lý thì mênh mông, dầu không nắm hết mọi căn bản thì không có gì lạ… Cũng tùy duyên thôi!

Trở lại với tính Không, quan niệm của Thiền sư Thanissaro thật là gần gũi với đời sống, gợi ra một chỉ dẫn trên con đường tu. Từ nền tảng này, dần dần ta có thể thâm nhập thêm tính Không của Phật giáo đại thừa. Dầu sao tính Không nói chung cho ta cách sống, là hãy bớt cái ngã đi, bớt tham sân si đi, đừng vơ vào những cái "ta", cái "của ta" không thực có, để ta hít thở không khí trong lành một cách tự nhiên mà không cần phân tích. ■

Tài liệu sử dụng:

1. Andrew Olendzki, *What's in a Word? Emptiness*, Tricycle, Winter 2018.

2. Thanissaro Bhikkhu, *What Do Buddhists Mean When They Talk About Emptiness?*, Tricycle, Spring 2017.

Khoa học và Phật giáo

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Khoa học

Những mô hình của con người về thiên nhiên đều có đặc tính toán học. Có thể nói, nếu không có toán học thì không có vật lý học vì không có gì để chứng minh và kết luận vật lý học thành những công thức.

Nhưng ở thế kỷ XX, chúng ta chạm phải những nghi ngờ về quyền năng của toán học.

Các định lý bất toàn của Kurt Godel xuất bản năm 1931 có thể tóm tắt là: không một hệ thống toán học nào là tự đủ với chính nó, bởi vì trong đó có những định đề không thể chứng minh được trong hệ thống ấy. Muốn chứng minh được những định đề ấy phải ra ngoài hệ thống ấy, phải nhờ một hệ thống khác. Như thế, hệ thống này phải nhờ hệ thống kia và như vậy cho đến vô tận.

Alan Turing thường được xem là cha đẻ của ngành máy tính, cho rằng không có thuật toán nào để giải quyết các Bài toán dừng. Điều này đã được chứng minh trong các máy vi tính dầu hiện đại nhất, thế nào nó cũng có lúc dừng, và người ta không biết lúc nào nó sẽ dừng.

Chúng ta hãy lấy Bài toán trò chơi Ghép hình khỉ trong sách *Điều Bất Khả - Giới hạn của khoa học và Khoa học của giới hạn* của John D. Barrow, 1998; bản tiếng Việt 2011, Nxb Tri Thức.

"Trò chơi này là khối Rubik cho người nghèo. Bộ trò chơi có 9 tấm thẻ vuông, mỗi thẻ in bốn nửa hình con khỉ có 4 màu khác nhau. Yêu cầu của trò chơi là phải sắp 9 tấm thẻ sao cho hình các con khỉ phải khớp với nhau và phải cùng màu. Để giải đáp, một thuật toán máy tính sẽ phải làm việc qua số phương án bằng 9 x 8 x 7 x 6 x 5 x 4 x 3 x 2 x 1 = 362.880. Ta gọi trị số này là "giai thừa 9", được biểu diễn bằng kí hiệu "9!". Trị số của giai thừa tăng lên rất nhanh theo số gốc. Trị số của 36! (tức là số gốc tăng lên chỉ 4 lần) gồm có 41 con số, và một máy điện toán chạy qua 36! cách sắp xếp với tốc độ một triệu cách sắp xếp mỗi giây sẽ phải mất 11 tỉ tỉ tỉ năm mới chạy xong. Đây chắc chắn là điều bất khả trên thực tế".

Một bài toán của Christian Goldbach nêu ra vào năm 1742 là: *"Một số chẵn là tổng của hai số nguyên tố"*, đến nay vẫn chưa chứng minh được 8 = 3 + 5. Trực quan thì dễ hiểu mà chứng minh thì gần 300 năm rồi thế giới toán học vẫn chưa chứng minh được.

Dĩ nhiên toán học vẫn còn mãi tiến bộ, nhưng giới hạn của toán học có lẽ vẫn sẽ được mở rộng mãi không cùng.

Về vật lý học, trong những thập niên đầu của thế kỷ XX, hai nền vật lý học, Thuyết tương đối Hẹp và Rộng của Einstein và Vật lý Lượng tử đã làm thay đổi thế giới vật lý học. Ở đây chỉ nói qua về vật lý lượng tử:

- Hằng số Max Planck khiến chúng ta không thể biết ở trước 10^{-43} giây của vụ nổ Big Bang thì vũ trụ là thế nào, cái gì tạo ra vũ trụ. Giới hạn của bức tường Planck là một giới hạn của vật lý học hiện đại.

- Theo định lý Bất định của Heisenberg (1927), nếu ta biết vận tốc của một hạt thì sẽ không biết vị trí của nó, và ngược lại, biết vị trí của nó thì không biết vận tốc của nó.

- Một nguyên lý căn bản của vật lý lượng tử là Nguyên lý Bổ sung của Niels Bohr: Trong thế giới sóng - hạt của ánh sáng và vật chất, điều ta thấy phụ thuộc vào cách ta quan sát, nghĩa là chủ thể quan sát ảnh hưởng vào đối tượng được quan sát. Nếu chúng ta quan sát theo dạng sóng, đối tượng sẽ thành sóng; nếu chúng ta quan sát theo dạng hạt nó sẽ thành hạt.

Từ đó chúng ta có những khái niệm bất định xứ (non-local), sự mờ nhòe lượng tử, nguyên lý chồng chập, tính ngẫu nhiên, tính bất khả phân và đồng thời… đến độ nhiều nhà khoa học dùng chữ "lãng mạn" để chỉ vật lý lượng tử.

Cả thế kỷ nay các nhà vật lý lý thuyết cố công tìm ra một lý thuyết hợp nhất được Vật lý Tương đối của Einstein và Vật lý Lượng tử vì cả hai đều đã đúng trên mặt thực nghiệm. Lý thuyết được mơ ước đó, được đặt tên là Lý thuyết về tất cả mọi sự (Theorie of Everything), nghĩa là một Lý thuyết Thống nhất toàn bộ vũ trụ.

Các nhà vật lý đã sáng tạo ra Lý thuyết Dây với 11 chiều, nhưng hầu như không thể thí nghiệm được là đúng hay sai vì điều kiện của thế giới và vũ trụ của chúng ta không cho phép.

Mới đây nhà vật lý nổi tiếng nhất trong hậu bán thế kỷ XX, Stephen Hawking đã viết trong cuốn *Bản thiết kế vĩ đại* (2010) cùng với Leonard Mlodinow rằng: *"Sự tìm kiếm để khám phá một lý thuyết cuối cùng có thể chẳng bao giờ dẫn đến một bộ thống nhất những phương trình. Mỗi lý thuyết khoa học đem đến một kiểu mẫu riêng của nó về thực tại và điều đó khiến cho khoa học không nói được cái thực tại nào là thực sự và tối hậu"*.

Tuy nhiên chúng ta thấy khoa học vẫn tiến bộ, vẫn khám phá ra nhiều cái mới, nhất là ở mặt kỹ thuật để sử dụng trên ngôi nhà trái đất này. Nhưng Lý thuyết về Tất cả Mọi sự thì có lẽ chẳng bao giờ với tới, bởi vì những giới hạn nằm trong chính mọi ngành nghiên cứu và cũng nằm trong ý thức con người. Có lẽ, như Định lý Bất toàn của Godel, chúng ta ở trong hệ thống vũ trụ này nên chúng ta không thể nào hiểu biết hết hệ thống vũ trụ này. Muốn hiểu biết hết vũ trụ này chúng ta phải ra ngoài hệ thống vũ trụ này để qua một hệ thống vũ trụ khác. Đây là điều không thể.

Nếu như phương trình chuyển hóa khối lượng thành năng lượng $E=mc^2$ rất kỳ diệu và đơn giản của Einstein đã không thể chuyển hóa khổ đau và phiền não của con người thì, chúng ta hãy tưởng tượng, dù cho khám phá ra phương trình Lý thuyết về Tất cả mọi sự, việc trì tụng nó như trì tụng thần chú cũng chẳng thể xóa đi những phiền não, khổ đau của mỗi cá nhân chúng ta. Chẳng có thần dược nào tịnh hóa được những phiền não khổ đau của chúng ta. Nếu làm "quên" được, nó sẽ làm cho chúng ta chết, mà cái chết chắc gì đã xóa hết được. Và chúng ta có làm gì thì vũ trụ này cũng có ngày chết, vì nó đã được sinh ra. Cũng phải nói thêm rằng khoa học kỹ thuật đã được ứng dụng trong một nền kinh tế nhắm vào tiêu thụ nên con người hiện nay dễ lạc vào một thế giới vật chất mà quên đi thân phận sống chết của mình. Câu hỏi "Tôi là cái gì? Tôi đến từ đâu? Chết, tôi đi về đâu?" của Tây phương từ thời bình minh Hy Lạp vẫn chưa được khoa học giải đáp.

Đạo Phật nói rằng những gì con người khám phá ra ở vũ trụ tương đối và vô thường dù đó là những định luật khoa học, đều là những chân lý tương đối và quy ước, vì đối tượng của chúng là những sự vật tương đối và vô thường. Khi mọi nhu cầu của cuộc sống làm người đều được đáp ứng bởi khoa học và kỹ thuật, bởi các ngành kinh tế, pháp luật, xã hội… thì đạo Phật vẫn tồn tại và phát triển, bởi vì đạo Phật đáp ứng được cho con người nhu cầu tối hậu (nhu cầu thứ năm theo hình dung của Abraham Maslow): chân lý tuyệt đối và tối hậu.

Đạo Phật

Chân lý tuyệt đối và tối hậu theo đạo Phật là gì? Làm sao đạt được nó?

Sau đây chúng ta trích vài đoạn trong kinh *Lăng-già* để tìm hiểu phần nào con đường Phật giáo đi đến chân lý tuyệt đối và tối hậu.

Edmund Husserl (1859-1938), người khai sinh ra Hiện tượng luận (Phenomenology) đã nói: *"Ý thức là ý thức về cái gì".* Cũng phải nói thêm, Hiện tượng luận có tham vọng là tìm ra hiện tượng thuần túy và chủ thể thuần túy, chưa bị biến chất bởi những ý tưởng loạn động của con người, nên đã đặt ra nhiều phương pháp như "để vào trong dấu ngoặc" và "giảm trừ hiện tượng luận"… Nhưng, như chúng ta đã thấy, Hiện tượng luận không mấy thành công, và trở thành một phong trào yếu dần theo thời gian.

Ý thức bao giờ cũng hoạt động trong sự chia cách chủ thể và đối tượng. Ý thức chính là sự chia cách ấy nên ý thức không bao giờ lấp đầy được hố sâu ngăn cách chủ thể và đối tượng. Với kinh *Lăng-già,* sự chia cách ấy không chỉ ở ý thức, mà còn ở năm thức giác

quan, thức chấp ngã (ý) và ở trong Tạng thức A-lại-da (tâm), nghĩa là trong toàn bộ tám thức.

Thế nên, kinh nói: *"Vượt khỏi và chuyển hóa tâm, ý, ý thức"*. Vượt khỏi và chuyển hóa tâm, ý, ý thức nghĩa là vượt khỏi và chuyển hóa sự phân biệt chia cách của tâm thức.

"Phật dạy: Đại Huệ! Ta rõ các pháp chỉ do tâm mà hiện, không có chủ thể nắm bắt và đối tượng nắm bắt, nên nói cái này có nên cái kia có. Nếu không biết các hiện tượng chỉ do tâm mà hiện, vọng suy tính có chủ thể nắm bắt và đối tượng được nắm bắt, chấp trước cảnh ngoài hoặc có hoặc không, đó là có lỗi, chẳng phải chỗ ta nói".

Người thực hành không chỉ tìm cách xóa bỏ sự phân chia chủ thể - đối tượng chỉ bằng ý thức một cách trí thức, mà bằng toàn bộ thân tâm, tức là bằng Giới Định Huệ.

Sở dĩ con người không tìm được an vui vì nó đã chia cách với những con người và với thế giới, vũ trụ. Có sự chia cách gây ra khổ đau này là do chấp ngã và chấp pháp (những hiện tượng). Cho nên để hoàn nguyên lại một thế giới như thật, không bị chia cách, thì phải xóa bỏ sự chấp ngã và chấp pháp giả tạo và hư vọng này đi. Cái thấy thực sự (chánh kiến) là thấy "hai vô ngã": con người vô ngã (nhân) và những hiện tượng (pháp) vô ngã. Chính cái thấy sự vô ngã, vô tự tánh của "nhân và pháp", phá tan sự chấp ngã và chấp pháp để trả lại cho con người và thế giới sự thanh tịnh bổn nguyên chưa hề bị chia cắt của nó.

"Lợi lạc của Pháp là gì? Là rõ tất cả các hiện tượng là tâm, thấy hai vô ngã, chẳng nắm giữ tướng, không có phân biệt, khéo rõ các địa, lìa tâm, ý, ý thức. Tất cả chư Phật nơi tất cả các hiện tượng được tự tại, đó gọi là sự lợi lạc của Pháp, vì không sa vào tất cả các kiến nhị biên phân biệt hý luận đoạn thường".

Thấy được "hai vô ngã" là xóa được sự chấp ngã và chấp pháp, lấp đầy được hố sâu ngăn cách giả tạo và hư vọng giữa chủ thể và đối tượng, giữa cái tôi và tất cả mọi sự và giữa mọi sự với nhau.

Vượt khỏi thức để chuyển hóa chúng là thế nào? Kinh cho chúng ta cái hiểu biết về thức và trí:

"Trí là biết được bất sanh bất diệt. Sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí. Sa vào tướng và vô tướng do lấy các thứ tướng hữu vô làm nhân là thức. Lìa tướng và vô tướng do lìa nhân hữu vô là trí. Có tích tập tướng là thức, không tích tập tướng là trí. Có chuyển động, có sanh là thức. Không chuyển động, không sanh là trí".

Đây là sự chuyển thức thành trí. Thành tựu sự chuyển thức thành trí này thì:

- Tạng thức A-lại-da bị nhiễm ô bởi phân biệt chia cắt và phiền não vi tế chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí; Trí rộng lớn bao la sáng soi như tấm gương.

- Thức thứ bảy chấp ngã chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí; Trí thấy tất cả mọi hiện tượng đều bình đẳng, nghĩa là cùng một bản tánh.

- Ý thức phân biệt chuyển thành Diệu Quan Sát Trí; Trí thấy sự khác biệt của các hiện tượng nhưng đồng thời vẫn thấy chúng bình đẳng trong bản tánh.

- Năm thức giác quan chuyển thành Thành Sở Tác Trí; Trí làm việc trong thế giới vật chất nhưng vẫn tự do, tự tại vì không còn bị nhiễm ô bởi thức phân biệt sanh ra phiền não.

Đây là thực tại tuyệt đối và tối hậu được gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Đây cũng là chân lý tuyệt đối và tối hậu theo kinh *Lăng-già*. ■

Thực hành tính chân thật

BARBARA O'BRIEN
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Giới luật nhà Phật không phải là những quy tắc bắt buộc mà tất cả mọi người đều phải tuân thủ. Thay vào đó, việc thực hành giới luật chỉ là những cam kết cá nhân của những người đã chấp nhận đi theo con đường Phật giáo. Việc thực hành giới luật chính là một hình thức rèn luyện để đạt tới sự giác ngộ.

Vọng ngữ chính là giới thứ tư thuộc hệ thống giới luật của nhà Phật, được thể hiện trong kinh điển Pali như sau: *"Tôi nguyện tránh xa sự nói dối"*. Giới thứ tư cũng được diễn tả là việc từ bỏ sự dối trá hoặc việc thực hành tính chân thật.

Norman Fischer, một vị giáo thọ thuộc thiền Tào Động Nhật Bản, nêu lên lời nguyện thứ tư là: *"Tôi nguyện không dối trá mà nguyện giữ sự chân thật"*.

Giữ gìn sự chân thật nghĩa là gì

Trong Phật giáo, việc giữ gìn sự chân thật không chỉ là không nói điều không đúng với sự thật. Quả thực, tính chân thật trong Phật giáo có nghĩa là nói điều thật thà và ngay thẳng. Nhưng ở đây còn có nghĩa là sử dụng lời nói để mang lại lợi ích cho cả người khác nữa, chứ không phải chỉ làm lợi cho riêng mình. Khi lời nói có gốc rễ của tam độc - tham sân si - thì đó là lời lừa lọc.

Nếu điều bạn nói ra được sắp đặt để mang lại cho bạn điều mình muốn, hoặc để làm tổn thương người mà bạn không ưa, hay chỉ để cho thấy rằng bạn quan trọng hơn người khác, thì những lời ấy cũng chỉ là lời lừa lọc mặc dù chúng có chứa đựng những phần sự thật. Chẳng hạn, việc lặp đi lặp lại dư luận xấu về một người nào đó mà bạn ghét thì cũng thuộc loại lời lừa lọc, ngay cả dư luận ấy là thực.

Một vị giáo thọ thiền Tào Động khác, Reb Anderson, có chỉ ra trong tác phẩm của ông, *Trở thành chính trực: Thiền định và Bồ-tát giới (Being Upright: Zen Meditation and the Bodhisattva Precepts* [Rodmell Press, 2001]) rằng, *"Mọi lời nói dựa trên sự quan tâm quá mức đến lợi ích của chính mình đều là lời lừa lọc hay lời gây hại"*.

Ngài bảo rằng những lời nói dựa trên sự quan tâm quá mức đến lợi ích của người nói đều là những điều được sắp đặt để nói ra nhằm tự đề cao mình, nhằm tự bảo vệ mình hoặc nhằm tạo điều kiện khiến mình có được những gì mình đang mong cầu. Ngược lại, lời chân thực xuất hiện một cách tự nhiên từ lòng vị tha, từ sự quan tâm đến lợi ích của người khác.

Sự thật và Ý định

Lời nói không thật bao gồm những lời nói hoặc đưa ra một nửa sự thật hoặc chỉ thể hiện một phần sự thật. Một lời nói chứa đựng một nửa sự thật hay chỉ một phần sự thật là một phát biểu có chứa đựng những phần sự thật nhưng xóa bớt thông tin theo cách sao cho có thể chuyên chở những điều dối trá. Nếu bạn từng đọc các mục *"Xác minh Thực tế"* trên những tờ nhật báo quan trọng, bạn có thể thấy rất nhiều phát biểu nghe rất kêu nhưng thực ra chỉ là những nửa sự thật. Chẳng hạn, nếu một chính khách nói, *"Chính sách của đối thủ của tôi là sẽ tăng thuế…"* nhưng ông ta lại bỏ đi một phần lời phát biểu của đối thủ về chính sách ấy, vốn xác định rằng *"… đối với những khoản thu nhập trên một triệu đô-la"*, thì đó chỉ là một nửa sự thật.

Trong trường hợp này, điều mà nhà chính khách ấy nói chỉ nhằm mục đích khiến cho thính giả của ông ta

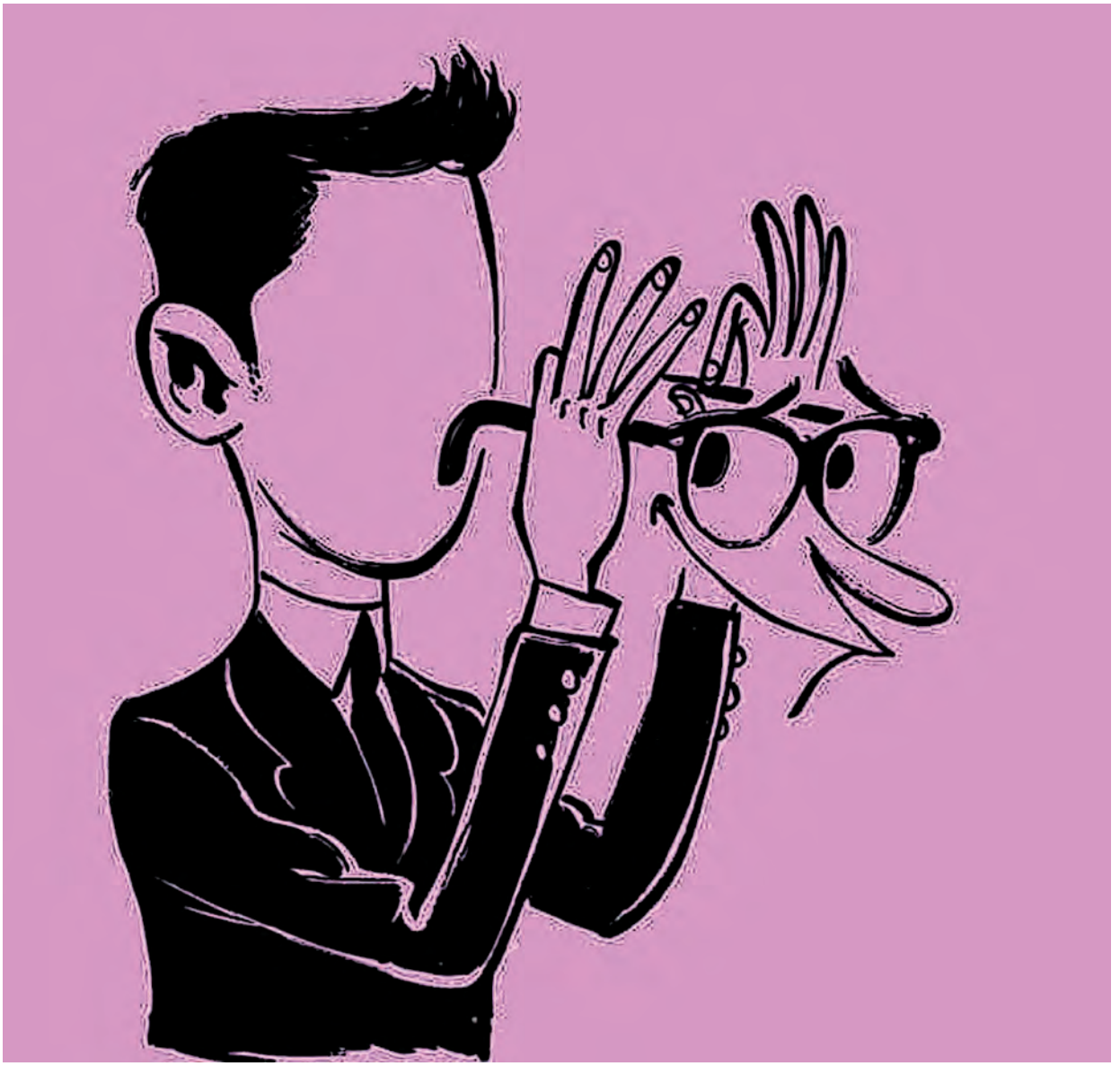

nghĩ rằng nếu họ bỏ phiếu cho đối thủ của ông ta thì mức thuế phải nộp của họ sẽ tăng lên.

Việc nói sự thật đòi hỏi phải có chánh niệm về điều gì là sự thật. Điều này cũng đòi hỏi chúng ta phải xét kỹ, xem có những điều gì thúc đẩy ta phải nói hay không, để bảo đảm rằng không hề có một dấu vết nào liên quan đến sự bám chấp của tự ngã đằng sau những lời lẽ của ta.

Chẳng hạn, những người hoạt động vì những lý tưởng xã hội và chính trị thường trở nên bị nghiện với những điều mà họ tự cho là lý tưởng của sự công chính. Những phát biểu nhằm kêu gọi sự ủng hộ cho lý tưởng của họ trở nên bị ô nhiễm bởi nhu cầu thể hiện cảm tưởng rằng họ có phẩm chất ưu việt về mặt đạo đức.

Đối với Phật giáo Nguyên thủy, có bốn yếu tố được coi là vi phạm đến giới vọng ngữ này:

1. Một tình thế hay một trạng thái công việc không thật; một điều gì đó có tính dối trá.
2. Một ý định lừa gạt.
3. Sự biểu hiện điều sai lầm, cho dù bằng lời, bằng điệu bộ, hay bằng "ngôn ngữ cơ thể".
4. Việc truyền đạt một ấn tượng sai lạc.

Nếu một người nói một điều không thật trong lúc thành thực tin tưởng đó là sự thật, không nhất thiết phải coi rằng người ấy đã vi phạm giới thứ tư. Tuy nhiên, hãy cẩn thận với điều mà các luật sư trong các vụ kiện liên quan đến tội phỉ báng gọi là *"liều lĩnh coi thường sự thật"*.

Sự liều lĩnh loan truyền những thông tin không đúng với sự thật mà lẽ ra trước đó ít nhất cũng phải có một chút cố gắng kiểm chứng cũng là một trong

những trường hợp không biết thực hành giới cấm thứ tư, ngay cả khi người loan truyền thông tin ấy thực tình tin rằng thông tin ấy là sự thật.

Điều đúng đắn là phải phát triển được một thói quen tinh thần để biết hoài nghi trước những thông tin mà bạn muốn tin tưởng. Khi ta nghe được một điều gì đó có tác dụng củng cố những định kiến có sẵn của mình, luôn luôn có một khuynh hướng rất thường tình là ta chấp nhận điều đó một cách mù quáng, nếu không nói là bằng cả một sự háo hức, không cần kiểm chứng, rằng đó chính là sự thật. Vì vậy, hãy thật cẩn thận.

Không nhất thiết
lúc nào cũng phải tử tế

Việc thực hành tính chân thật không có nghĩa là ta không được phép thể hiện sự không đồng ý hoặc sự chỉ trích. Trong tác phẩm *Trở thành Chính trực* đã được nêu ở trên, Reb Anderson cho rằng ta cần phân biệt giữa điều gây tổn hại với điều gây ngỡ ngàng. Ngài bảo rằng cũng có khi ai đó nói cho ta về một sự thực và điều đó làm ta ngỡ ngàng và có thể bị thương tổn, nhưng đó lại là điều có ích.

Đôi khi, chúng ta cần phải lên tiếng để ngăn chặn sự tổn hại hay sự đau khổ, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng dũng cảm thực hiện điều ấy. Mới đây, một nhà giáo dục được nhiều người kính trọng bị phát hiện là đã xâm hại tình dục trẻ em trong suốt một thời kỳ nhiều năm liền; sự việc được nhiều vị cộng sự của ông này biết rõ.

Thế nhưng, suốt nhiều năm ấy, không một ai lên tiếng, hoặc ít nhất, không một ai lên tiếng vừa đủ để ngăn chặn những vụ xâm hại đó. Có lẽ, những vị đồng sự của nhà giáo dục đáng kính đó đã cố giữ im lặng để bảo vệ tổ chức nơi họ làm việc hoặc bảo vệ sự nghiệp của chính họ, hoặc cũng có thể họ không đủ khả năng đối mặt với sự thật của những điều đang xảy ra.

Vị đại sư quá cố Chogyam Trungpa đã đặt tên cho thái độ đó là *"lòng từ bi ngu xuẩn"*. Một thí dụ của lòng từ bi ngu xuẩn ấy là việc trốn sau bức bình phong của sự tử tế để tự bảo vệ chúng ta trước những mâu thuẫn hay tranh chấp và vô số những điều khó chịu khác.

Lời nói và trí tuệ

Một vị đại sư đã quá cố khác là Robert Aiken có nói:

"Việc nói dối chẳng khác nào việc giết hại, quan trọng nhất là việc giết hại đạo pháp. Sự dối trá được thiết lập để bảo vệ ý tưởng về một thực thể đã được định hình, một hình ảnh của cái ngã, một khái niệm, hoặc một tổ chức. Tôi muốn được biết đến như một người nhiệt tâm và nhân ái, cho nên tôi phủ nhận khi có ai bảo rằng tôi là một kẻ tàn nhẫn, ngay cả điều đó có thể khiến có người bị tổn thương. Thế nhưng, đôi khi, tôi phải nói dối để bảo vệ một người nào đó hoặc cả một nhóm đông đảo những con người, những bầy động vật, những cụm thực vật hoặc những sự vật… khỏi bị tổn hại, hoặc tôi tin rằng tôi phải hành động như vậy".

Nói cách khác, việc nói ra sự thật đến từ sự thực hành tính chân thật, tính lương thiện đến tận cùng. Và nền tảng của điều đó là lòng từ bi có gốc rễ từ trí tuệ. Trí tuệ trong Phật giáo dẫn chúng ta đến với giáo lý vô ngã. Việc thực hành giới thứ tư dạy cho chúng ta phải nhận biết thật rõ về sự nắm bắt và sự bám chấp của chúng ta.

Chính việc biết rõ về sự nắm bắt và sự bám chấp của chúng ta có khả năng giúp chúng ta thoát khỏi sự câu thúc của tính ích kỷ.

Giới vọng ngữ và Phật giáo

Nền tảng của giáo lý Phật giáo được gọi là Tứ diệu đế. Rất đơn giản, Đức Phật dạy rằng do bị tham sân si chế ngự cho nên đối với chúng ta, cuộc đời này chỉ tràn ngập những điều gây phiền muộn và không có gì làm chúng ta thoả mãn (điều mà chúng ta thường nghĩ đời là bể khổ). Phương tiện để thoát khỏi bể khổ ấy của cuộc đời chính là Bát Chánh đạo.

Giới luật liên quan trực tiếp đến chi phần thứ tư của Bát Chánh đạo, gọi là chánh nghiệp. Giới vọng ngữ cũng kết nối trực tiếp với chi phần thứ ba của Bát Chánh đạo gọi là chánh ngữ, nói lời chân thật.

Đức Phật dạy: *"Và thế nào là chánh ngữ? Tránh nói dối, tránh lời gây chia rẽ, tránh lời lăng mạ và tránh nói chuyện phiếm. Như thế được gọi là chánh ngữ".*

(Kinh Tương ưng,
thiên Đại phẩm, Tương ưng Đạo)

Việc chọn giới thứ tư làm công cụ tu tập là một sự thực hành sâu sắc đi thẳng vào thân tâm cùng tất cả mọi khía cạnh khác trong cuộc sống của chúng ta. Bạn sẽ phát hiện rằng bạn không thể trung thực với người khác cho đến khi bạn đạt được sự trung thực với chính mình, và có thể việc đạt được sự trung thực với chính mình là thách thức lớn hơn hết tất cả. Nhưng đó chính là một bước cần thiết để đi tới giác ngộ.

Nguyên tác: *The Practice of Truthfulness,* Barbara O'Brien.

Tác giả: *Barbara O'Brien* tốt nghiệp về báo chí tại Đại học Missouri, là một học viên về Thiền Phật giáo và chịu trách nhiệm đưa tin về tôn giáo, văn hoá, chính trị ở Hoa Kỳ cho các tờ báo Hoa Kỳ và Phật giáo Hoa Kỳ như *The Guardian, The Tricycle…*, là tác giả của một số quyển sách về Phật giáo và tôn giáo nói chung.

Barbara O'Brien có nhiều đóng góp cho *Learn Religions and Dotdash,* những trang mạng tìm hiểu và phổ biến kiến thức về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng.

Nguồn: *https://www.learnreligions.com/the-fourth-buddhist-precept-450102.*

Chư Tăng Bình Định và tạp chí *Từ Bi Âm*

THÍCH VẠN ĐỘ

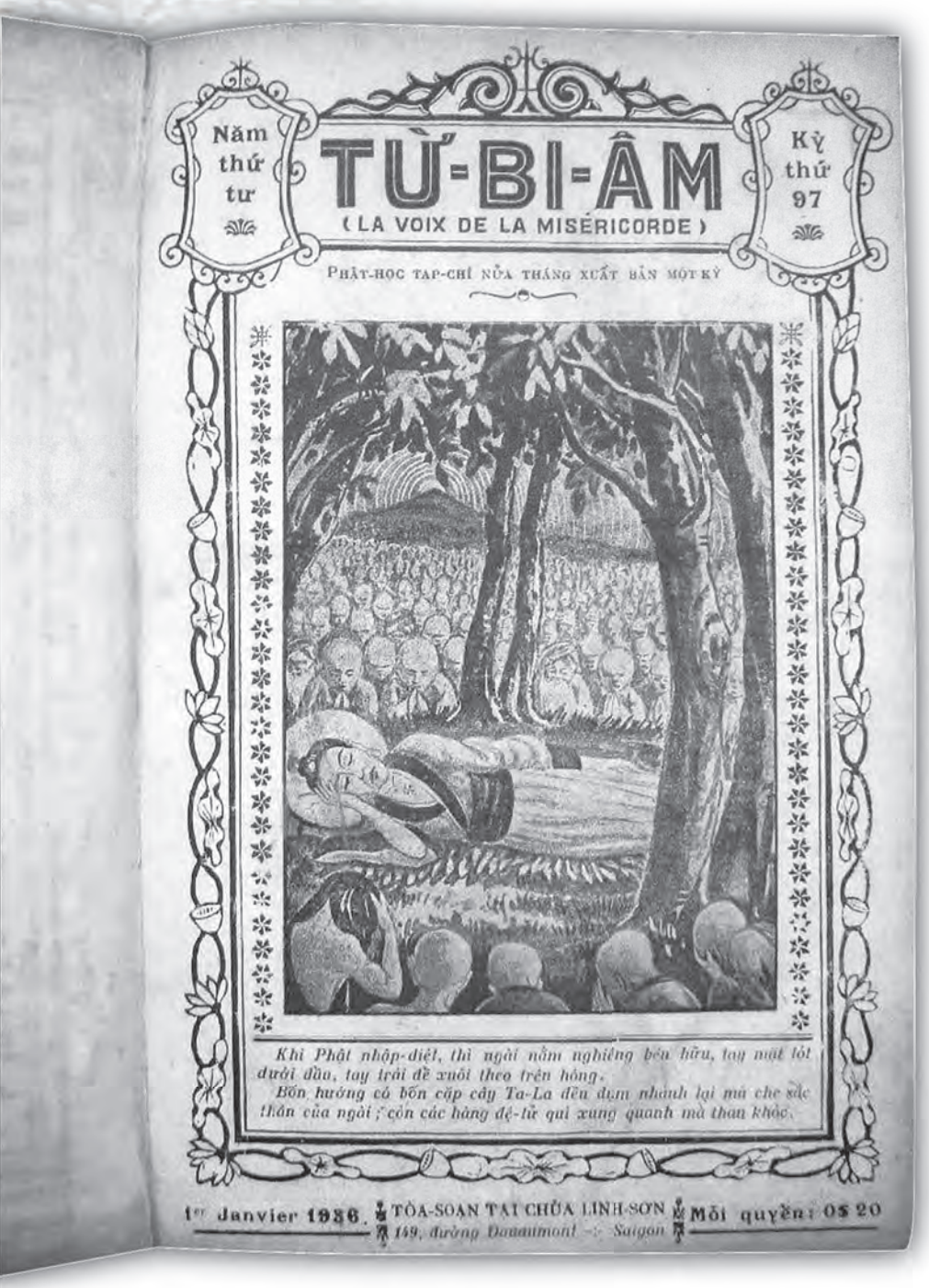

Đáp ứng nhu cầu của phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, hàng loạt các tạp chí Phật học lần lượt ra đời đã thu hút rất nhiều sự quan tâm của giới Phật giáo và dư luận xã hội, tạo ra không khí sôi nổi của phong trào chấn hưng Phật giáo lúc bấy giờ. Trong số đó, phải kể đến tạp chí *Từ Bi Âm*.

Từ Bi Âm được coi là cơ quan ngôn luận của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, ra số đầu tiên vào ngày 1 tháng 2 năm 1932. Người sáng lập là cư sĩ Phạm Ngọc Vinh; chủ nhiệm là Hòa thượng Khánh Hòa (Chánh Hội trưởng Ban Trị sự Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học); chủ bút là Hòa thượng Bích Liên.

Trải 14 năm tồn tại, báo ra được 235 số. Số cuối cùng 234-235 ra vào tháng 6 và tháng 7 năm 1945. *Từ Bi Âm* có khổ báo 16cm×24cm với số trang trung bình là 50, ra đều đặn mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và ngày 15 suốt sáu năm. Từ năm thứ bảy (số 145 tháng 1-1938) trở đi, báo ra mỗi tháng một kỳ. Từ số 190 trở về sau bài vở sa sút nên báo ra không đều, thường in các kinh *Địa Tạng, Pháp Bảo Đàn*… Từ 222-235 báo chỉ còn mỗi kỳ 16 trang.

Hình thức của *Từ Bi Âm* được đầu tư chỉn chu và nhất quán, luôn sử dụng loại giấy tốt, chừa viền rộng hơn rất nhiều so với những tờ báo cùng thời. Các khung viền của bìa và các trang ruột cũng được o bế rất kĩ, có cả họa sĩ vẽ bìa riêng cho báo. Nội dung *Từ Bi Âm* thường có bảy mục: Luận về triết lý nhà Phật; Luân lý nhà

Phật; Phiên dịch kinh Phật; Lịch sử nhà Phật; Thời sự nhà Phật; Tiểu thuyết nhà Phật và Văn uyển.

Đáp lại lời thỉnh mời của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, nhiều vị cao tăng Bình Định đã vào Nam để trợ giúp cho tạp chí *Từ Bi Âm* như Hoà thượng Bích Liên, Hoà thượng Liên Tôn, Hoà thượng Trí Độ… Tại Nam Kỳ, quý ngài đóng vai trò chủ đạo trong việc phiên dịch kinh sách từ chữ Hán sang chữ Việt và truyền bá giáo lý đến với mọi người.

Bàn về sự đóng góp của quý Hoà thượng Bình Định trong việc phổ biến giáo lý nhà Phật đến mọi người, nhà nghiên cứu Nguyễn Lang trong *"Việt Nam Phật giáo sử luận"* có viết:

"Nhờ sự hợp tác của các Thiền sư Bích Liên và Liên Tôn mà Từ Bi Âm *còn đóng được một vai trò hoằng pháp đáng kể…trong mười năm trời cũng đã làm được công việc phổ thông hóa Phật học bằng Quốc ngữ"*[1].

Mục đích của phong trào Chấn hưng Phật giáo không chỉ là xây dựng hệ thống tổ chức, đoàn thể để làm nòng cốt mà còn là loại bỏ những hủ tục mê tín dị đoan, chấn chỉnh phương pháp tu tập, đem Chánh pháp phổ biến đến tất cả mọi người. Nhiều kỳ tạp chí *Từ Bi Âm* thường trích dẫn một bài thơ của Hoà thượng Bích Liên sau phần giới thiệu mục lục. Bài thơ này như một lời tựa, thể hiện mục đích, phương châm hoằng pháp của tạp chí:

Từ Bi Âm

(kêu tỉnh đời mê muội, dìu dắt kẻ lạc đường, khen ngợi người chánh tín)

Từ tế ta nhờ lực Phật ta,
Bi quang soi khắp cõi hà sa,
Âm trầm trước ngõ tai còn điếc,
Kêu gọi rày nghe tiếng đã hoà,
Tỉnh lại kẻo khi lầm chước quỷ,
Đời này nhiều nẻo, lộn đường ma,
Mê tâm khiến phải mê hồn điệp,
Muội lý nên chi loạn vía hoa,
Dìu khách xin đưa thuyền Bát-nhã,
Dắt người nguyện thoát cảnh Ta-bà,
Kẻ tu sớm sớm tìm căn bổn,

Lạc bước mau mau biện chánh tà,
Đường ngõ vì thương ai lỗi gót,
Khen chê đâu dụng ý riêng nhà,
Ngợi cho mấy kẻ trang hào kiệt,
Người thảy đều vưng đạo Thích-ca,
Chánh giáo rõ ràng cần phải hiểu,
Tín theo một pháp, niệm Di-đà"[2].

Bước đầu tiên trong việc phổ biến giáo lý là giải thích về các khái niệm cơ bản như niềm tin, chánh tín và mê tín. Hòa thượng Bích Liên và Hoà thượng Liên Tôn đã có rất nhiều bài viết phản ánh về niềm tin, giải thích về các hiện tượng mê tín dị đoan, chỉ rõ những phương pháp tu tập theo chánh tín. Trong tạp chí *Từ Bi Âm*, Hoà thượng Liên Tôn đã trình bày chủ đề "Luận về chánh tín mê tín" xuyên suốt ba kỳ, chủ đề "Lời Biện nghi" trong ba kỳ và đề tài "Biện rõ những vấn đề nghi chấp của người thế gian đối với Phật pháp" trong bốn kỳ liên tiếp. Hoà thượng Bích Liên đã viết về chủ đề "Lời vấn đáp về đạo Tiên và đạo Phật" trong bảy kỳ.

Quý ngài đã xác định rất rõ tầm quan trọng của niềm tin. Niềm tin có thể làm phát sinh các công đức, nuôi lớn các căn lành, giúp con người vượt qua các đường dữ, thoát khỏi biển khổ và đạt đến đạo quả vô thượng. Để làm rõ quan điểm này, quý ngài đã đề cập đến rất nhiều dẫn chứng thuyết phục từ kinh điển.

Hoà thượng Liên Tôn đã viết:

"Trong kinh Hoa nghiêm *lại nói do theo mười điều tín mà lên lần đến bốn mươi hai vị Bồ-đề, rồi mới đến nơi Phật quả. Kinh* A-di-đà *nói do theo một lòng tin mà đi qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, mới đến nơi Tịnh độ"*[3].

Ngài còn nhấn mạnh:

"Từ xưa đến nay, không có một pháp nào hay là một việc chi ra ngoài cái tín tâm mà có sắc vẻ vang, có bề thành lập đặng cả. Huống chi cái tín tâm ấy lại gồm đủ sự hạnh (nết làm) và sự nguyện (muốn) nữa… Nếu không có cái tín tâm ấy để làm phương châm dẫn đàng chỉ nẻo cho sự làm và sự muốn thì sự làm ấy không quyết đáng, mà sự muốn ấy cũng không nhứt định đặng"[4].

Tuy nhiên, tín tâm có hai loại, chánh tín và mê tín. Vì thế mà Hoà thượng Liên Tôn đã dạy:

"Nếu người có trí, phải quan sát… thuyết gì phù hợp với chơn lý, ích cho thân tâm thì mình nên tin, còn thuyết gì mà thuộc về thần kỳ và lợi dụng, không có mối manh, thì mình đừng vội tin"[5].

Theo quan niệm Phật giáo, giáo lý của Đức Phật bao gồm hai phần: Chân đế và Tục đế. Chân đế thuộc về cứu cánh và Tục đế thuộc về phương tiện. Nghĩa là những lời dạy của Đức Phật như một cơn mưa pháp ban rải xuống cánh rừng, những cây cối với những đặc trưng khác nhau, sống ở những tầng rừng khác nhau thì sẽ nhận được lượng mưa khác nhau. Cũng giống như vậy, chúng sinh với những căn cơ khác nhau, đặc thù khác nhau, sẽ được hiểu lời dạy của Đức Phật theo cách khác nhau, phù hợp với trí tánh của từng chúng sinh ấy.

Do đó, vì mục đích giải thoát của từng chúng sinh, mà người hoằng pháp có thể lập ra một phương tiện, một phương pháp tu tập theo Chánh pháp, phù hợp với chúng sinh ấy. Giữa những thuyết "không có mối manh", giữa những tín ngưỡng "thần kỳ và lợi dụng", người học Phật phải xác định rõ để chọn và thực hành theo những thuyết "phù hợp với chơn lý, ích cho thân tâm". Đó cũng là những gì Hoà thượng Liên Tôn đã gửi gắm và trăn trở qua bài viết *"Luận về Chánh tín và Mê tín"*.

Hòa thượng Bích Liên viết bài: *"Lời vấn đáp về đạo Tiên và đạo Phật"* trong bảy kỳ liên tiếp để làm rõ sự khác nhau giữa đạo Phật và đạo Tiên. Ngài phê phán

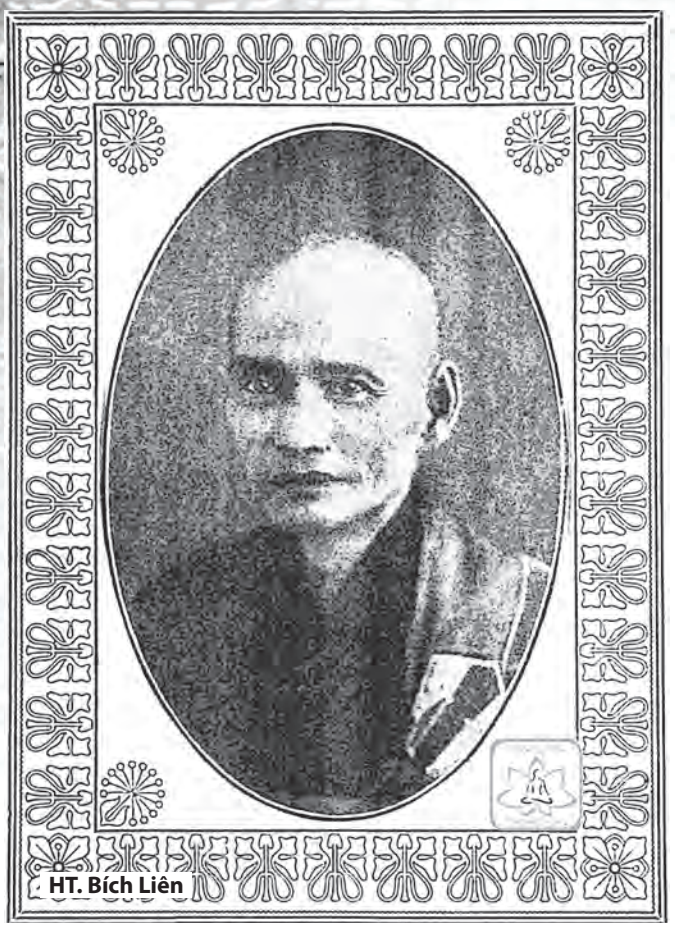

HT. Bích Liên

những hủ tục mê tín dị đoan, những tư tưởng vô căn cứ. Không những lên án những quan điểm thần quyền, mê hoặc quần chúng mà ngài còn tích cực chỉ rõ cho mọi người về lối tu tập đúng với Chánh pháp. Ngài dùng giáo lý của Đức Phật để giải đáp những thắc mắc của bà con tín đồ về các vấn đề tâm linh.

Trong bài *"Phúc biện cái hồn"*, ngài dùng giáo lý Duy thức học để giải thích hiện tượng chiêm bao:

"Còn như trong lúc chiêm bao, mình thấy người khác mà người khác không thấy mình, đó là bởi mình với người, tuy đồng ở trong tạng thức, song duyên nghiệp của mỗi người mỗi khác, tư tưởng của mỗi người mỗi riêng, nếu đã khác đã riêng thì phải cách trở, nên trong lúc chiêm bao, tâm thần bất định thì hai bên có thể gì thấy lẫn được nhau"[6].

Trước tình hình có nhiều tư tưởng cố tình giải thích xuyên tạc, phỉ báng đạo Phật, nhằm đồng hoá văn hoá bản địa của dân tộc, quý Hoà thượng đã ra sức tuyên truyền Chánh pháp, giải thích cặn kẽ những thắc mắc của bà con Phật tử. Để giải thích, làm rõ những thắc mắc ấy, đòi hỏi người viết không những thông thái, am tường về giáo lý Đức Phật, mà còn phải nắm bắt được xu hướng tâm lý xã hội, đặc biệt phải có lòng trắc ẩn, trăn trở thiết tha về văn hoá dân tộc, về con đường giữ gìn Chánh pháp.

Bàn về việc tang sự, cúng tuần thất cho người đã mất, cho đến việc cúng nước dâng cơm, Hoà thượng Bích Liên viết: *"Song phải biết rằng: những đồ cúng cấp đó, có hồn thọ được và có hồn thọ không được, vì bởi trong nghiệp đạo có nhiều nhơn duyên, hoặc đầu thai về cõi Trời, cõi Tiên, cõi Thần hay là cõi người, cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ hoặc còn ở linh đinh, chưa nhập vào đâu. Trong mấy nhơn duyên ấy, trừ ra những hồn đương hiện sanh về Trời, về Tiên, về người, về súc vật không được thọ dụng là vì đã cách ấm rồi; còn như hồn Thần, hồn quỷ, hồn ở địa ngục, hồn ở linh đinh đều được thọ dụng những đồ cúng cấp ấy cả"*[7].

Trong quá trình chấn hưng Phật giáo, quý Hoà thượng tích cực phê phán các hủ tục, các quan niệm mê tín dị đoan, không có lợi ích cho Đạo pháp và ảnh hưởng xấu tới văn hoá dân tộc. Qua tất cả các bài viết ở tạp chí *Từ Bi Âm*, quý ngài phê phán các hủ tục ấy trên tinh thần chánh kiến khách quan, không có sự cố chấp hoặc đánh đồng.

Hoà thượng Bích Liên nhận định:

"Phật giáo ở xứ ta hiện thời, là Phật giáo ở nước Tàu truyền sang; cho nên trước khi muốn rõ biết Phật giáo xứ ta, thì tất phải khảo cứu lịch sử Phật giáo ở Tàu cho tương tất"[8].

Như vậy, thông qua việc viết bài, biên tập cho tạp chí *Từ Bi Âm*, quý hoà thượng Liên Tôn, Hoà thượng Bích Liên, Hoà thượng Trí Độ cùng quý Hoà thượng, quý cư sỹ, trí thức yêu mến đạo Phật đã miệt mài tuyên truyền Chánh pháp đến với mọi người. Trong thời kỳ đang có nhiều quan điểm sai lầm về đạo Phật, những bài viết của quý ngài mang ý nghĩa hoằng pháp rất lớn.

Tạp chí *Từ Bi Âm*, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của quý Hoà thượng tỉnh Bình Định, đã trở thành "tiếng vang" lớn. Đó không chỉ là "tiếng vang" xây dựng Chánh pháp để chấn hưng Phật giáo mà còn là "tiếng vang" giữ gìn nét đặc trưng văn hoá của dân tộc Việt Nam. ■

Chú thích:

1. Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận,* tập III, Nxb Phương Đông.

2, Bích Liên (1932), "Từ Bi Âm kêu tỉnh đời mê muội, dìu dắt kẻ lạc đường, khen ngợi người chánh tín", *Từ Bi Âm,* kỳ 3.

3&4. Hoà thượng Liên Tôn (1932), "Luận về Chánh tín và Mê tín", *Từ Bi Âm,* kỳ 6.

5. Hoà thượng Liên Tôn (1932), "Luận về Chánh tín và Mê tín", *Từ Bi Âm,* kỳ 7.

6&7. Hoà thượng Bích Liên (1935), "Phúc biện cái hồn", *Từ Bi Âm,* kỳ 86.

8. Hoà thượng Bích Liên (1936), "Phật giáo nước Tàu", *Từ Bi Âm,* kỳ 105.

Ông hoàng Hiếu

TRẦN THANH MẠI

LTS: *Bài dưới đây là một đoạn trích từ tác phẩm* Tuy Lý vương, *thể loại lịch sử ký sự của Trần Thanh Mại, xuất bản năm 1942, viết về cuộc đời của Hoàng tử Miên Trinh (1820-1897), tức Tuy Lý vương, tước Quốc công.*

Xóm Vĩ Dạ là một nơi danh thắng ở đất đế đô. Người ta có thể nói là hòn ngọc bích gắn vào chiếc nhẫn minh châu là con sông Hương. Ở giữa sông trông lên, Vĩ Dạ chỉ là một rừng tre rậm, lả lơi buông chuỗi xuống dòng nước trong veo; dọc theo bờ lơ thơ những khóm vi lô điểm một vài bông hoa trắng xóa giữa bức màn đẫm toàn những màu xanh, nước xanh, tre xanh; trong một khung cảnh vẽ toàn những đường cong dịu dàng mềm mại: dòng sông cong, thân tre cong, hoa lau uốn cong ngọn cờ tơ mịn màng, não ruột, dưới một bầu trời tròn hẹp, trong như một cúp pha lê.

Ở đây sự yên tĩnh không bao giờ bị khuấy rối, cho dẫu cái sâu cái sẻ có kêu trong lùm ngấy gai giấu những chùm quả ửng hồng như một nụ cười, hay các cô ả giặt áo có reo đùa ròn rã ở các bến đá ẩn nấp dưới bóng sung già. Cũng như tiếng thì thầm của cây cỏ trong làn gió thoảng đưa, những tiếng êm đềm mộc mạc ấy chỉ làm tăng vẻ đìu hiu, tịch mịch của một chốn thôn quê mát mẻ dịu dàng.

Ở đây cái gì cũng thơ, cái gì cũng mộng!

Ở đây là chỗ nghỉ ngơi bất diệt!

Hỡi khách du ngoạn viễn phương! Khi nào người chán những cảnh trời cao bể rộng, khi nào tâm hồn người đã quá rung động vì những cảnh hùng tráng oai nghiêm, khi nào người đã mỏi cổ nhìn ngọn Hy-mã-lạp sơn, hay mòn chân trên bãi sa mạc, khi nào người đã điếc tai long óc dưới những tháp chọc trời ở Luân Đôn hay Nữu Ước, khách du ngoạn hỡi hãy nghe ta! Người hãy đến đây rồi buộc một chiếc thuyền con vào một khóm lau già cỗi, người hãy nằm đấy, ta cam đoan không còn phương thuốc nào hiệu nghiệm bằng, để trị bệnh lao tổn con người.

Đầu mùa hạ năm 1845, người ta vừa lập xong ở đấy một vương phủ, đúng theo kiểu phủ của mấy ông hoàng đời trước. Trong phủ có đào hồ sen rộng, nước có thể thông thương ra sông. Ngay giữa hồ có dựng một cái đình lục giác có bảng son đề hai chữ "Tịnh Phố" thếp vàng sáng chói. Ra vào có cầu lát ván, có bao lơn. Trong vườn trồng nhiều tùng bá ngổn ngang bên những tòa núi giả xây bằng đá tổ ong.

Ở đấy, những buổi mai tan sương, hoặc những buổi chiều tà êm dịu, hai người, một vị phu nhân già khọm và một người đàn ông đứng tuổi, thường ra hái sen, câu cá, hoặc cùng đi bách bộ và đàm đạo dưới rặng bích đào.

Tuy Lý vương

Người đàn ông trông dáng cung kính, khép nép như khi nào cũng đợi bà già ngỏ ý gì để vâng lệnh ngay. Người ấy khi hái sen, hai tay cầm quả mây, nâng lên trước mặt, chờ để bà kia hái hoa bỏ vào. Người đàn ông chỉ chực gọi là thưa, hỏi mà trả lời, không dám tự ý mở đầu câu chuyện.

Vị phu nhân chính là bà Lê Tiệp dư, người đàn ông là con trai bà, Quốc công Tuy Lý vương vậy.

Khi ánh chiều đã khuất sau tòa núi giả, chỉ để lại một ít, lảng vảng trên mặt hồ nhuộm màu tím thẫm, khi ngọn gió đêm đã bắt đầu lay động cành lau, và đưa xa mùi sen ra ngoài nội lách, khi ấy hai người mới thong thả trở vào, hoàng tử Tuy đưa mẹ về am riêng, hầu chuyện ở đấy hồi lâu nữa, rồi lui về tư thất.

Am của bà Lê Tiệp dư xây ngay trong biệt thự, dùng làm chỗ bà niệm Phật tụng kinh. Từ lúc Tiên đế mất bà đã có ý lui về quê, lập một cảnh chùa để tu cho yên tĩnh.

Cuối mùa xuân 1845, dinh Tuy Quốc công lập xong ở làng Tịnh Phố, về sau đổi tên là Vĩ Dạ. Tiệp dư mới cho xây am, đặt tên là Huệ Đăng, nuôi dăm ba vãi già cùng ở đấy tu hành.

Quốc công, vào khoảng ấy, vợ hầu đã đông, con cái đã lắm, nhưng thường ngày ít xa rời mẹ. Hai người hết bàn việc cổ kim, lại nói chuyện đạo lý, Tiệp dư mỗi lần

Phủ Tuy Lý vương. *Nguồn: khamphahue.com.vn*

đi ngủ, đều có năm ba người hầu cận, có khi các dâu, vợ hầu của Công, người đấm bóp và hát những bài hát chính Công đã vì thế mà đặt ra.

Cứ mỗi buổi trưa hoặc tối, người ta nghe giọng hát lanh lảnh của nhiều người hòa lẫn với nhau, thường thường hát những câu như thế này:

Đạo thường ngàn thuở cao tiêu
Chia tuy muôn khác, hợp theo một đồng,
Kể từ Nhu, Thích phân dòng…

Hay là:

Trời cho đều tánh năm thường; Song lại: Gần mực thì đen, gần đèn phải rạng.

Người thiêng hơn loài vật; Nhưng mà: Có ăn mới vóc, có học mới hay…

Có nhiều khi, Quốc công thân hành ngồi đấm lưng cho mẹ, chờ khi nào bà ngủ đã say giấc mới bỏ màn đứng dậy ra về.

Người trong am Huệ Đăng đều phải tuân theo lệnh một bà vãi cả, tên Cận. Người ấy giữ chức quản gia trông coi mọi việc trong am.

Vãi Cận thường hay theo đồng bóng và những thói mê tín dị đoan. Hoặc khéo nịnh hót, hoặc có nhiều ảnh hưởng thần bí, đối với khối óc rất dễ tin của Tiệp dư, vãi Cận rất có oai quyền trong am, bất kỳ truyền một việc gì, bà cũng nhắm mắt theo ngay, không hề nghĩ xem việc ấy có nghĩa lý gì không nữa.

Mụ vãi già ấy thường bảo giống quạ là một giống chim linh thiêng phải phụng thờ như những vị thần. Trong nhà không ai được nói đến chữ "quạ" và mỗi khi cần lắm, thì chỉ được nói trại là "quệ" mà thôi.

Ngày ngày, cứ đến giờ ngọ là người ta mang để lên mái nhà, bình phong, những sàng to cơm trắng, chim quen chừng, rủ nhau kéo bầy kéo lũ đến ăn, tiếng kêu oàng oạc vang động cả một góc trời.

Thế rồi, đi đầu là Tiệp dư, có vãi Cận tiếp dẫn, đầu trùm khăn, mặc áo thụng, một đoàn gồm các vãi con, các a hoàn thị nữ, đồng kéo ra sân, rồi trầm xông, hương thắp, ai nấy quỳ mọp xuống lạy, khấn vái, tụng niệm đủ điều. Thế rồi người ta thấy cái điều phi thường, to tát, quái gở này: Quốc công khăn đen, áo dài, rón rén ra quỳ bên mẹ, tay chắp ngang mày. Ngài là hoàng tử Miên Trinh con vua Minh Mạng, con người học hỏi rộng, hiểu biết nhiều ấy, cũng lúc ngúc lạy mừng bầy quạ, chúng vừa ăn xong, quẹt mỏ bay đi!

Có người nghe chuyện ấy coi như là một sự trụy lạc tinh thần, hỏi lại Quốc công, ngài trả lời rằng:

"'Quệ' là một giống chim ô uế, ăn thây ma ngoài đồng

ruộng, uống trong lỗ mả đời. Nhưng nếu có một cách gì, làm cho mẹ tôi được vui lòng, dù có thiệt hại đến tánh mạng, tôi cũng vui vẻ làm ngay, không do dự, không suy lường, không đoái tiếc. Huống hồ đứng lên cúi xuống bốn dạo ở trước sân nhà!".

Người ta kể không hết được những chuyện về hoàng tử Miên Trinh tức Quốc công Tuy Lý vương ở hiếu với mẹ.

Mỗi buổi mai, bất luận về mùa hạ nóng bức, hay về mùa đông giá rét, Hoàng tử vẫn dậy sớm để qua hầu mẹ; mỗi buổi tối cũng thế, người đợi cho bà nghỉ an giấc mới dám lui về nhà riêng. Những việc cỏn con này hẳn vẫn là tục lệ của các nhà quý phái, nhưng mà theo được chu đáo chuyên cần như ngài, kể cũng ít có. Hễ khi nào, vì một chuyện gì thình lình xảy đến, khiến cho Công phải trễ nải việc thần hôn, Công chụp ngay cái dịp đầu tiên là để tạ tội cùng mẹ; cũng như mỗi khi vì vô tình phải làm mất lòng bà, thì Công lập tức mặc áo rộng, đến lạy mãi trước chỗ bà ngồi, bao giờ có lệnh tha cho mới thôi.

Thậm chí mỗi lần Tiệp dư ra phố, để đi chầu Nội cung chẳng hạn, Quốc công cũng lẽo đẽo theo hầu, đi bộ bên võng như mấy đứa tì nhi hèn hạ thế thôi.

Mỗi lần Tiệp dư vào Nội cung, bà đi đò từ Vĩ Dạ qua bến Tượng, chỗ cầu Đông Ba bây giờ (mà thời ấy, người ta gọi là cầu Đông Gia, theo một tấm bia đá dựng ở đầu cầu). Từ cầu Đông Gia vào Nội thành, đi thẳng một đường, do cửa Chánh Đông. Hai bên đường tức là hàng phố.

Phố xá lúc bấy giờ đã bày ra một cảnh tượng hoạt động rất ngộ nghĩnh, mà người đời bây giờ khó lòng tưởng tượng cho ra.

Tuy trung tâm điểm của sự thương mại thuở bấy giờ là ở cả bên Chợ Được, phía cầu bờ tay mặt, nhưng từ cửa Chánh Đông trở ra, nhà cửa buôn bán cũng đã chen chúc nhau rồi; hàng ngày người ta gặp đủ các hạng người mua bán hoặc rong chơi.

Ngay ở đầu cầu, ta thấy ba vật này mà hình như thuở xưa, không đầu cầu nào là không có: một là anh thợ váy tai, đang khom lưng váy cho một bác lái heo nào trên vai vắt chiếc khăn vải tây điều, mắt nheo, miệng méo, ngồi tréo mảy trên một chiếc ghế đẩu tháp chân; hai là cô hàng đổi bạc, chồng chất ở trước mặt những bó tiền đồng, tiền kẽm và hòm đục ở trong nhấp nháy vài ba nén bạc sáng ngời; vật thứ ba là ông thầy bói, với tráp thẻ, mai rùa, đang vác mặt lên trời và đọc thuộc lòng từng trang sách với những chị đàn bà hờn duyên tủi phận, đến hỏi số phận nơi nhà đạo sĩ không thấy được hiện tại, nhưng đã thông suốt cả quá khứ vị lai.

Một người đàn ông đứng tuổi đi qua, đầu đội nón găng quay hàng đỏ ối dài quá bụng, lại có tua bông thòng tận chân. Đó là ông lang đi chẩn mạch cho các bệnh nhân trong xóm. Nét mặt trầm tĩnh, nghiêm trang của ông khiến cho ta ngờ rằng: ngay lúc đó ông đã nghĩ đến phương pháp cứu mạng cho khách hàng. Thế mà thấy ông đi ngang, người trong phố, không kiêng nể gì sự trầm tư mặc tưởng của ông, đổ xô ra chặn đường và đua nhau hỏi thuốc. Họ hỏi cho họ, cho một người nào trong bà con xa gần, nhớ có ai đau hỏi cho nấy, từ bà cụ cố ho đàm cho đến ông dượng ghẻ cổ trướng. Nhà y sĩ, vẫn đạo mạo, vẫn nghiêm trang, chỉ vẽ cho từng người, nào là sắc lá phượng mà uống, đâm hột mát mà thoa, nào là đào bảy khúc rễ dâu trên núi Thiên Thai, hoặc là mài chín đồng tiền kẽm lên trên khu đọi!

Một bọn người ngựa từ cửa thành đi ra, tiếng lạc kêu vang, nhưng không át nổi giọng cười của kỵ sĩ, họ choán hết cả bề ngang đường; rủi ai tránh chưa kịp, thì những ngọn roi mây đã quất xuống óc, đã đánh vào lưng, nếu không phải là những vó ngựa đạp nhầu lên người.

Các vị công tử, tôn tước, vẫn không ưa đám dân quê khờ khạo, và hay coi họ như là nô lệ của mình, yên trí rằng tất cả thiên hạ đều ăn nhờ cơm, mặc chịu áo của ông cha mình cả.

Bỗng nghe xa xa vang lừng "nạt dây". Rồi từ bến Tượng đi lên, một toán quân, kẻ gánh võng, người che lọng, dần dần đi đến, bên võng có một người đàn ông mặc áo xanh quần đỏ, kính cẩn đi theo.

Các công tử đều nhảy xuống ngựa, dẹp ra hai bên vệ đường; còn ở trong phố kẻ mua người bán đồng đổ xô ra trước hàng, nhìn xem cái cảnh tượng vui mắt ấy; cảnh tượng của nhà quý phái mà bao giờ đám dân hèn cũng ưa nhìn.

Toán lính đi ngang; trong chiếc võng mai, hai đầu mút đòn chạm đầu phụng sơn son, ở sau cánh sáo xanh, người ta mường tượng một người đàn bà nằm. Chung quanh võng, mặc áo sắc, chít khăn màu, bỏ tóc xả, kẻ ôm tráp trầu, ống nhổ, nhiều a hoàn thị nữ chia nhau cầm ngăn dãy, quạt lông, xách giày, hoặc bưng tráp khăn vành, đều chạy lúp xúp, trông có vẻ tự đắc với công việc của mình.

Tiếp theo đó là một toán lính khác, toàn đàn ông, đông hơn, và oai nghi sang trọng hơn, vì đây là đội quân hầu thuộc về hạng vương công, còn toán trước chỉ thuộc về hàng vương phi, công chúa. Đi đầu có tám tên lính bồng gươm dắt ngựa; kế đến quân gánh chiếc võng trần, không có người; vì chính người ấy đã đi chân theo hầu bên chiếc võng trước.

Các công tử, tay ghìm cương ngựa đã cho lui vào tận các hàng phố, nghiêng mình thi lễ. Còn nhân dân trong nhà cũng vòng tay cúi mặt, đợi cho đội quân đi qua, mới dám ngẩng đầu lên. Rồi tuy ai nấy đều đã biết, họ vẫn chỉ chỏ cho nhau, mà thì thầm như mách lẫn nhau: *"Ấy là ông hoàng Hiếu theo hầu mẹ vào chầu trong Nội"*.

Quốc công Tuy Lý vương đối với nhân dân, nghiễm nhiên đã mang một tên gọi mới, nó còn mãi đến bây giờ. ■

Dạy trẻ bằng cách nêu gương

Ni sư **THUBTEN CHODRON**
TRẦN TUẤN MẪN dịch

Chúng ta dạy con cái về từ ái, độ lượng và nhẫn nhục không chỉ dạy suông mà phải bằng thái độ hành xử của chính chúng ta. Việc thực hành Phật pháp không chỉ là đến chùa, không chỉ đơn giản là tụng kinh hay niệm Phật. Việc thực hành là thể cách chúng ta sống, sống với gia đình thế nào, cùng với các đồng sự làm việc như thế nào, liên hệ với những người khác như thế nào trong nước và trên thế giới. Chúng ta cần đưa giáo lý về từ ái của Đức Phật vào nơi làm việc, vào gia đình mình, cả vào trong cửa hàng tạp hóa và trong phòng tập thể dục. Chúng ta làm như thế không phải bằng cách phân phát những tờ rơi tại một góc đường, nhưng bằng cách tự mình thực hành và sống với Phật pháp. Khi làm như thế, tự nhiên chúng ta sẽ có một ảnh hưởng tích cực đối với những người xung quanh. Ví dụ, bạn dạy các con bạn lòng từ ái, sự độ lượng và sự nhẫn nại không chỉ bằng cách giảng cho chúng, nhưng bằng cách chứng tỏ những điều ấy trong cách hành xử của chính bạn. Nếu bạn dạy cho chúng một điều gì nhưng bạn lại hành xử theo cách ngược lại thì chúng sẽ theo điều chúng ta làm chứ không theo điều chúng ta nói.

Nếu chúng ta không cẩn thận thì dễ dẫn đến việc dạy cho con cái sự hận thù và không bao giờ tha thứ khi những người khác làm chúng bị tổn thương. Hãy xem tình trạng của nước Yugoslavia ngày xưa: đấy là một thí dụ tốt về cách mà trẻ em trong gia đình và trong nhà trường được người lớn dạy hận thù. Khi các em này lớn lên, chúng dạy các con chúng hận thù. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, sự việc này vẫn tiếp tục như thế, và rồi hãy xem điều gì đã xảy ra. Có quá nhiều khổ đau ở đấy, thật đáng buồn.

Đôi khi bạn có thể dạy trẻ em ghét một vài thành phần khác của gia tộc. Có thể là ông bà của bạn bất hòa với anh chị em của họ và từ đó những phía khác nhau của gia tộc đã không nói chuyện với nhau. Có gì đó đã xảy ra trong những năm mà bạn chưa được sinh ra - bạn cũng không biết sự việc ấy là gì. Nhưng vì sự việc ấy, bạn không được phép nói chuyện với một số người thân thích nào đó. Thế rồi bạn dạy điều ấy cho con cháu bạn. Chúng biết được rằng cách giải quyết bất hòa với những ai đó là không bao giờ nói chuyện với họ nữa. Sự việc này có giúp chúng trở thành những người hạnh phúc và hiền thiện không? Bạn nên suy nghĩ kỹ về điều này và hãy đoan chắc rằng bạn chỉ dạy con cái những gì có giá trị.

Đây là lý do tại sao bảo rằng điều vô cùng quan trọng là bạn phải nêu gương về sự hành xử của bạn mà bạn muốn cho con cái học tập. Khi bạn cảm thấy oán hận, giận dỗi, phẫn uất hay hung hăng trong lòng, bạn phải xử lý với những thứ ấy, không những chỉ nhằm cho sự an bình nội tại của bạn mà còn nhằm cho bạn không dạy con cái có những cảm xúc tai hại ấy. Vì bạn yêu thương con cái bạn, bạn cũng hãy cố gắng yêu thương chính bạn nữa. Yêu thương chính bạn và muốn chính bạn được hạnh phúc nghĩa là bạn phát triển một trái tim thiện lành vì lợi ích của mọi người trong gia đình.

Đưa từ ái vào nhà trường

Chúng ta cần phải đưa từ ái không chỉ vào gia đình mà còn vào các trường học nữa. Trước khi trở thành một Tỳ-kheo-ni, tôi đã là một giáo viên, cho nên tôi có những cảm xúc đặc biệt mạnh mẽ về điều này. Điều quan trọng nhất để trẻ em học tập không phải là nhiều thông tin,

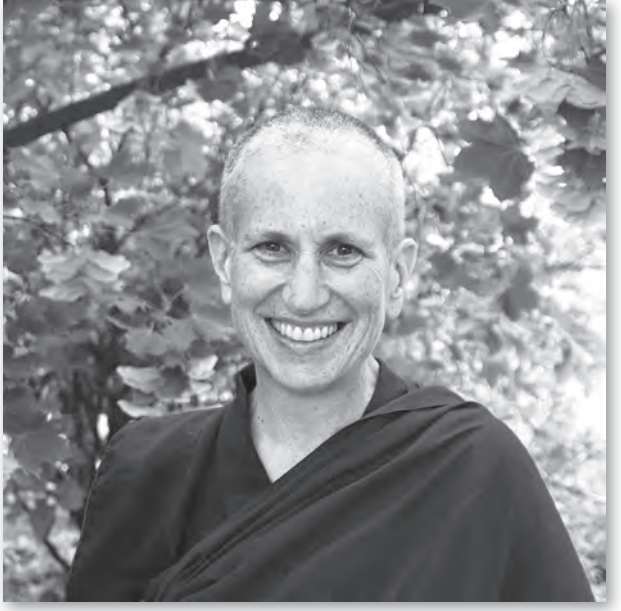

nhưng là làm sao để thành những người hiền thiện và làm sao để giải quyết những mâu thuẫn với những người khác một cách xây dựng. Các bậc cha mẹ và các thầy cô giáo bỏ rất nhiều thì giờ và tiền bạc vào việc dạy trẻ em khoa học, số học, văn học, địa lý học, địa chất học và vi tính. Nhưng có bao giờ chúng ta bỏ thì giờ để dạy chúng làm thế nào để trở nên hiền thiện chưa? Chúng ta có những khóa trình nào về sự hiền thiện hay không? Chúng ta có dạy trẻ em làm sao để xử lý những cảm xúc tiêu cực và làm sao để giải quyết những mâu thuẫn với những người khác hay không? Tôi nghĩ rằng điều này quan trọng hơn những môn ở trường rất nhiều. Tại sao? Trẻ em có thể biết nhiều, nhưng nếu chúng lớn lên để trở thành những người lớn dữ dằn, nóng giận, hay tham lam thì đời của chúng sẽ không được hạnh phúc.

Các bậc cha mẹ muốn con mình có một tương lai tốt đẹp và rồi nghĩ rằng con cái họ cần làm ra thật nhiều tiền. Họ dạy con cái họ những kỹ xảo về việc học chương trình ở trường và về việc học kỹ thuật sao cho chúng có thể kiếm được một việc làm tốt và kiếm được nhiều tiền - như thể tiền là nguyên nhân của hạnh phúc. Nhưng khi những người sắp chết, bạn không bao giờ nghe những lời mong ước, "Tôi cần có nhiều giờ hơn ở văn phòng. Tôi cần kiếm nhiều tiền hơn". Khi người ta hối tiếc về thể cách mà họ đã sống, thường thì họ tiếc nuối đã không liên lạc tốt hơn với những người khác, không hiền thiện hơn, đã không để cho những người mà họ quan tâm biết rằng họ quan tâm. Nếu bạn muốn con cái bạn có một tương lai tốt đẹp thì đừng dạy chúng làm sao để kiếm nhiều tiền, nhưng làm làm sao để sống một cuộc sống lành mạnh, làm sao để trở thành một con người hạnh phúc, làm sao để đóng góp cho xã hội một cách hữu ích.

Dạy trẻ em chia sẻ với những người khác

Là những bậc cha mẹ, bạn phải gương mẫu cho điều này. Giả như các con bạn về nhà và nói: "Bố mẹ à, con muốn có quần Jeans mốt mới và con muốn thứ này, con muốn thứ kia, tụi nó có cả rồi đấy". Bạn nói với bọn trẻ, "Những thứ ấy không làm cho các con hạnh phúc. Các con không cần chúng. Các con chẳng hạnh phúc gì khi cứ theo cho kịp hàng hiệu Lee đâu". Nhưng rồi thì các bạn ra ngoài và mua mọi thứ mà người khác đều có, dù nhà bạn đã sẵn đầy các thứ mà bạn không dùng đến. Trong trường hợp này, những gì bạn đang nói và những gì bạn đang làm là trái ngược nhau.

Bạn bảo con bạn hãy chia sẻ với các đứa trẻ khác, bạn lại không giúp đỡ từ thiện cho người nghèo hay người quẫn bách. Hãy nhìn những ngôi nhà trong xứ này: chúng đầy dẫy những thứ mà chúng ta không dùng nhưng lại không thể cho đi. Tại sao lại không chứ? Chúng ta sợ rằng nếu cho đi thứ gì đó rồi thì chúng ta lại sẽ cần nó trong tương lai. Chúng ta cảm thấy khó mà chia sẻ những đồ vật của chúng ta nhưng chúng ta lại dạy con cái rằng chúng nên chia sẻ. Một cách đơn giản để dạy cho con cái của bạn lòng quảng đại là cho đi mọi đồ vật mà năm ngoái bạn đã không dùng đến. Nếu suốt bốn mùa đã trôi qua mà bạn không dùng những thứ gì đó thì có thể mùa tới bạn sẽ không dùng đến chúng, và thật là có ích cho chính chúng ta, con cái chúng ta và những người khác nếu chúng ta cho đi những đồ vật ấy.

Một cách khác nữa để dạy cho con cái bạn về lòng từ ái là không mua mọi thứ mà bạn cần. Thay vì mua như thế, hãy để dành tiền để tặng cho một cơ sở từ thiện hay cho ai đó đang cần. Bạn cần nêu rõ cho con cái tấm gương của chính bạn là sự tích tập càng lúc càng nhiều thứ vật chất không mang lại hạnh phúc, và rằng quan trọng hơn, hãy chia sẻ với những người khác.

Dạy trẻ em về môi trường và sự tái chế vật dụng

Tiếp nữa, chúng ta cần dạy trẻ về môi trường và sự tái chế. Chăm sóc môi trường mà chúng ta chia sẻ với các chúng sinh khác là một phần của sự thực hành từ ái. Nếu chúng ta tàn phá môi trường, chúng ta làm tổn hại những người khác. Ví dụ, nếu chúng ta dùng nhiều đồ vật được làm để dùng một lần mà không tái chế chúng rồi vứt bỏ đi, thế thì chúng ta trao gì cho các thế hệ tương lai? Các thế hệ ấy sẽ thừa hưởng từ chúng ta những đống rác càng ngày càng lớn hơn. Tôi rất vui mừng khi thấy có thêm nhiều người tái sử dụng hoặc tái chế các đồ dùng. Đấy là một phần quan trọng của việc thực hành Phật giáo và là một hoạt động mà các chùa chiền, các trung tâm Phật pháp cần nêu gương trước. ■

Chú thich:

- Trích từ bài viết "Buddhism is Modern Society", sách *The Path To Happiness,* Ven. Thubten Chodron (Amitabha Buddhist Centre, 1999).

- Ni sư Chodron sinh năm 1954, thuộc gốc Do Thái, tốt nghiệp cử nhân tại Đại học California, thọ giới năm 1977 bởi Kyabje Ling Rinpoche ở Dharamsala, Ấn Độ, sau đó thọ Đại giới Tỳ-kheo-ni ở Đài Loan năm 1986. Ni sư là tác giả của 25 cuốn sách nổi tiếng viết về Phật giáo. Ni sư từng du hành nhiều nơi trên thế giới để học hỏi và giảng pháp…

Lễ hội của người Thượng. *Nguồn: tintuc.vn*

Từ lễ hội cộng đồng đến nghi thức tại gia

LÊ HẢI ĐĂNG

Xét theo vòng đời người hay chu kỳ cây trồng, lễ hội truyền thống nói chung đều thuộc phạm vi cộng đồng. Thói quen văn hóa này đã hình thành, trường tồn ở nhiều tộc người, hiện tại chủ yếu bảo lưu ở tộc người thiểu số. Ngược thời gian trở về quá khứ, đa số lễ hội đều gắn bó mật thiết với sinh hoạt văn hóa cộng đồng mà dấu vết để lại qua hàng loạt tập quán mang tính chu kỳ, như lễ thổi tai (đặt tên con), trưởng thành, cưới hỏi, đám ma, lễ bỏ mả (tính theo vòng đời người), lễ gieo hạt, cúng lúa mới, lễ tạ ơn (lễ hội Đâm trâu), thậm chí cả những nghi lễ nhỏ lẻ như dựng nhà mới, trừ tà, cầu phúc… cũng không tách khỏi cộng đồng.

Đối với người Kinh, tộc người đóng vai trò đa số thì trong quá trình dịch chuyển cơ cấu dân cư, chuyển hóa bối cảnh văn hóa, đô thị hóa nông thôn… các lễ hội truyền thống có khuynh hướng "ly khai", đi từ phạm vi cộng đồng vào gia đình. Ngày xưa, các lễ, Tết, như Nguyên đán, Nguyên tiêu, Thanh minh, Đoan ngọ, Trung nguyên, Trung thu… từng thuộc về cộng đồng. Khi chế độ làng xã và cấu trúc văn hóa của nó dần tan rã, xu hướng chuyển tiếp từ lễ hội cộng đồng thành nghi thức tại gia đã hóa giải cho tình huống hụt hẫng về đời sống tinh thần sau bước chân xê dịch.

Nói cách khác, người Kinh thay vì duy trì lễ hội truyền thống trên quy mô cộng đồng đã thu hẹp, chuyển hóa phạm vi sang gia đình. So với tộc người thiểu số, lễ hội của tộc người đa số chủ yếu là nghi thức tại gia. Quá trình dịch chuyển cư dân nông nghiệp để hội nhập xã hội đô thị đã làm biến mất lễ hội cộng đồng, thay vào đó là những nghi thức diễn ra trong không gian nhỏ hẹp thuộc phạm vi gia đình.

Thuở xưa, Tết… là dịp cộng đồng làng xã cùng nhau tổ chức nhằm hướng tới mục đích chung. Trong quá trình biến đổi xã hội truyền thống, nghi lễ cộng đồng mất dần môi trường để tồn tại một cách riêng lẻ.

Ngày nay, nhiều tộc người sống trên vùng cao nguyên vẫn duy trì loại hình nghi lễ này, cho dù tổ chức trong phạm vi gia đình hay buôn làng. Trong không gian nghi lễ, tất cả cư dân cùng nhau tổ chức, tham gia sự kiện văn hóa.

Chẳng hạn ở lễ hội Tạ ơn (Đâm trâu), nghi lễ quan trọng nhất đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Lễ hội tổ chức trên không gian rộng đóng ở vị trí trung tâm buôn làng; giữa dựng một cây nêu có con trâu buộc cạnh; hoạt động nghi lễ diễn ra quanh cây nêu, trục trung tâm của nghi lễ. Chúng ta có thể hình dung khoảng trống này giống như một ban thờ rộng trải dài

trên mặt đất, cây nêu là một cây nhang khổng lồ, người tham gia đóng vai trò thực hành nghi lễ. Cây nêu có chức năng thông thiên, nối con người với thế giới tổ tiên, thần linh. Nó chính là đường lên trời. Bởi vậy, trên ngọn cây nêu có nơi gắn lông gà biểu trưng cho Mặt trời, Yàng (Dương), Thái dương, Trời… Ở người Kinh, xưa kia cũng có tục dựng nêu vào ngày Tết.

Tục ngữ có câu:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,
Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh.

Qua đó chứng tỏ, người Việt từng thực hành nghi thức dựng nêu vào dịp Tết. Sau khi cộng đồng làng xã tan rã, cộng hưởng với các phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới, văn hóa truyền thống dần dần thay đổi, hiện chỉ còn lưu lại trong ký ức văn hóa.

Sở dĩ vấn đề hợp nhất giữa Tết Tây và Tết Ta từng đưa ra bàn luận cũng thể hiện tình trạng rạn nứt trong tâm thức cộng đồng. Nói chung, cả tộc người đa số lẫn thiểu số đều chịu ảnh hưởng bởi xu hướng biến đổi văn hóa, nhưng khác nhau ở mức độ, cấp độ. Khi ngôi nhà dài của người Ê Đê càng ngày càng ngắn lại, mái nhà rông thấp xuống, lợp tôn thay cho mái lá thì xu hướng chẻ vụn đại gia đình thành tiểu gia đình đã diễn ra song hành. Kéo theo đó là nghi lễ cộng đồng càng ngày càng có ít người trong cộng đồng tham gia. Ngược lại du khách đi trảy hội, xem hội, trải nghiệm… ngày càng đông hơn.

Văn hóa truyền thống dần trở thành di sản theo hướng tái cấu trúc, định dạng và nhận thức lại. Con người đối xử với văn hóa giống như hình thức tiêu dùng trong đời sống văn minh vật chất. Những vị khách đến từ nền văn hóa khác gia nhập không gian văn hóa sở tại như một loại hình trải nghiệm hoặc tiêu dùng. Họ tham dự mang tính chất quan sát, chứ không tham gia với tư cách thành viên cộng đồng. Nhiều lễ hội sau khi phục hiện có sự tham gia đông đảo của du khách. Mục đích của nó không nhằm lấy lại niềm tin đã mất hay khẳng định thuộc tính thiêng của không gian lễ hội, mà cốt hướng tới đông đúc, ồn ào, tạo tiếng vang, chuộng hình thức…

Đối với người Kinh, chúng ta hoàn toàn không có một nghi lễ cộng đồng, hiểu là một hoạt động cùng nhau tổ chức hướng tới mục đích chung. Vì, sự phát triển không ngừng, nội dung lễ hội truyền thống không thể dung chứa nội hàm giãn nở của một cộng đồng đã thiếu vắng điểm chung để tạo nên tinh thần cố kết.

Xu hướng tái cấu trúc xã hội truyền thống trong đô thị hiện đại đã làm thay đổi nhiều dạng thức lễ hội. Ngày nay lễ hội cộng đồng người Kinh tổ chức định kỳ mang tính chất bảo tồn di sản truyền thống. Trong môi trường đô thị, hoạt động lễ hội đã thu nhỏ lại thành nghi thức tại gia, cụ thể như Tết Nguyên đán. Chúng ta đón Tết cùng một thời gian, nhưng khác nhau về không gian. Tính từ ngày 23 tháng Chạp tống tiễn Táo quân về trời, mỗi nhà đều tổ chức nghi thức tại không gian riêng của gia đình mình. Trong không gian nhỏ hẹp, ít nhiều mang tính chất riêng tư ấy, từng hộ gia đình tổ chức nghi thức theo truyền thống riêng. Sinh hoạt văn hóa này đã trở thành tập quán, phổ biến trong cộng đồng người Việt từ Bắc vào Nam.

Chúc tết ông bà. *Nguồn: baomoi.com*

Nó không còn là lễ hội cộng đồng, hiểu theo nghĩa sinh hoạt văn hóa của một nhóm xã hội. Thay vào đó, từng gia đình tổ chức nghi thức theo tập quán riêng tùy thuộc tình hình kinh tế, tập quán văn hóa, hoàn cảnh sinh hoạt, như người Bắc duy trì tập tục miền Bắc, pha trộn yếu tố phương Nam, người Nam có gia đình theo truyền thống miền Tây, có gia đình theo tập tục miền Đông… từ đó tạo nên bức tranh đa sắc trong văn hóa người Việt. Đứng ở thời điểm hiện tại, chúng ta thấy sự phong phú, đa dạng của đời sống văn hóa, còn nhìn về quá khứ không khỏi thấy xót xa cho những mất mát mang tính cộng đồng.

Người Việt xưa sống trong những ngôi làng khép kín, cô lập. Mô hình, tổ chức xã hội này hình thành, tạo nên bởi mối quan hệ thân thuộc, xã hội người quen, giống như cộng đồng luân lý cùng chung hệ giá trị, qua đó, tính chất thiêng của lễ hội được duy trì, bảo lưu. Trong bối cảnh văn hóa mở, nhiều giá trị cũ, mới cùng tồn tại, chuyển hóa, thậm chí xung đột lẫn nhau, thuộc tính thiêng của lễ hội dễ dàng bị lung lay, thách thức. Sau sự chuyển biến của xã hội truyền thống, nghi thức tại gia trở thành chốn nương tựa cho lễ hội cộng đồng. Rồi xu thế biến đổi văn hóa, xã hội tiếp tục làm biến dạng nghi thức tại gia, như nhiều gia đình không còn tổ chức Tết theo nghĩa đoàn tụ, thờ cúng tổ tiên, thay vào đó là Tết du lịch, Tết du hý, Tết du di…

Vào dịp Tết, nhiều người không thấy cần thiết phải làm giỗ chạp, hội họp thành viên hoặc gặp nhau, nhưng mỗi người theo đuổi nhu cầu riêng, dõi theo hình ảnh nhảy múa trên chiếc điện thoại thông minh, nghi thức tại gia hứa hẹn tiếp tục tạo nên nhiều thay đổi trong nếp sống, đời sống tinh thần của người Việt cho đến một ngày có thể trở thành miền ký ức nhắc nhớ về thời xa xưa. ■

Truyền thống dân tộc trên trống đồng Việt cổ

TÔN THẤT THỌ

Từ lâu, ở một số nước Đông Nam Á, trống đồng là hiện vật tiêu biểu của các nền văn hóa phát triển từ thời đại đồng thau sang thời đại đồ sắt. Các tài liệu đã công bố về kết quả phát hiện cho thấy những khu vực tồn tại nhiều trống đồng là Việt Nam, Hoa Nam (Trung Quốc), Indonesia, Thái Lan, Myanmar, Lào, Campuchia. Về phía Đông, dấu vết trống cũng thấy xuất hiện ở Philippines và Nhật Bản.

Nói về trống đồng ở Việt Nam, sách *Hậu Hán thư*, quyển 14 ghi: "*Dân Giao Chỉ có linh vật là trống đồng, nghe đánh lên họ rất hăng lúc lâm trận…".*

Sách này còn chép rằng Mã Viện, tướng nhà Hán, sau khi dập tắt cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng vào khoảng 40-43, đã tận thu trống đồng của các thủ lĩnh địa phương, một phần đem tặng, phần khác nấu chảy để đúc ngựa và "cột đồng Mã Viện". Ở nước ta, trong các sách *Việt điện u linh tập* và *Lĩnh Nam chích quái* (thế kỷ XIV) cũng có ghi lại nhiều truyền thuyết về trống đồng.

Trống đồng chỉ có một mặt, nói chung được chế tác bằng đồng thau, đã tồn tại từ giai đoạn cực thịnh của đồng thau chuyển sang thời kỳ đồ sắt. Về mặt công dụng, trống đồng giữ một vai trò quan trọng trong sinh hoạt đa dạng của xã hội. Dựa vào các tài liệu chữ viết, dân tộc học và khảo cổ học, chúng ta biết, ban đầu trống đồng đã được sử dụng trong dịp lễ mai táng các quan lang Mường và ở hầu hết các ngày hội hè, lễ tiết lớn của đồng bào Mường ở tỉnh Hòa Bình. Lời một bài hát dân ca Mèo có tên "Hồng thủy hoành lưu" cho biết thuở xưa, trống đồng đã cứu sống tổ tiên người Mèo trong thời kỳ có nạn lụt lớn. Ở khu mộ táng tại Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa, trống đồng được chôn theo người chết.

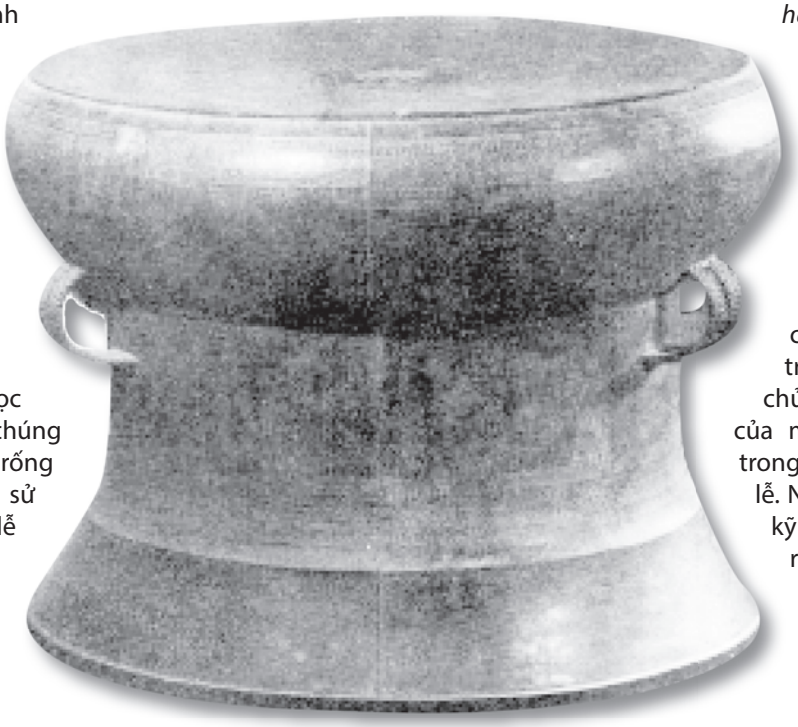

Dưới thời nhà Trần (thế kỷ XIII - XIV), việc sử dụng trống đồng đã được ghi lại trong một bài thơ của Trần Phu, sứ thần nhà Nguyên tại nước Đại Việt thuở ấy. Bài thơ có đoạn viết:

Kim qua ảnh lý, đan tâm khổ,
Đồng cổ thanh trung, bạch phát sinh.

Dịch:

Trong bóng giáo mác, tấm lòng đau khổ
Nghe tiếng trống đồng, tóc bạc phơ.

Ngoài ra trống còn được diễn tấu với dàn "đại nhạc" trong triều đình nhà Lê (thế kỷ XV-XVI). Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép:

"Bính Tý, năm thứ 3 (1456) - Vua (Lê Nhân Tông 1443-1459) đến Lam Kinh ngày rằm, nhà vua đem theo các quan đi bái yết sơn lăng, sắm đủ lễ vật để cáo miếu, đánh trống đồng, tấu đại nhạc: hàng võ thì biểu diễn điệu múa "Bình Ngô phá trận", hàng văn thì biểu diễn múa "Chư hầu đến chầu…".

(Khâm định…, sđd, tr.939)

Qua đó ta thấy chức năng cơ bản của trống đồng ban đầu chủ yếu là chức năng của một nhạc khí dùng trong các cuộc hội hè, tế lễ. Ngoài ra, với trình độ kỹ thuật và nghệ thuật rất cao, những đồ án hoa văn phong phú được khắc họa trên đó, trống đồng không chỉ là

nghệ thuật trang trí, mà còn là bức tranh miêu tả chân thật con người và sinh hoạt trong thời dựng nước mà trước đây người ta cho là chìm trong đám mây mù của những truyền thuyết.

Căn cứ vào trống đồng Đông Sơn, các nhà khoa học đã nghiên cứu được nhiều mặt cụ thể của lịch sử thời các vua Hùng và nước Văn Lang. Có thể nói rằng đó là những nguồn sử liệu hiện vật quý giá đối với việc nghiên cứu văn hóa cổ, đặc biệt là thời kỳ chưa có chữ viết. Nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống về trống đồng, chúng ta có thể hiểu biết một phần nào đời sống vật chất, sinh hoạt tinh thần và tổ chức xã hội của cư dân thời đại đồng thau và sơ kỳ đồ sắt ở nước ta.

Về mặt nghệ thuật, trống đồng là một chứng nhân lịch sử chứng tỏ tài năng sáng tạo tuyệt vời của những chủ nhân đã khai sinh ra nó. Chính vì tầm quan trọng của nó, nên từ rất xưa, trống đã thu hút được sự chú ý của các nhà biên niên sử, trở thành đề tài quen thuộc, hấp dẫn đối với nhiều giới nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước. Nhiều tài liệu đã cho biết từ khá lâu, các vua chúa quan lại đã chú ý thu thập đồ cổ, trong đó có trống đồng.

Qua đó ta thấy đối với người Việt, trống đồng không chỉ là *vật linh* mà nó đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề khoa học, nhất là trong các sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền uy của một nhà nước được xác lập đầu tiên trên đất nước ta - nhà nước Hùng Vương. Trống đồng và những hình khắc họa trên trống đã giúp chúng ta hình dung được đôi nét về cuộc sống của người Việt cổ ở thời xa xưa ấy. Hoa văn trên trống đồng phong phú, kiểu bố trí hợp lý trên các phần mặt, tang và thân trống, những chi tiết này đã được nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích để làm cơ sở khoa học trong phân loại trống và khắc họa những nét sinh hoạt kinh tế, xã hội, văn hóa Đông Sơn thời bấy giờ.

Như đã nói ở trên, trống đồng không chỉ có chức năng nhạc khí mà còn có những chức năng khác như làm biểu tượng cho quyền lực, tôn giáo… Trống được dùng trong các nghi lễ tôn giáo, trong lễ hội, và trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, khi người thủ lĩnh bộ lạc kêu gọi mọi người từ khắp nơi tụ về để cùng chiến đấu. Trống thường thuộc về những người thủ lĩnh và là biểu tượng của quyền lực. Người thủ lĩnh có quyền lực càng lớn thì trống càng to và đẹp. Trống đồng cũng được coi là một tài sản quí, và được làm đồ tuỳ táng khi người chủ qua đời.

Có thể nói rằng trống đồng là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp phát triển, là một hiện vật vô cùng quý báu và là niềm tự hào sâu sắc của văn hoá Việt Nam. Ngày nay, hàng trăm chiếc trống đồng được phát hiện, lưu giữ và trưng bày trang trọng ở các bảo tàng quốc gia và các địa phương. Tại vùng đất Thanh Sơn miền Tây của tỉnh Phú Thọ hiện nay vẫn còn ngày hội Trống đồng của dân tộc Mường với lễ hội "Đâm Đuống" và "Chàm Thau".

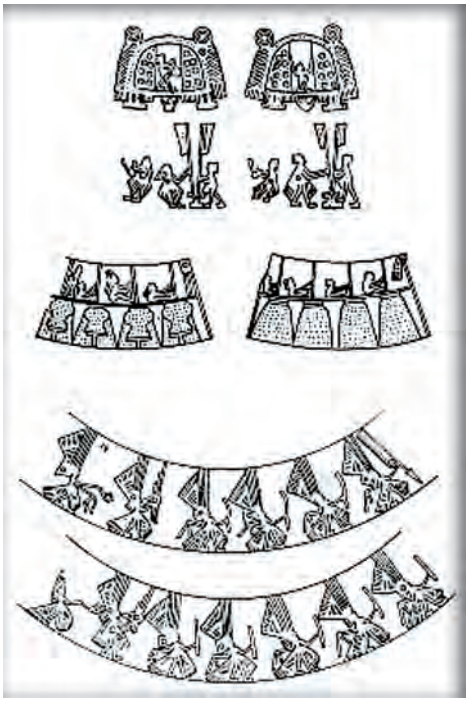

Đây cũng là một trong số những vùng đã phát hiện được nhiều trống đồng trong lòng đất nhất. Chính vì lý do đó mà tỉnh Phú Thọ đã khôi phục một nghi thức linh thiêng là đánh trống đồng trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng ngày 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm để phục vụ đồng bào trong nước và du khách quốc tế. Đó là một trong nhiều hoạt động thể hiện tấm lòng thành kính và tôn vinh các giá trị văn hoá, góp phần đẩy mạnh hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá nói chung và biểu tượng trống đồng; di sản văn hoá truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam nói riêng.

Thay vì tổ chức nhiều hình thức lễ hội theo tính phong trào mà hiệu quả không cao, thiển nghĩ để góp phần tăng cường sự gắn bó, đoàn kết của cộng đồng người Việt nhằm khơi dậy lòng tự hào, truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, ngành văn hóa và chính quyền các địa phương; những nơi đang lưu giữ trống đồng cần có nhiều hơn các hoạt động thiết thực nhằm nâng cao giáo dục đạo lý *"Uống nước nhớ nguồn"; "Ăn quả nhớ người trồng cây"* cho các thế hệ tiếp bước truyền thống vẻ vang của cha ông… ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam,* Nguyễn Văn Huyên-Hoàng Vinh, Viện Bảo tàng Lịch sử xb, 1975.

2. *Trống đồng vùng đất tổ,* Nguyễn Anh Tuấn, Sở VHTT & TT Phú Thọ, 2001.

3. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục T1,* QSQTN, Nxb Giáo Dục, 2007.

** Ảnh do tác giả chọn*

Cạm bẫy của ngôn từ

NGUYÊN CẨN

Cách đây nhiều năm khi phân tích phát biểu của một số người có chức quyền, chúng tôi đã nêu lên những bất hợp lý trong chuỗi suy luận của họ; ví dụ như *"Những nước có IQ cao đều có đường sắt cao tốc"*, hay *"Việc khó nhất là đánh thắng đế quốc. Chúng ta đã đánh thắng chúng. Chúng ta chắc chắn phải làm được đường cao tốc"*, hay cách nay một năm có vị đòi mang tinh thần *"chiến đấu chống Mỹ"* vào *"chống thực phẩm bẩn"*.

Những phát ngôn như thế gần đây đã bớt nhiều, có thể là quan chức cũng đã tỉnh táo hơn, ngoài ra còn ngại mạng xã hội vốn là lưỡi đao vô hình có thể "phập" xuống những ai "cuồng ngôn" hay "phát ngôn thiếu suy nghĩ" như bà tiến sĩ đề nghị chống ngập bằng… lu hay mới vài hôm nay đây một nhạc sĩ có chức sắc, 44 năm sau giải phóng, vẫn còn đòi *"… phải hết sức thận trọng với trang sử đen tối của miền Nam Việt Nam"* và đòi xóa *"thứ văn học nghệ thuật độc hại của nó"*.

Nhưng những người vận dụng lối suy luận như trên vẫn còn trong những lãnh vực khác nhau, ở những bình diện khác nhau, trong nước và quốc tế. Họ vận dụng "kỹ thuật ngụy biện" khá nhuần nhuyễn, khiến người nghe dễ bị thuyết phục. Theo *Wikipedia,* ngụy biện là việc sử dụng các lập luận một cách sai lầm, không hợp lý, cố ý vi phạm các quy tắc luận lý trong suy luận. Một lý luận ngụy biện có thể có ý lừa đảo bằng cách làm cho sự việc có vẻ tốt hơn so với thực tế. Một số ngụy biện cố ý nhằm mục đích thao tác, đánh lạc hướng người nghe, người đọc, làm cho họ nhầm tưởng cái sai là đúng và cái đúng là sai. Những sai lầm không cố ý trong suy luận do ẩu tả, thiếu hiểu biết được gọi là ngộ biện.

Aristotle là người đầu tiên hệ thống hóa các lỗi luận lý vào một danh sách, để có thể bác bỏ luận điểm của đối thủ như là một cách để giành chiến thắng một cuộc tranh cãi. Văn kiện *"Sophistical Refutations"* (De Sophisticis Elenchis) của Aristotle xác định mười ba loại ngụy biện. Các nhà luận lý học về sau này xác định thêm hàng chục loại ngụy biện khác nữa. Chúng ta thử xem hôm nay người ta đang vận dụng nó như thế nào?

1. Ngụy biện "khái quát hóa" vội vã

Từ chuyện một vị sư được đồn đoán có 300 tỷ, lại phạm một số giới luật, một ông tiến sĩ tôn giáo học đã kết luận *"đi tu hiện nay là một cái nghề"* và *"… có gì đơn giản hơn… chuyện người không có công ăn việc làm, mồ côi hoặc nghèo nên cha mẹ gửi vào chùa. Từ chuyện đáng lẽ chết đói đi ăn xin ngoài đường thì đột nhiên vào chùa có sư nuôi rồi được thiên hạ đến cúng. Mới hôm qua người ta gọi mình bằng 'thằng', nay chỉ cần cạo đầu, mặc bộ đồ lam tự nhiên được gọi bằng 'thầy', có chỗ ở, được cho đi học, đi tới đâu người ta kính nể tới đó thì hỏi có thích không? Họ chỉ mượn bóng cửa thiền để trải qua cuộc sống một cách dễ chịu thay vì phải tự mình đi lao động ở ngoài"*. Và ông ta kết luận *"Nền tảng Phật giáo thực ra đã lung lay từ lâu"*.

Chúng ta phải thừa nhận đã có vài vụ việc xảy ra trong tăng giới Phật giáo như chuyện chùa Ba Vàng hay một vài vị sư ở Kiên Giang hay Daklak; nhưng có phải vì thế mà kết luận như trên không? Theo Alo Almossawi trong *"An Illustrated Book of Bad Arguments"*, bản Việt dịch *"Lý sự cùn"* của Hiếu Tân (2019) thì người ta phạm phải loại ngụy biện này khi đưa ra kết luận từ mẫu ví dụ hoặc quá nhỏ, hoặc quá cá biệt để đại diện. Chẳng hạn hỏi mười người trên phố về nợ công của chính phủ thì không thể nào cho là cả nước nghĩ về việc ấy như mười người đó. Aristotle gọi cách lý sự này là Ngụy biện khái quát hóa vội vã (hasty generalization). Nó cũng là loại Ngụy biện kết luận ẩu ((jumping to conclusions). Đã có nhiều ý kiến phản bác từ trong hàng ngũ Tăng sĩ và cư sĩ, chúng tôi không cần đề cập lại ở đây.

Chỉ xin nhấn mạnh ba ý:

1) Hiện tượng sư phạm giới thời nào cũng có, kể cả trong thời Đức Phật còn tại thế. Hãy nhớ các vị sư cũng là con người trong quá trình tu tập, hành trì giới luật, mà sự tuân thủ là để hướng đến xây dựng đạo đức cá nhân, giải thoát tâm mình khỏi tham sân si; vì vậy, dù Đức Phật đã thiết lập các điều luật, có người giữ gìn được thì cũng có người không hoặc chưa… Tổ chức nào, tôn giáo nào cũng thế, cũng có những "con cừu đen" trong hàng ngũ thành viên, giáo sĩ, tu sĩ của mình.

2) Hãy nhớ dù người Việt có truyền thống tôn trọng Tăng Ni nhưng một chú bé vào chùa phải mất nhiều năm để thọ giới Sa-di rồi mới được thọ giới Tỳ-kheo, không thể làm *"thầy"* ngay. Họ phải có tâm nguyện hy sinh vì lý tưởng phụng sự chúng sanh của hàng xuất sĩ. Như *Quy sơn cảnh sách* dạy *"Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục. Nối thạnh giòng Thánh, hàng phục quân ma, nhằm đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi"*.

3) Lịch sử Phật giáo có thăng trầm suy thịnh nhưng luôn bền vững qua nhiều thời, nhiều triều đại, hãy đọc lại lịch sử sau các thời huy hoàng như thời Lý Trần với những vị Tăng giúp đời cứu nước, thì đến giai đoạn suy vi, hay trên bình diện thế giới, có thời gian Phật giáo bị suy yếu từ thế kỷ thứ VII, thậm chí bị các tôn giáo khác dùng bạo lực "xóa sạch" như ở Ấn Độ từ thế kỷ thứ XIV mà từ thế kỷ XIX đến nay vẫn phát triển tốt được trên đất Ấn thì những chao đảo trong một nhóm Tăng sĩ không gây ra sự "lung lay", lại càng không thể khiến Phật giáo suy vong. Chẳng thế mà hiện nay Phật giáo đang trong quá trình làm mới, hiện đại hóa, thâm nhập quảng bá trong quần chúng dù có người còn mê tín nhưng chúng tôi tin họ sẽ thay đổi nhận thức và hoàn toàn giáo dục được.

2. Ngụy biện "lấy cái không phải nguyên nhân làm nguyên nhân"

Khi viết về thảm kịch "di dân" khiến 39 người Việt chết trong container lạnh ở Essex (Anh quốc), phóng viên một tờ báo lớn ở TP.HCM viết: *"Nhưng trách nhiệm đầu tiên của tấn thảm kịch có lẽ không phải là của (những) chính phủ mà từ đó công dân di cư lậu xuất phát, cũng không phải những nạn nhân đó và gia đình họ và thậm chí không phải của bọn buôn người.* Vấn đề chính là một chính sách nhập cư đã trục trặc từ rất lâu ở các nước giàu. *Những cái chết ở Essex không phải là tai nạn hay chỉ diễn ra một lần. Chúng là sản phẩm trước hết của một nền chính trị và chính sách nhập cư phi nhân tính hóa, và đối xử với con người và việc họ di cư (một quyền cơ bản) như những trục trặc xã hội"*. Và anh ta quy kết trách nhiệm tối thượng thuộc về Chính phủ Anh.

Lối ngụy biện này giả định một nguyên nhân cho một sự kiện mà không có bằng chứng cho thấy nguyên nhân trực tiếp tồn tại. Khi hai sự kiện diễn ra nối tiếp nhau, hay đồng thời có thể do một nguyên nhân nào khác, người ta không thể kết luận một sự kiện gây ra sự kiện khác nếu không có bằng cớ. Việc Chính phủ Anh siết chặt nhập cư là chuyện mà nhiều chính phủ làm trong bối cảnh làn sóng di dân đang tràn lan trên thế giới. Tổng thống Mỹ thậm chí phải ra lệnh xây tường ngăn giữa Mexico và Mỹ! Đây là lối suy luận theo

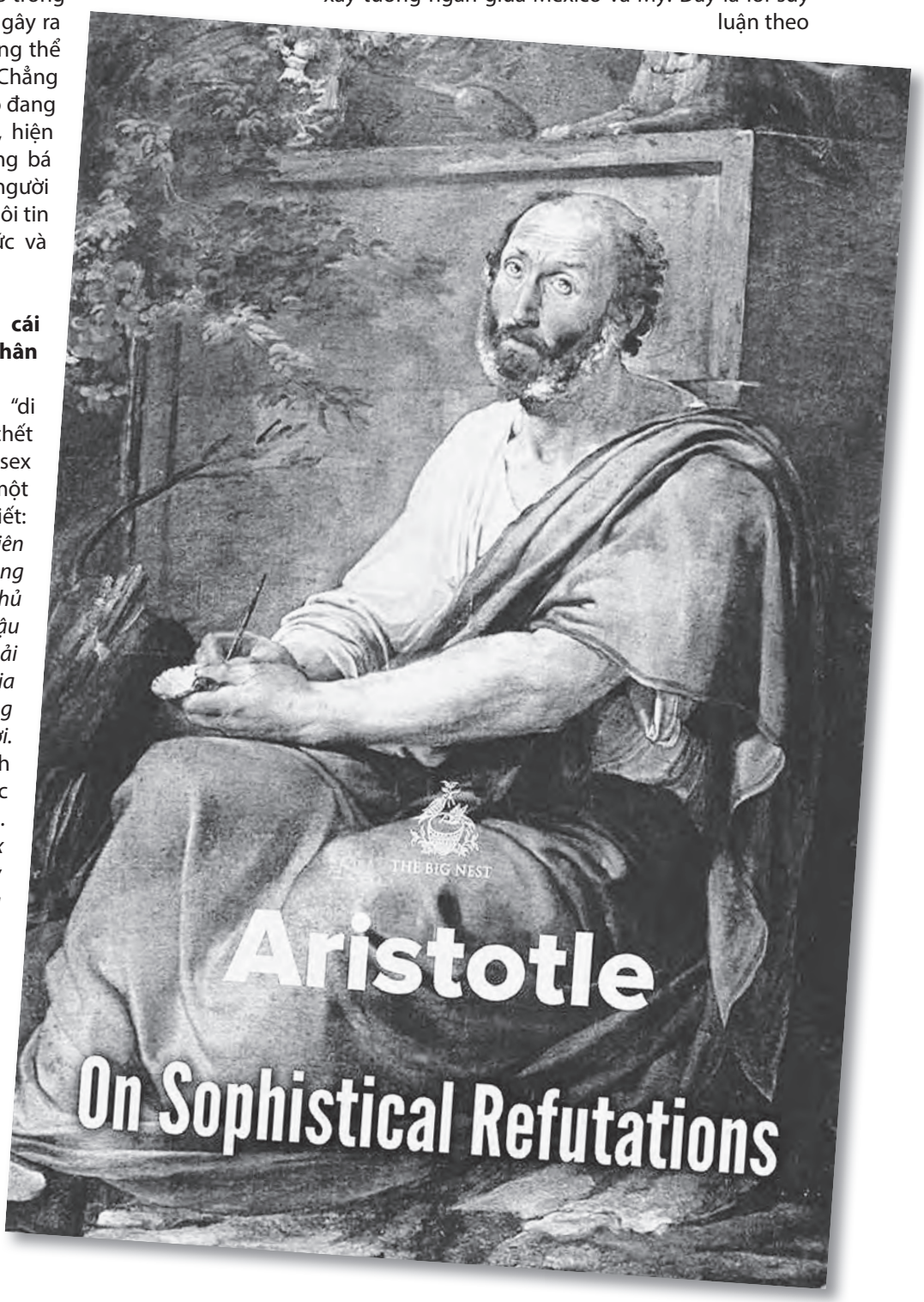

kiểu "sau cái này vì thế do cái này gây ra *(post hoc ergo propter hoc)* và "với cái này, vì thế do cái này gây ra *(cum hoc ergo propter hoc)*. Với lối suy luận trước thì một sự kiện xảy ra trước sự kiện kia nên được coi là nguyên nhân, với kiểu sau thì vì được coi là đồng thời nên được coi là nguyên nhân.

Ví dụ lập luận: *"Vì tin tặc đánh sập trang web của công ty đường sắt, nên khi tôi kiểm lịch chạy tàu, anh biết không, mọi chuyến đều bị trễ".*

Để trả lời cho anh phóng viên này, hãy lấy lời của ông Nguyễn Mạnh Cường (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Quốc hội): *"… Không thể không nói đến nguyên nhân từ những hạn chế trong thực hiện vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước. Vụ việc này giống lên hồi chuông cảnh báo về công tác quản lý nhà nước"*.

Còn trong cuộc phỏng vấn với *BBC News,* luật gia Hirota Fushihara - sống và làm việc lâu năm tại Việt Nam - nói rằng: *"Người dân quốc gia nào thì có quyền đòi hỏi quốc gia đó làm cho người dân hạnh phúc. Người dân được ấm no hạnh phúc là trách nhiệm quốc gia. Hạnh phúc đó bao gồm việc làm và rất nhiều thứ khác nữa. Thế thì chúng ta phải xem xét xem nhà nước đã làm đủ vai trò đó chưa. Nếu nhà nước làm tròn bổn phận rồi, trong nước có đầy việc làm và việc làm đó đủ để có mức sống tối thiểu và có tương lai thì chắc chắn sẽ có ít người đi xuất khẩu lao động"*.

3. Ngụy biện lạm dụng tác phong

Khi trang web *Air Visual* đăng một loạt bài phân tích định lượng về mức độ ô nhiễm đáng báo động tại Hà Nội thì dư luận hết sức quan tâm vì nó cảnh báo người dân Thủ đô về bụi mịn và các tạp chất khác trong không khí thì lại bị một giáo viên dạy hóa online có nhiều "followers" là học sinh sinh viên bất ngờ lên mạng tấn công *Air Visual* và các ứng dụng của họ, cho rằng họ phổ biến xuyên tạc và toan tính bán thiết bị cho người dân Việt Nam, đến mức buộc *Air Visual* phải tạm dừng cho phép cài đặt tại Việt Nam trong một thời gian.

Lối ngụy biện này là thay vì bàn về sự hợp lý của sự việc, lại lạm dụng tuổi tác, chức vụ, thành tích và danh xưng để nâng giá trị lời nói của mình, hạ thấp người trao đổi, hạ thấp luận điểm họ và dành phần thắng cho mình. Đây là một ngụy biện rất thông dụng *(Fallacy appeals to appearance and manner)* và đôi khi là một biến thể của tấn công cá nhân *ad hominem*… Đã có nhiều bài phân tích quan điểm của ông VKN, sau đó ông đã gỡ bài trên mạng và giữ thái độ yên lặng.

4. Ngụy biện "cầu viện phong trào" hay ngụy biện "lợi dụng đám đông" (Appeal to the people)

Các chính trị gia, các quan chức thường dùng lối ngụy biện này, dùng sự ủng hộ của đám đông làm bàn đạp, chỗ dựa cho luận điểm của mình. Họ tin vào một cái gì đó như là bằng chứng cho rằng nó phải đúng. Ví dụ trong *"Lý sự cùn"* là *"Chẳng hạn đa số thiếu niên ngầu lòi đều dùng keo xịt tóc này. Hãy là một trong số đó"*.

Đây là lời chào mời kích động, nhưng liệu có khẩn thiết đến độ thúc bách người ta phải mua cho bằng được? Các quan chức dùng lối hùng biện, thực ra là ngụy biện khi xin ngân sách xây tượng đài với lý lẽ "Tỉnh kia có thì tỉnh mình phải có". Tình trạng đầu tư kiểu phong trào và *"thể theo nguyện vọng, tình cảm chính đáng của nhân dân địa phương"* hay là *"để làm nơi thu hút khách du lịch tham quan tỉnh nhà"*.

Theo Tiến sĩ Bàn Tuấn Năng, khi xây dựng một công trình văn hóa tâm linh hoặc tượng đài, phù điêu thì người ta chỉ cần nêu lý do chung chung là *"vì toàn dân, vì sự yêu quý lãnh tụ, anh hùng…"* và trình dự án, rồi xin phê duyệt mà chẳng quan tâm nhiều đến những số liệu khoa học, cảnh quan, thẩm mỹ và tính giáo dục sau này, để khẳng định tính đúng đắn, sự cần thiết phải có công trình văn hóa to, hoành tráng. Một vài kết quả cần ghi nhận để thấy hậu quả của ngụy biện có thể "định lượng" được:

Công trình Quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng đế ở Ninh Bình có tổng vốn đầu tư 1.543 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước và vốn xã hội hóa triển khai xây dựng từ năm 2009, nhưng đến nay công trình này vẫn dở dang, um tùm cỏ dại, xuống cấp trầm trọng. Công trình tượng đài N'Trang Lơng ở Đắk Nông có mức đầu tư 147 tỷ đồng đang bị "tắc" cả về kỹ thuật lẫn tài chính, rồi dự án xây dựng tượng đài có vốn đề nghị lên tới 1.400 tỷ của tỉnh Sơn La làm xôn xao dư luận là những ví dụ sinh động.

5. Ngụy biện "Cầu viện đạo đức giả"

Tiếng Latin là "tu quoque", loại ngụy biện chống lời buộc tội của ai đó bằng cách chỉ ra nó mâu thuẫn với hành động hay lời nói của anh ta - đáp lời buộc tội mình bằng cách buộc tội người đang buộc tội mình. Đây là loại ngụy biện trong đó kẻ ngụy biện thuyết phục độc giả một cách không khách quan, đầy thiên vị bằng cách chỉ dùng các thông tin, bằng chứng có lợi cho luận điểm của anh ta trong khi lại lờ đi, hay che giấu các thông tin, bằng chứng khác không có lợi cho luận điểm ấy.

Khi Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng lãnh hải lúc xứ này cho tàu xâm nhập bãi Tư Chính, ngày 17/7/2019, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Cảnh Sảng nói rằng, "Chính phủ Việt Nam nên tôn trọng chủ quyền của Trung Quốc đối với một số khu vực trên Biển Đông và phía Việt Nam cũng nên kiềm chế hành động sẽ làm trầm trọng thêm tình hình trong khu vực". Ông ta còn nói: "Chúng tôi hy vọng rằng phía Việt Nam sẽ cân nhắc và tôn trọng *chủ quyền và quyền hợp pháp của Trung Quốc tại vùng biển liên quan ở Biển Đông,* cũng như sẽ không thực hiện hành động có thể khiến tình trạng xấu đi thêm nữa".

Chúng ta tự hỏi rằng Trung Quốc có vùng biển nào ở khu vực bãi Tư Chính? Trong luận điệu của Cảnh Sảng còn hàm chứa một loại ngụy biện khác nữa: "Ngụy biện dùng bạo lực" (ad baculum fallacy hoặc appeal to force). Trong cách lý luận này, kẻ tranh luận thay vì bàn lý lẽ, luận lý đàng hoàng thì lại dùng sự đe dọa, ám chỉ đến những điều không hay xảy ra với người đối thoại để làm họ chùn bước, và từ đó phải chấp nhận quan điểm của anh ta một cách bị ép buộc.Trung Quốc yêu sách chủ quyền đối với quần đảo "Tây Sa", tức quần đảo Hoàng Sa và cả Trường Sa của Việt Nam, theo nguyên tắc "chủ quyền lịch sử". Lập luận của nước này là: Ngư dân Trung Quốc đã phát hiện ra các đảo này sớm nhất và đã đặt tên cho chúng. Nhưng các thủy thủ và ngư dân Trung Quốc không phải là những người duy nhất qua lại các quần đảo. Biển Đông từ lâu đời đã có thuyền bè của người Ấn Độ, Ả Rập, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp và nhiều nước khác lai vãng tới.

Cách này cũng gọi là "Ngụy biện thiên vị" (cherry picking fallacy) chỉ đưa ra những bằng cớ về phía mình mà lờ đi sự thật khoa học địa lý mà những nước khác cũng ghi nhận được.

Tiến sĩ Trần Công Trục phân tích: *"Trung Quốc dựa vào cái gọi là chủ quyền lịch sử, danh nghĩa lịch sử. Căn cứ vào các sự kiện, các dữ liệu trong lịch sử để chứng minh chủ quyền là hết sức mơ hồ… Cho nên người ta căn cứ vào nguyên tắc thực sự: Đó là việc chiếm hữu với tư cách Nhà nước và thực thi chủ quyền đó rõ ràng, hoà bình, liên tục và có hiệu quả. Trung Quốc không có điều đấy"*.

Ông Carlyle A. Thayer, Giáo sư Học viện Quốc phòng Australia bình luận: *"Nếu theo cách suy luận của Trung Quốc thì liệu Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha có thể ra yêu sách với toàn bộ Đại Tây Dương hay không vì họ đã phát hiện ra nó từ thế kỷ XVI? Câu trả lời tất nhiên là không!".*

Nhân minh luận và chánh ngữ

Trong bài *Nhân minh Tổng luận* (tạp chí *Viên Âm,* 1939), Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám viết:

"Đại phàm muốn lập một lý luận thì cần phải đủ ba điều kiện.

A. Nói điều mình đã nhận biết để cho người khác cũng nhận biết. Như mình nhận biết cái chớp do điện lực tạo thành và nói ra cho ai ai cũng nhận biết như vậy. Điều ấy gọi là ***tôn****.*

B. Song nếu chỉ nói suông cái tôn của mình, thì chắc người khác không chịu công nhận, nên cần phải nói rõ nguyên nhân vì sao mà lập ra cái tôn ấy. Đó gọi là ***nhân.***

C. Đã chỉ rõ cái tôn và nhân rồi, thì cần phải lấy những sự hiện thiệt mà ai ai cũng đều công nhận làm chứng cứ cho cái tôn và nhân của mình, có cả chứng cứ về mặt phải và chứng cứ về mặt trái nữa thì càng tốt. Đó gọi là ***dụ****.*

Nói tóm lại, phàm lập một thuyết gì cần phải đủ ba phần là tôn, nhân, và dụ. Thiếu tôn thì không có tôn chỉ, thiếu nhân thì không có nguyên do, thiếu dụ thì không có bằng cứ. Ba phần thiếu một thì không thể thành lý luận đúng đắn. Song về cái dụ thì cốt nhất cần phải có đồng dụ, còn không lập dị dụ cũng không có".

Vậy thì những kiểu ngụy biện trên đều thiếu hoặc nhân hoặc dụ hay cái dụ của họ không đủ thuyết phục.

Khi dùng ngụy biện, họ cũng đã phạm sai lầm về Chánh ngữ.

Theo nhà Phật, Chánh ngữ gồm:

1. Nói lời chân thực, không nói dối;
2. Không nói lời thêu dệt vẽ vời;
3. Không nói lời điên đảo, hai chiều;
4. Không nói lời ác độc.

Đặc tính đầu tiên của Chánh ngữ là luôn nói sự thật. Đức Phật dạy chúng ta đừng bao giờ nói dối dầu vì lợi ích của bản thân hay lợi ích của ai đó, hay vì bất cứ sự lợi ích gì. Cách tốt nhất là suy nghĩ trước khi nói. Người ta thường nói, "Hãy giữ miệng!" Nhưng đúng hơn là phải giữ tâm bạn. Trước khi mở miệng, hãy quán sát lại tâm xem động lực hành động có thiện không, có lời nào xuất phát từ tâm tham, sân, hay si không.

Biện luận là công cụ của một tổ chức dân chủ và quan trọng hơn, nó giúp cho mọi người trình bày quan điểm của mình một cách khách quan, khoa học, không biên kiến, tà kiến trong tinh thần tôn trọng chân lý. Nếu không thì mọi sự việc sẽ bị hiểu sai, nói lệch và hố thẳm giữa người với người, giữa con người với tổ chức, giữa quốc gia này với quốc gia khác càng thêm xa cách, vì thiếu "kết nối truyền thông" hay "kết nối yêu thương", chừng đó ta hiểu vì sao Sartre nói "Tha nhân là địa ngục" *(L'enfer, c'est les autres)*. ■

Nguồn: baomoi.com

Nợ đời

NGUYÊN AN

Sáng ở quán cà-phê, ông Hai khoảng 65 tuổi ăn mặc luộm thuộm, đút xôi cho đứa cháu gái khoảng 2 tuổi. Cháu gái mặt lem luốc, vận chiếc áo đầm đắt tiền, nhưng có vẻ mặc từ tối hôm qua đến sáng chưa thay. Cháu ăn xôi nhưng chạy ra, chạy vào, khiến ông Hai lỡ dở uống ly cà-phê không ngon.

- Mẹ cháu đâu mà ông phải giữ?

- Còn ngủ.

- Còn cha bé?

- Ngủ luôn! Hai đứa nó tối coi phim, sáng ngủ đến 9, 10 giờ mới dậy, để con cho tôi chăm.

Ông Hai tâm sự đầy buồn phiền, nhưng có vẻ cam chịu, con gái lấy chồng sớm 18 tuổi đã sinh con, thằng chồng 20 tuổi. Cả hai đều ham chơi, để con cho ông ngoại chăm sóc từ nhỏ. Còn một đứa con trai lớn 25 tuổi lưng dài, vai rộng cũng chẳng làm gì để ông nuôi. Vợ ông Hai đi buôn bán xa, là nguồn thu nhập chủ yếu trong gia đình. Cuộc sống kinh tế không khó khăn lắm, nhưng cũng không dư dả nhiều, để mướn người giúp việc nhà.

Đâu chỉ chuyện chăm cháu ngoại, ông còn làm tất tần tật chuyện nhà. Sáng thức dậy sớm đã bỏ đồ vào máy giặt, đi uống cà-phê, dẫn cháu ngoại đi theo. Uống cà-phê xong, đi chợ mua thức ăn, rồi về phơi đồ, nấu ăn…

- Có bữa tôi để chén bát không rửa, thử xem có đứa nào phụ cha rửa không? Vậy mà mâm bát ấy hai ngày trời, chất lên tới mũi mà không đứa nào đụng vào. La mắng, chúng cũng giả điếc, không coi lời mình ra gì. Cuối cùng tôi cũng chịu thua. Một phần cũng lỗi tại tôi, lúc nhỏ cưng tụi nó quá, nên chúng sinh ra lười biếng. Không biết đến lúc tôi và mẹ chúng không còn lao động được, thì chúng sẽ ra sao?

Tan buổi uống cà-phê, thấy ông Hai liêu xiêu dẫn đứa cháu ngoại loắt choắt về mà cám cảnh phận người.

* * *

Hai năm nay, người ta không thấy vợ chồng ông Sáu lai vãng ra đường. Khi xưa, còn thấy ông thỉnh thoảng đi uống cà-phê, ra quán xá, nhậu với bạn bè, hoặc đi đám cưới, đám giỗ… còn bà thì đi chợ thường xuyên. Vậy mà, hai năm nay cái biệt thự to lớn của ông bà đã bán cho người khác. Tới giờ phút bán nhà người chung quanh mới biết, con trai của ông bà cờ bạc thiếu nợ hàng chục tỷ đồng, bị xã hội đen đến đòi nợ phải bán nhà. Hóa ra, nhiều năm nay, con trai ông đã nướng tài sản hàng chục đám đất của gia đình ông vào cờ bạc: Đá gà, cá độ đá banh, đánh đề… Không thứ nào cờ bạc mà con trai ông không tham gia. Nghe đâu, cả họ hàng nhà ông cũng đều bị thằng con trai cờ bạc xỏ mũi lừa. Người thấp nhất cũng vài chục triệu đồng, kẻ nhiều thì bạc tỷ khi nghe hắn ngon ngọt dụ dỗ, hùn hạp làm ăn hay cho hắn vay.

Ban đầu, là chuyện hắn bỏ học, cả nhà bỏ qua, nghĩ là hắn học không nổi, nên cho ở nhà. Sự nghiệp ăn chơi bắt đầu khi hắn đòi mua xe phân khối lớn. Được chiều chuộng, hắn nổi tiếng trong làng xóm là tay đua có máu mặt, số má. Vài lần bị công an bắt, vài chiếc xe bị tịch thu, sau đó hắn rút vào bí mật với các hoạt động kiểu mở quán bán cà-phê, quán ăn… Suốt ngày, hắn là ông chủ nhưng giao tất cho quản lý muốn làm gì làm. Cái chính của quán hắn là chốn cờ bạc. Trong các phòng kín là các sới bạc, là chỗ cá độ đá bóng qua mạng. Làm ăn

không bao lâu thì quán dẹp, hắn lâm vào nợ nần tiền tỷ. Rồi như ma đưa đường, quỷ dắt lối, hắn sống như ông hoàng, nhưng nợ như chúa chổm, để rồi cuối cùng cha mẹ hắn là ông bà Sáu phải gánh chịu.

Bán căn biệt thự được hơn 100 tỷ vẫn không yên với đám xã hội đen suốt ngày đe dọa. Hắn trốn đã đành, ông bà Sáu bị "khủng bố" riết cũng phải trốn nơi chôn nhau cắt rốn, để đi xa không biết phương trời nào.

Người biết chuyện đều chắt lưỡi hít hà thương cho ông bà Sáu sống nhân nghĩa, ân tình với bà con họ hàng, lối xóm… mà nay phải sống chui, sống nhủi như tội đồ.

* * *

Dừng chân ở một quán nước ven đường quốc lộ miền Tây, một phụ nữ tầm 60 tất tả chạy ra. Hai khu quán hình như chỉ có một mình chị bán. Hỏi sao không thuê thêm người bán? Chị bảo: Quán này của con gái, quán bên kia của thằng rể. Con gái nhắn tôi lên chơi, lên tới nơi, nó bỏ cho tôi coi quán, rồi đi công việc rồi.

Hai khuôn viên quán đơn sơ, nhưng khá rộng, khi thấy quán vơi khách, hỏi chị sao con rể một quán, con gái một quán vậy? Chị ngồi bẹp xuống nền nhà, lấy khăn ra lau khuôn mặt khắc khổ đầy mồ hôi: Hai đứa nó thôi rồi chú! Chuyện là vầy. Hai đứa nó hồi mới lấy nhau, chí thú làm ăn, tay trắng làm nên nhà cửa, được hai đứa con. Thằng con trai lớn năm ngoái 19 tuổi, lấy vợ cho nó. Cháu dâu về đây dẫn thêm dì út nó cũng chỉ đôi mươi lên phụ quán. Chẳng biết ra sao, con rể tôi và dì út của cháu dâu lẹo tẹo nhau rồi ly dị con gái tôi. Miếng đất chia đôi, cái quán cũng xẻ nửa ra hai, bên chồng, bên vợ. Chắc ở cũng thấy chướng mắt, người đời nói ra nói vô, thằng rể tôi dắt con nhỏ kia đi biệt, để lại quán này cho thằng con nó. Cháu dâu tôi ở cũng không yên với mẹ chồng nó (là con gái tôi) vì cứ bảo tại con dâu dẫn người dì lên, nên gia đình mới lộn xộn như vầy. Chịu không nổi cháu dâu cũng rù rì thằng chồng nó (là cháu ngoại tôi) bỏ nhà đi luôn, tránh mặt mẹ chồng.

Thế là cả nhà đang êm ấm bỗng tan nát. Giờ con gái tôi nuôi đứa con gái mới 10 tuổi. Tôi ở Sóc Trăng, một hai nó bảo lên đây nó phụng dưỡng. Rồi nó giao cho tôi hai cái quán, có khách chạy tới chạy lui cũng kiếm được một chút, nhưng nhìn cái nhà trống huơ, trống hoác, nghĩ cũng rầu chú à!

- Con gái chị đi thêm bước nữa là nhà đông người chứ gì!

Cứ tưởng nói bâng quơ cho người phụ nữ bớt buồn, chị lại nói:

- Lại rầu lo, chú à! Buôn bán như vầy, hồi đó 18 tuổi lấy chồng, nay mới 38 tuổi, hai ba chú tài xế đường xa cũng cà rà nó. Tôi nói, đã lỡ một lần đò rồi, lần thứ hai, phải cẩn thận chứ lại gặp người xấu nữa là khổ lắm! Nó dạ dạ vậy chứ mấy bữa nay, nó bỏ con cho tôi trông, rồi cũng đi đâu mất dạng.

Nguồn: baomoi.com

Hồi nãy vào quán, uống ly nước dừa ngọt dịu nghe man mác hương đồng từ cánh đồng lúa thổi lên, nghe chuyện xong nhìn ngôi nhà bên đường, đứa cháu gái mới 10 tuổi gác càm lên cửa sổ nhìn ra xa xa. Mới chút xíu tuổi đã gánh nỗi đau cha mẹ chia lìa, anh ruột đi mất. Mái ấm bỗng hóa tro tàn lạnh lẽo. Một bà, một cháu sống mỏi mòn chờ người thân. Tự nhiên nghe nước dừa đắng ngắt!

* * *

Có bao nhiêu gia đình sống trong cảnh tang thương như nhà ông Hai, ông Sáu hay người phụ nữ ở quán ven đường? Chắc không có cơ quan nào thống kê chuyện con trai, con gái lười biếng không chăm lo việc gia đình; chuyện con trai cờ bạc, con rể bê tha, con gái đi xa bỏ con… và số phận những ông cha, bà mẹ vì con mà phiền lụy khi tóc đã bạc, lưng đã còng…

Nếu bạn là ông Hai, ông Sáu hay người phụ nữ bán quán… bạn sẽ đối xử với các con bạn ra sao? Có một điểm chung là các bậc cha mẹ ấy vì thương con không đúng nên đã "cướp đi" quyền sống tự lập của chúng, dẫn đến chúng sống lệ thuộc, sống như ông hoàng bà chúa mà không nghĩ đến cha mẹ.

Nước đã chảy đi không hốt lại được, nhưng từ đổ nát, đau khổ hôm nay ta có thể từng bước trở về chánh pháp. Con trai, con gái, con rể… chỉ thoát ra bể khổ khi chúng hiểu ra rằng chính chúng, đã ở độ tuổi trưởng thành phải biết "tự đốt đuốc lên mà tìm đường giải thoát".

Làm bậc cha mẹ, có thể hỗ trợ bằng cách cùng đi và hướng dẫn cho các con theo con đường tam quy, ngũ giới, thập thiện… Chỉ có con đường đó, tuy gian nan, mới đưa gia đình chúng ta từng bước vượt khổ… ■

Thực hư
về tác dụng của sừng tê giác

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Báo chí có đưa tin. Bệnh viện Nhi Đồng 2 (TP. HCM) đã cứu kịp thời bé N.K.A.D. (22 tháng tuổi, ngụ huyện Củ Chi, TP.HCM) bị ngộ độc do uống bột mài ra từ sừng tê giác (gia đình đưa vào bệnh viện cứu cấp trong chiều ngày 18/7/2019). Các bác sĩ nhận định bé đã bị tình trạng *methemoglobin máu* do uống bột sừng tê giác nên đã cho thở máy, truyền dịch duy trì dấu hiệu sinh tồn, sử dụng than hoạt tính để hấp phụ độc chất, thay máu và áp dụng các phương pháp điều trị hỗ trợ khác.

Methemoglobin máu (methemoglobinemia) là một rối loạn máu hình thành do sắt hóa trị 2 của hemoglobin (hồng cầu bình thường) bị hóa thành sắt hóa trị 3 không còn khả năng vận chuyển oxy, gây thiếu oxy mô dù độ bão hòa oxy trong máu động mạch vẫn bình thường.

Khai thác nhanh từ gia đình thì được biết sáng cùng ngày, gia đình có cho bé uống bột mài ra từ sừng tê giác do một người bạn cho để chữa sốt co giật cho bé. Sau đó vì thấy bé bị sốt, các đầu ngón tay bị xanh tím nên cha mẹ bé vội đưa con đi cấp cứu. Một bác sĩ ở khoa Hồi sức Tích cực Chống độc Bệnh viện Nhi Đồng 2 cho biết: Sau khi thăm khám, X-quang và siêu âm tim, các bác sĩ cấp cứu loại trừ nguyên nhân tím do tim, phổi,

lập tức nghi ngờ bé bị ngộ độc. Bé nhanh chóng được làm xét nghiệm máu, kết quả thật bất ngờ khi nồng độ methemoglobin rất cao, lên đến 30% (trong khi bình thường nồng độ chất này trong hồng cầu chỉ từ 0-3%).

Các bác sĩ nhận định bé bị ngộ độc methemoglobin máu do uống bột sừng tê giác nên đã cho thở máy, truyền dịch duy trì dấu hiệu sinh tồn, sử dụng than hoạt tính để hấp phụ độc chất, thay máu và điều trị hỗ trợ. Sau năm ngày, tình trạng ngộ độc thuyên giảm, bé được cai máy thở, môi và các đầu chi đã hồng hào trở lại, hoạt động chức năng cơ quan bình thường và chuyển đến điều trị tại khoa Nội Tổng hợp.

Hiện nay trên mạng xã hội có rất nhiều phụ huynh lan truyền thông tin về công dụng chữa bệnh thần kỳ của sừng tê giác. Cho đến nay, khoa học chưa có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy sừng tê giác có thể điều trị được bệnh sốt co giật và các bệnh lý khác. Từ lâu người ta cũng đồn đại rất nhiều về tác dụng thần kỳ của sừng tê giác, trong đó có tác dụng chữa yếu sinh lý của nam giới.

Cần biết rằng, đối với bài thuốc, vị thuốc có liên quan đến động vật hoang dã thuộc loại quý hiếm cần phải bảo tồn triệt để (như cao hổ cốt, sừng tê giác), quan điểm cần nhất quán là chúng không phải là sinh vật tồn tại chỉ nhằm chữa bệnh cho con người. Tiêu diệt chúng chỉ vì "sừng tê giác chữa bệnh sốt co giật ở trẻ con" hay "sừng tê giác có thể chữa bệnh yếu sinh lý của nam giới hoặc làm cho đấng đàn ông đã *ngon cơm* lại càng *ngon cơm* hơn" chẳng hạn, phải xem là tội ác!

Trước khi nói đến sừng tê giác được ghi nhận là vị thuốc dùng theo kinh nghiệm dân gian và được truyền miệng, đồn đại chữa nhiều chứng bệnh đến độ chỉ nên xem là "huyền thoại", xin có đôi điều bàn về bài thuốc, vị thuốc dùng theo kinh nghiệm dân gian.

Kinh nghiệm dùng thuốc của người xưa được truyền từ đời này sang đời kia bằng hai con đường. Con đường thứ nhất là được đúc kết, hệ thống hoá và ghi lại bằng văn tự thành các sách thuốc cổ. Con đường thứ hai là được truyền miệng, hoặc cũng có thể được ghi bằng văn tự nhưng không được hệ thống hoá mà nằm rải rác trong nhân dân qua các bài vị thuốc dân gian, Có một thực tế không thể phủ nhận là có những bài vị thuốc dân gian có giá trị, đã được thử thách trong thời gian dài về tính hiệu quả trong điều trị bệnh.

Chính từ các bài vị thuốc dân gian có từ thời xa xưa mà các sách thuốc cổ mới được xây dựng chỉ nhằm đúc kết, hệ thống hóa lại. Tuy nhiên, có một nhược điểm đối với các bài vị thuốc dân gian là do được truyền miệng từ người này sang người khác, từ đời này sang đời khác, đưa đến việc "tam sao thất bổn". Do đó, xen lẫn những bài thuốc là kinh nghiệm đã bị xuyên tạc, dựa vào mê tín, thần bí hóa tạo nên những huyền thoại. Vấn đề quan trọng là phải biết phân biệt, chọn lọc các bài thuốc này.

Trong ngành Dược nước ta có đặt ra một nhiệm vụ là sưu tầm, phát hiện các bài vị thuốc dân gian để kiểm tra về mặt thật giả, tốt xấu, thậm chí nghiên cứu về mặt khoa học nhằm chọn lọc các bài thuốc có giá trị, bổ sung vào vốn y học cổ truyền của ta.

Xin có đôi điều nói về sừng tê giác mà từ lâu người viết nhận được nhiều thư độc giả hỏi. Tê giác là động vật hoang dã, có nhiều tên khoa học do có nhiều loại. Như tê giác một sừng ở Ấn Độ có tên *Rhinoceros unicornis* L., tê giác ở Indonesia có tên *Rhinoceros sumatrensis* Cuvier, tê giác hai sừng *Rhinoceros bicornis* L.

Về sừng tê giác, trên thị trường người ta phân biệt sừng tê giác ở châu Á (Cornu Rhinoceri asiatici) và sừng tê giác ở châu Phi (Cornu Rhinoceri africani). Thành phần hóa học chủ yếu của sừng tê giác gồm có keratin, calci carbonat, calci phosphat, protein (có các acid amin điển hình như tyrosin, cystein, thiolactic…) v.v.

Theo báo cáo của Nam Kinh Dược học viện Trung Quốc, nước chiết sừng tê giác có phản ứng của alcaloid (là một hợp chất thường thấy trong các loại dược thảo cho nhiều tác dụng dược lý khác nhau). Tuy nhiên, cho tới nay, thành phần hoạt chất (tức chất cho tác dụng

điều trị nào đó) trong sừng tê giác vẫn chưa rõ là gì (theo sách *"Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam"* của cố Giáo sư Tiến sĩ Đỗ Tất Lợi, Nxb Y học, năm 2000). Theo sách cổ, sừng tê giác có vị đắng, chua, mặn, tính hàn, đi vào ba kinh tâm, can, vị; có tác dụng mát huyết, giải ôn độc và định kinh; được dùng khi bị sốt cao đưa đến điên cuồng hoặc mê man, sốt vàng da, thổ huyết, nhức đầu, ung độc, hậu bối…

Nhưng từ những gì được ghi trong sách cổ, sừng tê giác theo thời gian được dùng theo kinh nghiệm dân gian và được đồn đại, truyền miệng cho đến nay, những tác dụng của sừng tê giác được gán ghép, nhân nhiều lên, thổi phồng để trở thành huyền thoại chữa được "bá bệnh". Như sừng tê giác chữa được nhiều loại ung thư là loại nan y hoặc chữa một cách thần sầu bệnh yếu sinh lý, liệt dương ở nam giới. Và vì thế, sừng tê giác trở thành một vị thuốc rất đắt tiền (hiện nay chỉ thua loại ma túy đắt nhất), và tê giác bị săn lùng, bị tận diệt một cách không thương tiếc để ngày nay được nêu trong Sách đỏ cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Hiện nay có thuốc dùng trị yếu sinh lý, đặc biệt trị rối loạn cương ở nam giới. Nhưng các thuốc loại đặc biệt này chỉ được dùng khi đã được bác sĩ chuyên khoa (nam khoa, tiết niệu, nội tiết…) khám và chỉ định thuốc, chứ không thể dùng tùy tiện. Người bị yếu sinh lý, đặc biệt trị rối loạn cương, phải kể thật rõ cho bác sĩ biết mình đang bị các loại bệnh gì kèm theo, trong đó có bệnh tim mạch hay đái tháo đường, và nhất là đang dùng các loại thuốc gì.

Như vậy, việc dùng thuốc mới an toàn. Người trên 60 tuổi bị bệnh đặc biệt này còn phải được bác sĩ sàng lọc và tư vấn rất kỹ về vấn đề dùng thuốc. Chứ không thể dùng bất kể thuốc nào, nhất là chế phẩm như bột sừng tê giác một cách tùy tiện.

Sừng tê giác hiện nay bị đồn thổi như thần dược. Đặc biệt là cho những bệnh nhân ung thư. Nhiều người tin rằng uống sừng tê giác sẽ phòng được bệnh cũng như điều trị. Bác sĩ là trưởng khoa Ung bướu, Bệnh viện quận Thủ Đức, TP.HCM cho biết ông gặp nhiều người bệnh nặng lên vì tin sừng tê giác như thần dược. Đặc biệt, có trường hợp bệnh nhân là đại gia mười năm nay khỏe mạnh và không đi khám sức khỏe vì nghĩ rằng mình đã có sừng tê giác để bồi bổ sức khỏe. Kết quả, khi đi khám thì phát hiện ra ung thư gan, bệnh đã ở giai đoạn muộn.

Cho tới nay, tác dụng chữa bệnh của sừng tê giác vẫn dựa theo lời đồn đại, truyền miệng chứ chưa có công trình khoa học nào xác định tính hiệu quả của tác dụng này. Và nếu chưa chứng minh được bằng nghiên cứu khoa học đúng quy cách thì các tác dụng đó có khi chỉ là thêu dệt, chỉ là huyền thoại. Nếu chỉ dựa vào huyền thoại mà con người tìm cách tận diệt một loài thú hoang dã quý hiếm, và việc mua bán lậu sừng của chúng thật ra vì lòng tham lợi nhuận khổng lồ, thì phải xem các hành động đó là vi phạm pháp luật. ■

Ảnh minh họa. *Nguồn: dtphorum.com*

Đung đưa võng buồn

MẪU ĐƠN

Thiếu võng là cái chân nó cũng buồn. Không biết từ bao giờ nó đã thành thói quen. Cái chân buồn tênh, cái tay buồn tênh, mái tóc buồn tênh. Cái võng thiệt hay. Mỗi lần nhớ ai, nó lại móc mình lên võng đung đưa. Cái đung đưa thiệt nhiệt tình nhiệt tâm. Nhớ một ai đó như một lần uống rượu, mà chưa biết uống, cứ uống dần để nghe hơi phì ra mũi, nghe hơi thở của mình phà vào không gian ngay gần mình. Rồi yêu thương rồi đam mê tất cả sẽ qua… đúng không.

Những buồn phiền cùng nhau, những khổ sở cùng nhau. Nằm võng buông tay phất phơ; nằm võng cho thân lắt lay. Hay nằm võng yêu thương, ôi ký ức yêu thương thật khiến con người ta đau lòng đến tột độ. Mái tóc này dài tới đâu; đủ để sà xuống nền nhà này? Rồi môi mắt này buồn tới đâu, đủ để nhìn lên trần nhà này? Chúng ta đã có gì cho nhau, đã đi qua thời gian gì cho nhau.

Chỉ đung đưa võng buồn thấy như vô công rồi nghề mà cũng hiền lành đáng thương. Ai đã cùng ta ngồi trên chiếc võng này, ký ức nào cùng ta giằng xé hai đầu võng. Nằm võng có sợ nặng quá mà rớt xuống đất cái bịch không. Ai đâu mà đoán trước được phận mình như đang nằm võng. Lỡ nó đang đung đưa rồi nó ngừng thì sao. Lỡ còn cái chân đẩy vào vách tường đung đưa mạnh quá rồi dính vào tường ê cái mông thì sao. Trời ơi cái gì yêu thương đời nhau mà không bất ngờ hả trời.

Khi nằm võng thấy trời gần hay trời xa. Trời lên cao khi đưa võng qua bên này, trời xuống thấp khi đưa võng qua bên kia. Cao cao thấp thấp rồi cũng chẳng để làm gì. Cũng chẳng thấy trăng tròn hơn hay khuyết hơn. Bởi định hình trong đầu mình, trăng là như thế thì mỗi lần nhìn có khuyết hay tròn thì cũng vậy thôi.

Mỗi lần mệt mệt móc mình lên võng, ai hỏi gì quay ngược cái đầu lại, mất luôn phần chân, còn nếu nằm say mê tụt cái đầu lún sâu vào trong thân võng thì chỉ thấy mỗi bàn chân. Như trò chơi ảo thuật. Trẻ con thích trò chơi này cũng hẳn vì thích bay cao bay xa, thích phiêu lưu nhiều vòng cùng với võng.

Có đứa nằm im vô sâu trong võng rồi nhờ đứa khác đẩy lên. Có người ru con trong võng, nằm đổi nhau. Hai người nằm cùng một võng. Cũng đầy buồn. Đầy gần gũi. Khi lớn, cái chân và cái thân nó dài ra thì không thể nằm đối nhau được, mà nằm bên cạnh nhau thì vướng víu nếu thân hình quá to bự, đứt võng như chơi.

Thì ra muốn nằm võng cho đúng tâm thế cũng hoàn toàn cô độc. Một mình một chân, đung đưa. Có ai mà để hai chân xuống võng mà đưa đâu. Cái đơn lẻ có khi cũng từ chỗ đó. Cái vụ nằm võng này cho ta có những thế nằm hết sức đơn độc, mỏi tay thì giơ hai tay tựa lên đầu, nằm như buồn phiền, như mệt nhoài như buông xuôi; còn mỏi chân thì giãn chân ra, một thế nằm thoải mái nhưng xấu vô cùng. Vậy mà ai cũng thích đung đưa. Ai cũng thích nằm võng. Nhất là những khi đi làm về mệt nhọc. Là lúc họ quay về với cái bản thể của mình chăng. Tập nằm riêng và đung đưa một mình.

Chân biết đi xa thì chân cũng biết chùng chình một chỗ. Chân nằm tại nhà. Đi góc bể chân trời rồi cũng phải dừng lại thôi. Đó là những ngày đầu tiên cô ở nhà sau nhiều năm *bôn ba* kiếm sống. Cô thích dùng chữ *bôn ba,* cho ra chất kiếm hiệp.

Cô mới ngoài ba mươi và chưa chồng. Hết thảy không thấy được những biến cố nào khác. Cô thích hút thuốc. Nhưng có Lam thì thôi. Nhìn vẻ mặt non nớt mới bắt đầu tập nhăn nhó của nó, cô bực mình và cốc đầu, rồi cũng phải lớn lên đi chứ, Lam. Phải làm gì mới vừa ý cô. Cô hứ một cái và bắt Lam leo lên võng. Cô đẩy võng vèo vèo làm Lam muốn bay xuống đất. Đó là cái thú phiêu lưu mạo hiểm đầu tiên mà một đứa con gái dám làm.

Lam lớn lên khi cô đã bắt đầu *bôn tẩu,* từ năm cô học đại học, đi mãi cho đến khi chia tay một mối tình nào đó cô cho là kết thúc rồi về. Lúc này Lam đã biết đọc chữ. Lam có hiểu gì lắm những điều cô nói đâu. Nhưng Lam là niềm vui bất tận của cô. Mỗi lần Lam đi học về, cô bế Lam lên võng bay vèo vèo. Khi thì ngồi phía trước xe gắn máy chạy vèo vèo. Lam sợ hết hồn nhưng không dám kể với ai. Mà lâu dần cũng thích. Không có cô, Lam tự mò lên võng, nhưng chân với chưa tới, đung đưa nhích qua nhích lại và cũng không cảm thấy cái vui của nằm võng. Nằm võng một mình và bay cao lên. Lúc đó Lam cười tít mắt. Quên mất rằng cô cũng đang nằm thật mãn nguyện.

Cô hay bỏ đi mỗi lần bị nhắc chuyện chồng con, buồn đời bao năm *bôn tẩu*. Lam ngơ ngác mỗi khi chạy ra chậm, cô đã leo lên xe và đi tới đâu rồi. Có khi đi cả tháng không về. Có lúc từ xa nhìn vô nhà thấy cái võng đang bay vèo vèo là Lam nức lòng chạy ùa vào nhà. Cô ơi. Lam leo ngay lên võng, vùi mình vào con người đầy đam mê tự do kia mà hít lấy hít để, thơm quá thơm quá. Cô bật cười, thơm cái gì con kia. Lam nhèo nhẹo hít hà, thơm mùi cô. Chỉ nói được như thế. Chỉ mơ ước lớn lên được như thế. Chứ không diễn tả được thành lời.

Lam hay đọc trước những dòng viết của cô. Một dòng viết sẵn, để đến tối cô của Lam sẽ giảng giải và nói theo ý riêng của mình. Mỗi lần như vậy, Lam đều làm như mình chưa đọc bao giờ, để cô thấy Lam hoàn toàn bất ngờ. Mà sao cô cứ chọn những hình ảnh gì buồn mà viết thế. Hay là cô chọn những gì mà cô thích, những gì mà cô thấy hợp với lòng. Lam yêu thích những câu chuyện kể hay mơ ước những chân trời. Lam thấy mình có lúc nằm im. Lam cũng thấy cô nằm im.

Trạng thái nằm im sẽ khiến con người ta rơi vào bi kịch. Có những phận đời bọt bèo trôi trôi. Cô cứ nói, cứ nói.

Lam ở thành phố, chưa thấy lần nào. Cô cứ muốn Lam hiểu thế nào là bọt bèo. Và cuối cùng, cô bắt Lam leo xuống võng. Đứng ngoài, nhìn võng lắc lắc lung lay do bàn tay của cô. Thế mới là bọt bèo nổi trôi ấy. Không có ai dừng mình lại, cũng không biết sẽ tiếp theo thế nào. Tay lắc lắc cái võng, Lam hiểu chưa?

- Nếu con lại leo lên võng thì sao.

Cô không nói gì, bỏ Lam leo một mình lên võng. Cô ra ngoài thềm đốt thuốc. Hình như đấy gọi là dấn thân. Cứ tiến đến ngày mai, dù nó như thế nào. Nhiều lúc cô đang đu võng, Lam chạy vô chắn ngang. Mất hứng phiêu bạt. Võng dừng lại tréo ngoe, đưa tiếp cũng không được mà dừng cũng không xong. Cô nhìn đứa cháu ngốc nghếch của mình và nhìn thật kỹ, nhưng cũng chẳng nói gì. Lam có đôi mắt giống mình. Đôi môi hơi cong kiêu kì. Mái tóc đáp lưa thưa vài cọng.

Hồi mới về cô của Lam còn để tóc ngang vai; nằm võng, tóc lòa xòa buông xuống nền nhà. Cô hay bị rầy la về chuyện đó. Thấy ghê ghê làm sao. Đó như hình ảnh một người muốn bỏ lại cuộc đời mà rong ruổi theo những chân trời lạ. Mắt cô dán lên trần nhà. Mà đôi mắt sao mà buồn. Có cái gì đó khắc khoải và long lanh.

Cô bị gãy chân. Lam khóc rấm rức suốt đường lên bệnh viện thăm cô. Cô nằm im trên giường bệnh, lần này chắc chắn là nằm vì đau chứ không phải nằm vì buồn. Bao giờ cô mới được nằm võng trở lại. Cô nói, vài tháng nữa tháo bột mới nằm. Chắc do cô chạy xe nhanh quá nên bị người ta tông; hay cô lại tông người ta rồi. Cô cười cười, Lam nay cũng biết biết rồi, không còn ngốc như ngày xưa. Lam leo lên giường bệnh nằm với cô. Vòng tay ôm eo. Hít hít xem còn mùi thơm không. Ôi, toàn là mùi bệnh viện. Cô xoa đầu Lam, mai mốt tháo bột cô chở đi chơi.

Hôm sau có người vào thăm cô. Một người đàn ông bụi bặm. Hai người nói chuyện gì đó, rồi người đó quyết định ở lại chăm cô luôn. Mọi người trong nhà cử Lam ở lại *theo dõi* xem đó có phải là người đàn ông bí mật của cô hay không.

Lúc về *báo cáo kết quả*, Lam chỉ kết luận được một chuyện, ra vẻ rất tâm đắc. Bạn của cô cũng rất thích nằm võng. Chú đó mua hẳn một cái võng xếp nằm ngoài hành lang trong khi chờ cô. Cả nhà không ai hiểu Lam nói gì. Võng gì ở đây chứ. Đúng là trẻ con. Đi theo cũng không được việc gì.

Đâu ai biết rằng chỉ có Lam hiểu, cô đam mê nằm võng thế nào. Mà người đó cũng mê nằm võng, cái dáng nằm cũng y như cô. Mà lạ hơn, gác tay lên trán, tay còn lại hút thuốc, mắt cũng nằm trên trần nhà, một chân đung đưa. Phải vậy chớ, đúng không.

Lam phấn khởi leo lên nói thầm vô tai cô, Lam nói đúng không, cô thích chú đó đúng không; rồi chú đó cũng thích lại cô đúng không. Cô bật cười. Ô cái chân đau, cái chân gãy, không còn nằm võng được, mà có người tới thăm còn vác theo võng xếp đong đưa trước mặt, có đứa cháu ghiền mê võng, háo hức chờ cô hết bệnh để nằm với cô. Thế là đời, còn hạnh phúc gì hơn. Cô còn một chân, co lên, nhún nhún lắc lư lắc lư trên giường.

- Con thích nằm võng không, Lam?

- Con thích nằm võng lắm. Nhưng mà chỉ với cô thôi. ■

Nguồn: nongthonviet.com.vn

Chợ quê đôi điều cảm nhận

PHỤNG TÚ TRẦN XUÂN THỤY

Một trong những kỷ niệm quê hương luôn ẩn tàng trong tâm thức, khi âm thầm trôi xuôi theo nhịp ngày và đêm, khi trào dậy mãnh liệt như dông mùa hè, ấy là chợ quê.

Chợ quê, có thể lèo tèo vài mái lều tranh quanh một gốc cây me cây đa ở đầu làng, hay vài dãy lều trên khoảng đất trống ven theo trục lộ chính của một vùng quê còn nghèo vì chưa khai thác hết tiềm năng của đất. Hoặc bề thế hơn là căn nhà dài lợp ngói, nền tráng xi-măng, bốn bề để trống không với những cột trụ xây bằng gạch rộng năm sáu chục xăng-ti-mét nằm giữa những sạp lều dựng san sát nhau.

Thường thì chợ quê hoạt động vào buổi sáng. Người ta đem đến chợ bán những sản phẩm tươi theo thời vụ, mua về những nhu yếu phẩm cần thiết không tự sản xuất được. Người ta đến chợ không những chỉ để mua bán trao đổi hàng hóa mà còn để hỏi han, nắm bắt những thông tin trong làng xã. Hầu như không một nơi, một thời điểm nào phản ảnh đa dạng tính cách của con người bằng buổi chợ đang đông.

Đây. Vừa nghe lời mời chào ngọt như mía lùi của chị hàng xén đã rùng mình bởi tiếng nói xắn mẻ của chị hàng cá. Khuôn mặt bự phấn ăn vận chải chuốt của mẹ hàng vải khác với vẻ nhếch nhác của chị hàng rau. Nét phúc hậu và lời nói nhỏ nhẻ của bà lão hàng trầu đối lập hẳn với vẻ trẻ trung nhưng đanh đá của cô hàng thịt.

Người mua cũng lắm vẻ. Người thì đảo chợ rất lâu để chỉ dám mua những thứ tầm tầm vừa với túi tiền còn cố cò kè để được mua rẻ; kẻ thì chọn mua những món ngon không cần trả giá.

Chợ còn cho ta cảm nhận biết bao điều qua tục ngữ, ca dao.

- Hàm ý chê trách những người không biết sống ôn hòa, biết lẽ phải trái:

"Đanh đá như mụ hàng cá".

- Không thành thật:
"Láu cá như anh hàng thịt".

- Phải biết nhẫn nhịn khi đang trả giá một món hàng mà bị người khác sẵn tiền mua hớt:
"Nhất tu tại gia, nhì thời tu chợ, thứ ba mới tu chùa".

- Khi miệt thị một ai, người ta nói:
"Thứ ở (lếch) chợ".

- Chọn nơi ở để làm kế sinh nhai:
"Nhất cận thị, nhì cận giang".

- Qua cách mua, giá trị món hàng cho biết khái quát tính nết, gia cảnh kinh tế của người phụ nữ:
"Gái thương chồng đương đông buổi chợ.
Chợ đang đông biết lòng con trẻ".

- Tìm hiểu bạn trăm năm các cụ khuyên các chàng trai:
"Trai khôn chọn vợ chợ đông.
Một đồng bánh ba đồng cau hãy mau rước về,
Một đồng cau ba đồng bánh hãy tránh mà đi".

Làm sao tránh được khi 30 chợ chật?

Chợ quê vào những ngày cận Tết Nguyên đán rất đông. Người ta ép sát nhau mà đi, đôi khi gáy người trước chạm mặt người sau. Một năm làm ăn lam lũ tằn tiện nên có đói cũng ngày Tết, có hết cũng ngày mùa. Người ta mua sắm thoải mái hơn. Món hàng phải mới, tốt và ngon.

Nhưng đặc biệt chợ đông nhất vào sáng ngày 30 Tết. Hầu như gia đình nào cũng có ít nhất một hai người đi chợ. Người ta mua sắm thêm những vật dụng còn thiếu cho ba ngày Tết hoặc đơn giản là chỉ góp mặt vào sự đông vui. Giá các loại hàng hóa sáng 30 là: nhất mắc, nhì rẻ.

Cũng cần nói đến hai món hàng mà dù không hữu dụng cho bản thân, mỗi gia đình đều phải mua sắm với tất cả lòng thành: trầu cau và giấy vàng mã (tục gọi là bộ đồ cúng bà, cậu).

Biết bao giấy mực đã tốn cho việc bài xích tục đốt giấy vàng mã. Như những phẩm vật dâng cúng, người ta đốt giấy vàng mã với lòng tin: tâm thành thì thần chứng. Sống sao thác vậy, thế gian bất nhất, khép bàn tay lại còn nhìn được qua kẽ ngón tay. Ngoài trừ những giấy tiền vàng, quần áo vải giấy, giờ đây còn có thêm ô-tô, xe máy giấy, đồng đô-la, bảng, mác địa phủ. Nếu một ngày nào dịch vụ lên chị Hằng phát triển mạnh, chắc sẽ có thêm phi thuyền địa phủ (?!).

Với người dân quê, miếng trầu là đầu câu chuyện. Trong cúng kính tưởng vọng gia tiên, đĩa trầu cau không thể thiếu trên bàn thờ. Có thể rồi đến một ngày nông thôn sẽ đô thị hóa toàn diện, những thế hệ phụ nữ nối tiếp nhau sẽ không còn ăn trầu. Nhưng trầu cau vẫn tồn tại, bởi trầu cau đã là một nét văn hóa truyền thống của dân tộc. Cầu chúc người giữ gìn bản sắc văn hóa để lưu truyền, những cụ bán trầu sống lâu trăm tuổi…

Nguồn: tranhphongcanh.com.vn

Rồi chợ tan hẳn. Một bức tranh toàn cảnh đủ sức làm lay động những tâm hồn chai sạn. Chợ chỉ còn lại rác rưởi, những sạp lều trống hoác và những kiếp người vất vưởng bên lề cuộc đời trong cảnh vắng lặng. Những kẻ tha phương cầu thực đến chợ sống nhờ lòng tốt của đồng loại đang ngả lưng trốn nắng hay ngồi bắt chí cho nhau trong những sạp lều.

Họ nghĩ gì? Hy vọng gì? Ngày qua đi, và đêm cũng sẽ qua đi. Ngày mai chợ lại đông người. Họ chỉ sợ những ngày giông bão. Có, không một miếng lót lòng? Tìm đâu một chỗ nằm khuất gió?…

Trong ký ức tuổi thơ của mình, mấy ai chưa một lần đến chợ. Hạnh phúc khi được ba mẹ dắt tay vào chợ mua sắm quần áo, quà bánh vào dịp lễ Tết. Côi cút thì cũng đến để không được no lòng cũng no con mắt.

Kinh tế phát triển, mức sống của người dân tăng lên, nông thôn ngày một đô thị hóa, chợ quê cũng được nâng cấp để đáp ứng mức cung cầu của người dân nông thôn ngày nay. Từ mươi mặt hàng đơn sơ, vài dãy lều tạm bợ nâng lên thành khu chợ đa dạng hàng hóa phục vụ cho vài ngàn dân, vấn đề vệ sinh môi trường trở nên cấp bách. Rác chợ đã và đang ảnh hưởng đến cảnh quan và không khí trong lành chốn đồng quê. Cần phải có tầm nhìn chiến lược không phải một năm, mười năm, mà trăm năm sau.

Và bởi lẽ hai mặt đối lập của cuộc đời luôn song hành nên cảnh chợ đông và chợ tan nơi thôn dã luôn để lại trong ta những nỗi niềm. ■

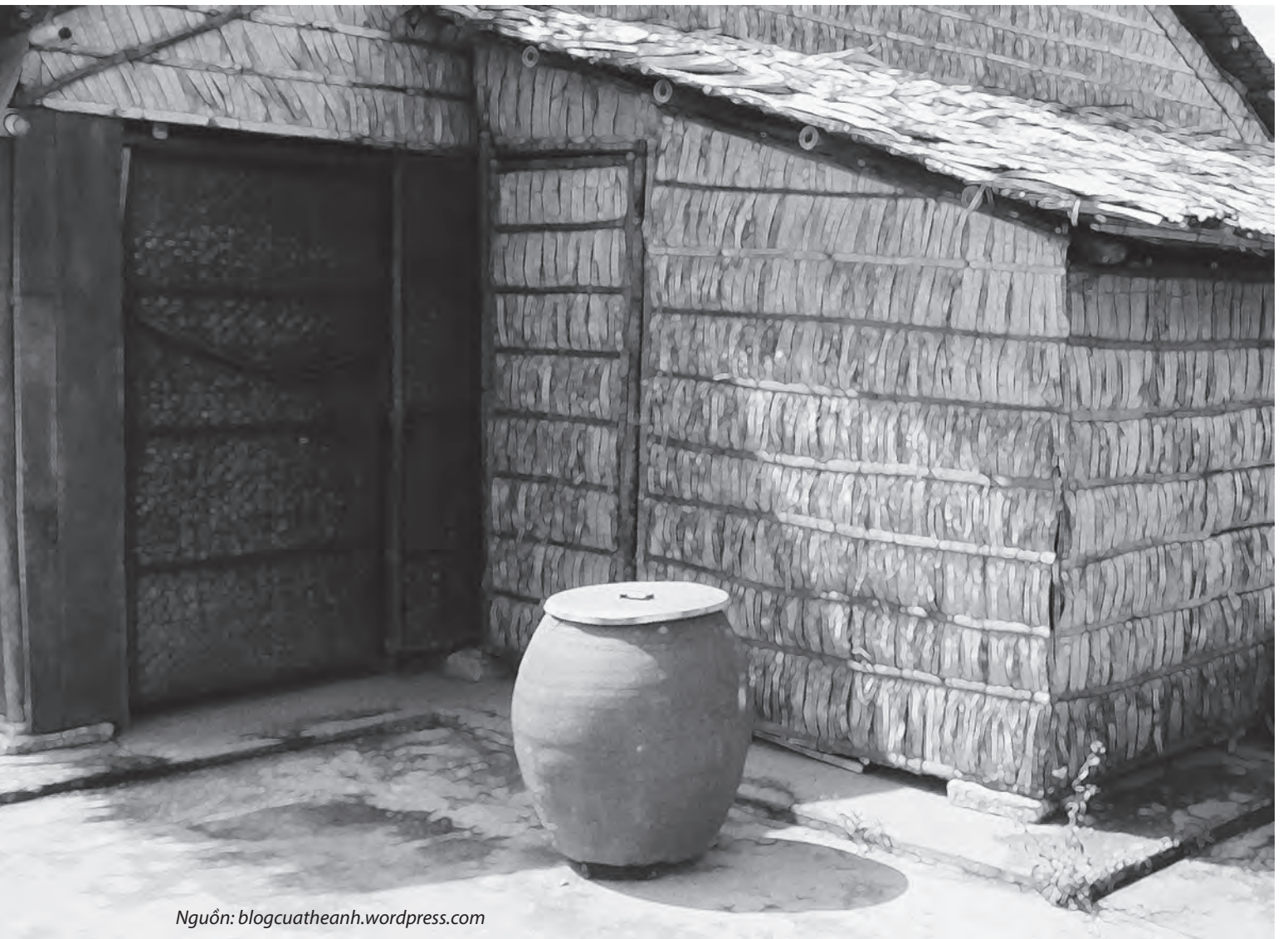

Nguồn: blogcuatheanh.wordpress.com

Một thuở chum đất muối dưa...

TRẦN VĂN THIÊN

Tôi hay nhớ về căn nhà của ngoại, như cách tôi nhớ về một kho tàng lưu giữ thơ ấu.

Trên chiếc tủ gỗ ở nhà trên, cây đèn dầu từ thời ông cố để lại bao năm vẫn ở đó, vẫn vậy, cũ đến không thể cũ hơn nhưng đốm sáng to cỡ hạt đậu phụng vẫn cứ bền bỉ vẽ một quầng sáng như là của riêng nó dễ chừng cũng đã trăm năm. Bên lối đi vào gian nhà giữa, chiếc chõng tre ru hời tuổi thơ tôi, vẫn lặng lẽ xoãi chân chờ đợi những tấm lưng mỏi mệt ghé vào. Có những chiều mùa đông se sắt, tôi ngồi nhớ cái nồi đất cũ kỹ bị sứt một quai cầm, được ngoại cời than để dưới gầm giường sưởi ấm. Cả chiếc thau đồng có tuổi đời còn hơn cả tuổi tôi, mà ngoại hay dùng để pha nước bồ kết gội đầu…

Nhưng mọi thứ trong kho tàng neo giữ thơ ấu ấy, cái chum đất màu tro đặt ở chái nhà sau của ngoại có một vị trí khắc sâu không thể thay thế.

* * *

Cái chum đất chỉ trọn một vòng ôm của tôi thuở đó, được ngoại dùng để muối dưa môn. Cái chum không biết có tự bao giờ, vẫn âm thầm đứng khiêm tốn ở một góc nhà, chứng kiến bao đổi dời của dòng đời trôi chảy.

Tôi nhớ những ngày mưa phủ kín trời, mâm cơm đạm bạc bao giờ cũng có món dưa môn muối chua của ngoại. Một khe nước nhỏ luồn lách chảy ngang qua vườn, dọc hai bên là những bụi môn bạc hà mọc lúp xúp, ngoại cắt tàu này lại có tàu khác nảy lên. Cứ thế, vào mùa mưa gió không đi chợ được, ngoại lại muối dưa môn trong chum để thêm vào bữa cơm hằng ngày.

Những tàu khoai môn được ngoại cắt nhỏ thành từng khúc, rồi chẻ đôi, rửa sạch với nước giếng. Sau đó ngoại trải đều lên cái rổ nan tre, phơi hai, ba bận nắng trên mái nhà để chúng héo đi, rồi lại đem xuống rửa cho sạch hết bụi. Tàu môn phải được phơi vừa đủ khô, ráo hết nước, để dưa muối xong không bị rữa, sẽ chẳng ăn được. Hồi đó tôi hay ngồi trên tấm phản gỗ, chăm chú xem ngoại bóp những cọng dưa môn qua mấy lượt nước muối, đôi bàn tay lấm tấm vết đồi mồi bóp, thả khéo léo và thành thục.

Ngoại bảo làm vậy để dưa môn được dai hơn, mà phải bóp cẩn thận để chúng không bị nhũn nát, khi ăn sẽ mất độ giòn. Manh áo nâu sồng in những vệt mồ hôi trên tấm lưng còng lam lũ của ngoại. Tôi nhận ra để làm được những cọng dưa môn chua vừa đủ, giòn và dai đúng độ, đâu phải dễ dàng chi.

Ngoại thủ thỉ với tôi rằng muốn dưa ngon phải muối trong chum đất, như thể dưới cái chum tối om ấy có phép màu. Ngoại sắp những cọng môn thành từng lớp, rồi đổ nước muối pha loãng để nguội vào chum. Nước muối ngập đến lớp trên cùng, ngoại thêm một ít nước vo gạo cho dưa môn mau chua. Rồi đặt lên trên một tấm phên tre mỏng, dùng hòn đá cuội sạch đè xuống để ủ kín dưa môn. Sau cùng ngoại đậy nắp chum lại, chỉ vài ngày cọng dưa sẽ đổi thành màu vàng sẫm xanh, chua và thơm thì ăn được. Từng cọng sần sật chạm vào đầu lưỡi vị chua đằm, mặn mà tươi mát, hương vị của tuổi thơ mãi còn vấn vương…

* * *

Tôi xa quê. Có những chiều mưa, tôi thèm đến quay quắt cọng dưa môn giòn dai của ngoại. Lòng lại nhớ cái chum đất lành hiền, như đựng cả bầu trời yên bình của miền thơ ấu. Cái chum đất lấm bụi, được đặt sau chái bếp, phảng phất mùi chua chua của dưa môn hòa với mùi khói rơm se nồng. Cái chum đất như người quê dung dị, lặng thầm nắng mưa đi qua bao biến động cuộc đời.

Những ngày chật vật áo cơm, món dưa môn đạm bạc được ngoại khéo léo vun vén, chế biến thành nhiều món ăn. Cả nhà quây quần bên mâm cơm nghi ngút khói, nào dưa môn xào tỏi, dưa môn trộn đậu phụng rau thơm, dưa môn kho chung với cá đồng. Nồi cơm thơm mùi gạo lúa mới cũng từ đó mà được vét cạn. Món nào cũng in đậm trong nỗi nhớ, cùng dáng đứng liêu xiêu của ngoại trước gian bếp vương vãi rơm khô và tro tàn.

Sau này lớn lên rồi tôi mới biết, cái chum đất đâu đơn thuần là vật vô tri vô giác, mà tự lúc nào đã thành người bạn bình dị của ấu thơ, là nhân vật của những cuốn phim ghép lại thành ký ức dịu hiền. Ngoại giờ đã già, không còn sức ngồi bóp dưa môn, cái chum đất được giao lại cho mẹ tôi, cùng với cách làm món dưa môn muối chua của ngoại. Mỗi lần về quê, mẹ lại tảo tần làm món ấy cho tôi ăn trong bữa cơm hằng ngày.

Vị dưa muối của mẹ tuy có khác với dưa ngoại làm, nhưng tôi biết dù là của ai, thì món ăn mộc mạc đó cũng gói ghém tình yêu thương đong đầy. Cái chum đất cần mẫn chắt chiu tấm lòng của ngoại, rồi đến thời của mẹ, đều đặn cho ra những cọng dưa môn thơm thảo. Bao năm rồi nó vẫn ở nơi ấy, không dịch chuyển đi đâu, chỉ có rong rêu in đậm dấu thời gian phai mờ…

* * *

Xa quê một khoảng cách đủ xa để không phải hễ nhớ là có thể xách gói về. Xa người thân một khoảng thời gian đủ nhiều để biết họ quan trọng như thế nào trong cuộc sống của mình. Cộng tất cả là giờ thì tôi biết, nỗi khắc khoải trong tôi không hẳn là những cọng dưa, không hẳn chỉ là cái chum đất… mà là tổng hòa cảm giác thân thuộc giữa quê nhà!

Tình yêu quê hương, xứ sở bắt đầu từ những mạch nguồn giản dị như thế, bạn có nhận ra? ■

Nguồn: sactoan.net

Nguồn: nguoiviet.com

Mưa miền đất mặn

NGUYỄN CHÍ NGOAN

Buổi chiều đi qua đồng cỏ cháy, ngẫm lại những xơ xác đời mình, bàn chân trần băng qua vạt đồng khô khốc với ngọn khói đốt đồng giăng đầy mái lá. Những người già quanh tôi luôn bước ra nhìn lên trời đong đếm từng mùa nắng hạn. Tôi lấy tay chấm mồ hôi trên trán như gặp lại cả một miền đất mặn xa xôi.

Sau đúng ba lần kêu thợ về khoan cây nước, cậu Ba tôi cũng bỏ cuộc với hành trình tìm nước ngọt. Hồi mới dọn ra ở riêng, cậu Ba kêu người về khoan cây nước. Dân Nước Mặn kêu trời, biểu cậu Ba đào tìm vàng coi bộ còn dễ hơn; cậu chẳng thèm để ý đến mớ lời của người dân Nước Mặn, cương quyết kêu thợ về khoan cây nước.

Đám thợ khoan nhìn bà con Nước Mặn cười hiền khô *"Tụi tui làm mướn, ai kêu khoan thì tui khoan"*.

Cậu Ba cứ nhấp nhổm chờ dòng nước mát lành từ lòng đất; từng cái ống được cắm vào đất như người ta ghim vào lòng cậu niềm hy vọng. Ông thợ khoan sau một hồi đúc ống cũng lắc đầu nhìn cậu Ba *"Nước mặn lắm, không xài được đâu"*.

Lần thứ hai, đám thợ bớt tiền cho cậu phân nửa, khi thấy mắt cậu buồn hiu nhìn mớ đất đá ngổn ngang. Thứ nước phun lên vẫn mặn đắng như nước mắt của mợ Ba khi cản ông chồng cứng đầu. Đôi bông tai của hồi môn của mợ cũng nằm lại ở cái tiệm vàng ngoài ngã tư. Lần thứ ba, cậu nói chắc như đinh đóng cột "chỗ này tui thấy được lắm" và cậu chỉ thật sự từ bỏ khi dòng nước mặn đục ngầu vẫn dửng dưng chảy ra, thấm vào đầu lưỡi của cậu. Hình ảnh cây bơm nước chảy ra những dòng nước trắng xóa, mát lành cũng tan đi sau những lần miệt mài hy vọng.

Để trữ nước ngọt dùng cho mùa hạn, người dân Nước Mặn thường tận dụng tất cả những thứ gì có thể đựng được nước. Ngày ba má tôi dọn ra ở riêng, ông bà nội cũng cho ba má tôi một cặp lu với miếng đất sau nhà. Những chiếc lu tròn bóng nhẵn cứ dọc ngang dưới nhánh sông quê, mang đến giao cho từng mái nhà, thôn xóm.

Người dân Nước Mặn đã quá quen với ông Sáu làm lu, cái nghề cực như dòi nhưng cả nhà cứ truyền hết đời này đến đời khác, ông Sáu cười hề hề *"Không nỡ bỏ, cực mấy cũng làm"*.

Tôi từng theo ghe ông Sáu đi giao lu cho người dân Nước Mặn, chiếc ghe khẳm lừ, rẽ vào kênh rạch chằng chịt. Có nhà nằm tuốt trên đầu hậu, ghe không thể chở lu lên được, cả xóm cùng nhau phụ dong lu về nhà. Chiếc lu được thả nổi trên mặt nước, người đứng trên bờ cầm dây kéo, người đứng dưới nước vịn không để lu chìm xuống nước. Khi đến gần bờ, người ta lại lót

miếng ván rồi cùng nhau lăn lu lên. Tôi đứng trên bờ nhìn nụ cười của chủ nhà, nghe tiếng thở phào nhẹ nhõm của ông Sáu, những tràng vỗ tay của mấy đứa trẻ khi chiếc lu nằm yên trước nhà. Nó lại sống một cuộc đời thầm lặng mà vinh quang.

Hàng lu nằm thẳng tắp quanh nhà, đợi hứng những giọt nước mưa từ mái lá. Mọi thứ như cong lại chờ mưa về. Đám trẻ Nước Mặn cũng mỏi mòn, teo tóp với những ngày thiếu nước, những người đàn ông xóm tôi chỉ xối đúng một ca nước nhỏ sau khi kỳ cọ dưới dòng nước mặn đắng.

Cây cỏ quanh nhà dường như cũng hiền từ hơn. Có năm, mưa đến muộn, người dân Nước Mặn phải gồng mình chống chọi, tận dụng nước vo gạo để rửa chén, rồi tưới cây. Tấm áo trắng đến trường của tôi cũng ngả phèn vàng ố, sau ba bốn đợt giặt nước dưới ao. Người ngợm cũng nổi mốc, ghẻ lở đầy người. Đám trẻ trong xóm đầu tóc bù xù, ngồi bắt chấy cho nhau trước hiên nhà nắng gắt. Những người phụ nữ lại ngồi thở hắt chờ mưa…

Chiếc ghe chở nước ngọt lại làm xôn xao cả một góc sông. Mùa hạn, ghe chở nước có khi vào ra mấy cữ mà vẫn không đủ nước cung cấp cho bà con. Tiếng động cơ bơm nước vào lu, tiếng người dân đứng trên bờ í ới gọi nhau đổi nước, tiếng người lớn trong nhà dặn đám trẻ "xài nước tiết kiệm" cứ âm vọng từ bờ này sang bờ kia. Ông chủ ghe nước cẩn thận cuốn ống nước xuống ghe, ông cố không để giọt nước nào rơi ra khỏi cái ống dài ngoằn ngoèo. Ông vẫn nở nụ cười với những người phụ nữ cò kè giá cả, thấy vậy chứ không lời lóm bao nhiêu đâu.

Người dân Nước Mặn vẫn đứng trên bờ trông theo chiếc ghe mà chặc lưỡi thèm thuồng "phải có tiền đổi thêm một lu nước nữa". Đám trẻ con quanh quẩn bên lu nước, người lớn lại đậy nắp lu giữ kỹ như báu vật. Tôi nhớ, có lần má ngồi thẫn thờ bên hiên nhìn cái lu nước có con chuột chết nổi lềnh bềnh bên trong. Vớt con chuột ra khỏi lu, má lại rón rén đậy nắp lu lại, căn dặn cả nhà không được uống, má đành dùng nó để tưới cây, giặt giũ. Kể từ đó đến sau, má đậy kín cái lu bằng bất cứ vật gì có thể che chắn được.

Tôi thường thả cá lia thia vào lu để diệt lăng quăng, làm sạch nước. Má vẫn thường lắc đầu mỗi khi thấy mấy con cá lia thia chơi vơi dưới đáy lu, cái thau múc nước cũng hiền từ đến lạ. Và những chiếc ghe chở nước lại tản đi mang theo bao niềm khao khát của dân vùng đất mặn.

Đất mặn dạy con người ta cách thích nghi, cách người ta bám trụ lại với quê hương xứ sở. Thế hệ đi trước lại truyền cho thế hệ sau bài học về cây trồng, về giống má, về cách thau chua rửa mặn. Cánh đàn ông Nước Mặn luôn nhắc nhau khi nào cày đất, nếm nước dưới sông để đồng loạt bơm nước vào đồng. Khi bơm nước ngọt vào đồng, người dân Nước Mặn lại cày đảo sục bùn lên, sau đó để bùn lắng xuống rồi lại tháo nước ra hết rồi lại đưa nước ngọt vào. Mọi thứ được lặp đi lặp lại nhiều lần, để khi gieo hạt lúa vào đất, nó lại bén rễ mà đâm chồi đứng dậy.

Dường như cây lúa ở vùng đất này cũng rắn rỏi hơn, những thân lúa mỏng manh luôn biết tựa vào nhau không bao giờ ngã đổ như đám trẻ còi cọc ở Nước Mặn vẫn âm thầm lớn lên. Đi qua vạt đồng xanh ngăn ngắt, mới hay đất mặn đâu đã phụ người.

Cơn mưa về ngang qua miền đất mặn, lũ trẻ tưng bừng đón những giọt mưa đầu tiên sau mùa hạn kéo dài, chúng mặc kệ câu nói của người lớn tuổi trong nhà "mưa đầu mùa dễ bệnh" nhưng cả người lớn cũng không thể cưỡng lại được thứ nước mát lành khỏa lên da thịt. Tôi ào vào mưa, đưa tay hứng những giọt nước long lanh như miền đất mặn khao khát chờ mưa. Hàng lu lại oằn mình hứng nước dự trữ cho mùa sau, mưa lại xối hàng lá mục trên mái hiên nhà. Đám trẻ lại ùa nhau đi bắt cá lên theo dọc bờ ruộng, mấy con cá ốm tong teo sau mùa hạn cũng rộn ràng khi gặp mưa.

Người già trong xóm nở nụ cười tươi rói khi nhìn mưa về, những người phụ nữ lại lôi hết quần áo, mùng mền ra sân giặt giũ. Mùi ẩm mốc của vải vóc chỉ thật sự tan đi khi thấm vào nước. Đồng cỏ cháy được tưới mát bằng cơn mưa đầu mùa, mấy cái cành cây bắt đầu nhú lên những chồi non mới. Cánh đàn ông Nước Mặn lại xôn xao những vụ mùa no hạt, đất mặn lại hồi sinh chở che biết bao nhiêu phận người nhỏ bé. Từ lúc lọt lòng, lũ trẻ ở Nước Mặn đã học được cách sống ngọt ngào, mặc kệ đất mặn khô cằn.

Và hình như dù mùi mặn có thấm vào từng chân răng kẽ tóc, chúng tôi vẫn sống chan hòa với đất với người, như chính miền đất mặn vẫn thầm lặng nuôi lớn những khát khao… ■

Nguồn: thanhnien.vn

Phù Cát quê tôi

PHẠM ÁNH

Phù Cát quê tôi mưa nắng vơi đầy
Lối nhỏ đi về nối dài nỗi nhớ
Hạt cát long lanh nặng tình xứ sở
Lặng lẽ bên lòng tiếng mẹ đưa nôi.

Năm tháng ân tình đã thấm hồn tôi
Một trái dừa non dịu cơn nắng gắt
Hạt muối Đề Gi mặn nồng chân thật
Sóng vỗ rì rầm vọng gió Hội Sơn.

Sông nhỏ La Tinh cuối biển non nguồn
Cát nhuộm thời gian đã thành màu lá
Soi bóng bờ tre nắng vàng óng ả
Lúa vượt bờ mương trĩu ngọn bông vàng.

Một khúc bài chòi đủ dịu gió Nam
Vài củ mì lùi xôn xao bãi cỏ
Hoa bưởi đong đưa ngập ngừng trước ngõ
Chiếc nón Kiều An che nắng Chợ Gồm.

Cát nặng tình người dưới biển trên non
Như khúc ca dao tạc hình dáng mẹ
Lấp lánh xa xôi nghĩa tình lặng lẽ
Thắp sáng lòng người một ánh sao quê.

Về thăm lại trường xưa…

KIM CƯƠNG

Một ngày về lại trường xưa
Qua con đường cũ cơn mưa nhót lòng
Lời cô dài rộng như sông
Dắt em qua những mênh mông cuộc đời.

Sân trường ngày tháng xa xôi
Có còn giữ lại giùm tôi chút buồn
Ngoài trời lất phất mưa tuôn
Ướt nhòa nỗi nhớ vấn vương đợi chờ

Bước chân qua ngõ ngày thơ
Ê a tiếng trẻ giấc mơ thuở nào
Giọng cô còn mãi ngọt ngào
Như là câu hát ca dao mẹ hiền

Em về mơ lại bình yên
Cùng cô kể chuyện hoa niên một thời
Tóc bay trắng cả góc trời
Rưng rưng em khóc những lời năm xưa…

Hai phương bão

LÝ THỊ MINH CHÂU

Bão đang về… Tin khẩn thiết anh ơi
Nghe báo bão lòng em như trứng vỡ
Vẫn biết biển thường bão bùng giông tố
Anh đứng tuyến lâu rồi em vẫn thấy lo lo

Tin nhắn có đi nhưng không đến được điểm hẹn hò
Em không biết tại bão bùng hay anh đang trực chiến
Cũng không biết có tấm lòng nào hơn biển
Hào hùng quảng đại bao la

Phải không anh mùa này mùa rụng lá phong ba
Xa xăm quá chắc gì thu đã đến
Để lại nhớ về nhau một thời áo trắng
Đường phượng hồng tay bối rối trong tay

Bão đã vào quê mẹ chiều nay
Phố như chết cài then cửa kín
Và chắc chỉ một ánh nhìn sau khung kính
Van bão bùng thôi làm khổ người xa

Máy hết pin rồi em cũng phải giao ca
Còn tin khác không anh ngoài tin em nhắn
Em vẫn biết biển rộng dài nhưng không hề bằng phẳng
Xa khuất cánh buồm
Đâu phải tại biển cong.

Về trường xưa

TRẦN THANH THOA

Lá bàng dệt nỗi bâng khuâng
Rụng vào cõi nhớ trong ngần giấc mơ
Trường xưa lối cũ rêu mờ
Ai còn trước cổng đứng chờ mùa thu?

Mười năm khuất nẻo xa mù
Chiều nay về lại hời ru tháng ngày
Nhặt hờ chiếc lá me bay
Chợt nghe khóe mắt xè cay bồi hồi

Trống trường điểm nhịp xa xôi
Rưng rưng tìm lại chỗ ngồi ngày xưa
Tuổi hoa trong vắt như vừa
Thoáng qua tựa một cơn mưa đầu mùa

Đường làng trải tím hoa mua
Dẫn về kỷ niệm gió lùa tóc mây
Ngói rêu mưa nắng dạn dày
Mùa trôi qua những hàng cây sân trường

Lời thầy da diết niềm thương
Vọng trong nỗi nhớ vấn vương một đời…

Dáng thầy

NGUYỄN MINH THUẬN

Về thăm trường cũ năm xưa!
Tìm lại hình bóng sớm trưa của thầy
Giờ thì dáng đã hao gầy
Tóc xanh nay cũng như mây trắng trời

Thoáng trong giây phút bồi hồi!
Chạm vai gọi khẽ thầy ơi!… Con nè
Mắt thầy bỗng chốc đỏ hoe
Bất chợt cơn gió làm se thắt lòng!

Một đời tận tụy vun trồng
Cho vườn hoa nhỏ thêm hồng, thêm tươi
Vẫn nơi bục giảng thầy ngồi
Chắt chiu từng chữ, từng lời sâu xa…

Dẫu ngày thơ ấy đã qua!
Nhưng lòng con vẫn thiết tha nhớ hoài
Nhớ thầy những lúc giảng bài
Nhớ khi hè đến thầy ngồi ngẩn ngơ!

Thời gian trôi mãi không chờ
Ai xa có nhớ bến bờ ngày xưa?
Có người chẳng quản nắng mưa
Trọn đời với kiếp đò đưa bao người.

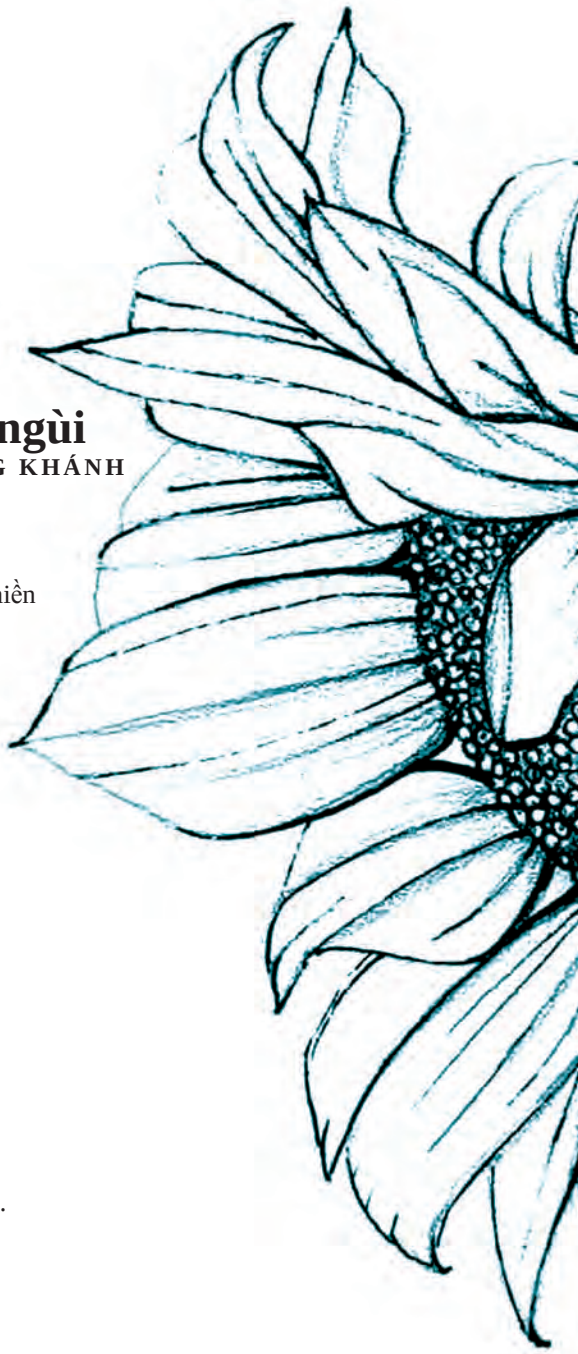

Giọt ngậm ngùi

TRƯỜNG KHÁNH

Ngậm ngùi mưa rớt
Giọt nghiêng
Xóa tan bao nỗi ưu phiền
Nghiệp duyên,
Cuốn trôi
Oán đối ác triền,
Cho tâm tự tại
An nhiên đôi bờ…

Khổ không
Đòi đoạn kiếp thơ,
Lỡ cung, nhịp, phách
Bơ thờ quả nhân.
Phân thân vào
Cõi hồng trần,
Mượn thân giả hợp
Phù vân khói tà.

Nghe trong từng giọt
Mưa sa,
Có thân ngũ ấm
Duyên xa, nghiệp gần.
Quay về
Tìm lại pháp thân,
níu phương tiện hóa
chánh cần lên ngôi.

Từ trong sinh… diệt
Đổi dời,
Ngàn trùng mộng mị
Đầy vơi ngọn ngành
Ngậm ngùi
Giọt nhớ mong manh,
Giọt thương trĩu nặng
lá cành quả, nhân.

Trả đi cho hết nợ nần,
Chả cần vay mượn, bua phân phiền lòng,
Lối về ấn dấu sắc không,
Bùi ngùi lặng ngắm nước dòng sông trôi.
Đi đâu cho hết kiếp người!?
Thả cho bèo dạt mây trôi cũng đành…

Qua một ngày đường

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Khi con trai út ngấp nghé tuổi ba mươi, ông nhiều lần lặp lại điệp khúc *"lấy vợ đi, con"*.

Lẽ thường tình ấy của các bậc cha mẹ được ông coi là "đỉnh cao" cuối cùng cần với tới của đời mình: *"Cưới vợ cho mày rồi, tao coi như xong trách nhiệm với con cái"*.

Thằng con cứ khất lần trước sự cáu gắt của cha; khi kiên nhẫn trong ông đã tan chảy thì nó chở bạn gái về, kéo theo niềm vui và cả những tiếng xì xào ngay từ đầu ngõ.

Ông đang phấn chấn ngời ngời bỗng khựng lại khi nhìn thấy bạn gái của con. Tính nết chưa biết, dòng giống chưa bàn nhưng nhìn vẻ ngoài của cô, ông ngần ngại pha chút hẫng hụt. Lần đầu đến nhà bạn trai với quần bò khoét lỗ chỗ và áo ngắn cũn cỡn như này sao; lại thêm mái tóc cắt cụt như con trai khiến ông đứng hình, tròn mắt. Người cha vờ nói cười hổ hởi nhưng kỳ thực đang xét nét cô gái, liền đó nỗi bất bình lẫn bất an dâng đến độ hoang mang.

Lưỡng quyền cao thế kia, phát tướng phát tài đâu chưa thấy, ông chỉ thấy lo lo cho sự bình yên của con trai. Và nữa, con gái gì mà nói cười phớ lớ đến phơi răng đỏ lợi thì duyên cái nỗi gì! Tiếng bước chân huỳnh huych cứ như chạy thi việt dã thế kia thì chẳng thể báo hiệu giàu sang phú quý hay sự tinh tế dịu dàng. Khi cô cùng nâng ly bia với cánh đàn ông trong bàn thì ông thở hắt ra như quả bóng xì hơi, ngó lơ ra sân rồi ngồi lặng suốt bữa.

Bạn gái của con vừa quay lưng là ông không thể nén lời chia lìa đôi lứa. Tất nhiên, ông biết việc hệ trọng nhưng cũng lắm rắc rối mà người xưa từng đúc kết "nhất điền thổ nhì hôn nhân" thì không thể vội vã hồ đồ khi can gián. Lung khởi bao đồng và điểm xuyết vài điểm hay mặt tốt của cô gái rồi ông mới mổ xẻ những điều chướng tai gai mắt. Như để tô thêm sức nặng cho lời mình, ông kể những lứa đôi đem đến cho nhau đắng cay thay vì mật ngọt bởi những khác biệt, bất hòa. Người cha dằn lòng, dịu giọng nhưng đích đến vẫn là khuyên con tiếp tục hành trình tìm kiếm "nửa kia" để đắp xây hạnh phúc thay vì neo lại với người đã định.

Con nghe bình tĩnh, không phản bác cũng chẳng xuôi chiều, khiến cha bối rối, dừng lời. Lâu sau, nó ngước nhìn ông, giãi bày: *"Cô ấy có vẻ ngoài phủi như thế nhưng tốt bụng lắm, ba ạ; lại tháo vát, tự tin; rất hợp tính con"*.

Nghe giọng khẳng định chắc nịch, không mảy may đắn đo, ông biết khó mà lay chuyển, lời bàn ra chỉ làm tăng khoảng cách cha con. Đã thế, ông buông xuôi, cả trong ý nghĩ cùng dáng ngồi ủ rũ; nhưng đâu dễ cởi bỏ nỗi lo mênh mang trong dự cảm chẳng lành.

"Thôi kệ nó!" - đã bao lần ông tự trấn an nhưng sự tĩnh tâm chỉ thoáng qua còn buồn lo vẫn đeo đẳng cả trong giấc ngủ. Ông còn vài lần quay lại lời cản ngăn con trai với người đã chọn nhưng nó không đổi lòng; ngược lại, còn thuyết phục cha thuận theo ý mình.

Mới rồi ông lên phố bảo con đưa đi khám mắt nhưng nó bận nên nhờ bạn gái dẫn đi. Quả là bất tiện khi nhờ người mình chẳng ưa, nhưng không thể khác khi con ông phải chủ trì hội nghị. Không để ý vẻ lạnh lùng lẫn ngượng ngùng của ông, cô gái chuyện trò thoải mái. Tới bệnh viện, cô chỉ ghế bảo ông ngồi rồi tất tả đi liên hệ, làm thủ tục.

Ông nghe cô bắt bẻ người tiếp nhận bệnh nhân: *"Tôi đã hẹn giờ và đăng ký bác sĩ trực tiếp khám nhưng sao lại đổi bác sĩ khác?"*.

Người kia cho biết là bác sĩ được chọn bận việc bất thường nên mong được thông cảm. Cô không dễ bị thuyết phục, vẫn mềm mỏng nhưng kiên quyết: *"Nếu thế, các chị phải cho tôi biết trước chứ!"*.

Người đối thoại rối rít xin lỗi; ông cũng lên tiếng dàn hòa: *"Thôi thì, bác sĩ nào khám cũng được, cháu ạ"*.

Khi ông được đo thị lực rồi soi đáy mắt, cô đứng bên hỏi tỉ mỉ về bệnh rồi lắng nghe chỉ dẫn của bác sĩ. Cũng cẩn thận và tỉ mỉ, cô hướng dẫn ông sử dụng các loại thuốc rồi nhắc lịch tái khám, lại chỉ các cửa cần đến trong bệnh viện. Ông vội ra bến xe để kịp về chuyến cuối ngày nên chẳng dừng ăn uống; cô gái chỉ kịp ghé bên đường mua cho ông mấy cái bánh bao. Nhìn dáng nhanh nhẹn cùng sự chu đáo của người giúp mình, ông cảm thấy ấm lòng nhưng hình như chừng đó vẫn chưa đủ để xua đi những ác cảm từ trước.

Tưởng đã qua một ngày lo âu và mệt mỏi với bệnh tật nhưng vừa bước lên xe buýt ông đã thấy bất an. Ngồi chưa ấm chỗ, ông len lén nhìn gã thanh niên bên cạnh; gã khoảng ba mươi, dáng cao lớn dềnh dàng. Khi kẻ ấy lấy cái mũ đang đội xuống, ông trố mắt nhìn cái đầu trọc lóc, đầy sẹo. Tương phản với khối tròn nhẵn thín đó là mớ ria mép đen kịt như vệt hắc ín quệt vội cùng đám lông mày rậm như hai con sâu róm. Đôi mắt nhiều tròng trắng lim dim, không biết đang ngủ hay thức, không biết đang thả hồn thánh thiện hay ủ mưu đen tối.

Thoáng thấy những hình xăm sau làn áo mỏng nơi ngực gã, tư tưởng cảnh giác trong ông trỗi dậy. Ông nhấp nhổm không yên, đã mấy lần đưa tay sờ lại cái ví ở túi quần và cả điện thoại nữa. Hai mắt trĩu xuống

nhưng ông cố chống lại cơn buồn ngủ bằng cả ý chí và sự lo sợ. Gã kia tự biến thành kẻ bí hiểm khi chẳng bắt chuyện với ai, người lắc lư khi xe chuyển bánh.

Gã bất ngờ phá tan sự yên tĩnh khi lớn tiếng: *"Này tài xế, sao lại chạy lòng vòng thế này, hả?"*.

Ấy là gã phản ứng việc chủ xe cố ý vòng đi vòng lại để đón khách thay vì thẳng tiến về bến đỗ. Ai cũng bực, nhăn nhó lẫn càm ràm khi bị mất thời giờ vô lối nhưng vì cả nể nên chẳng ai lên tiếng. Cái giọng sắc lạnh của gã khiến người đối thoại xuống nước, nói như rên: *"Bà con thông cảm, ít khách quá, cho chúng tôi kiếm thêm vài người"*.

"Anh bảo chúng tôi thông cảm; nhưng sao anh không thông cảm cho từng này người trên xe!?".

Nhà xe đuối lý, im nhưng vẫn làm theo ý mình. Gã bật dậy, càng to tiếng hơn: *"Anh hành hạ chúng tôi quá nhiều rồi đấy! Phải nhờ cảnh sát thôi!"*. Dứt lời, gã rút điện thoại ra; tài xế kêu lên rối rít *"thôi, thôi"* rồi đột ngột tăng ga, vọt lẹ.

Khi xe dừng giữa đường cho hai thanh niên choai choai bước lên thì sự cảnh giác trong ông bỗng tăng đột biến. Xe chật, cảnh nhiều hành khách phải đứng ngay lối đi dường như là điều mong đợi của hai kẻ lên sau. Cả hai chen vào đám đông, đảo mắt ngó quanh, chúng hiểu nhau thông qua cái nheo mắt, hất hàm. Thằng đứng giữa xe, có mái tóc chấm ngang vai cố ý ép sát người đàn ông trung niên có cái ví căng phồng ở túi quần phía sau. Ông đoán hành động bất lương sắp diễn ra nhưng bối rối chưa biết làm sao báo động cho người kia. Ông hồi hộp, cổ họng khô đắng, chân tay bủn rủn như đang chứng kiến một bi kịch.

Bỗng gã đầu trọc ngồi cạnh to tiếng: *"Ê, hai chú! Đây là chỗ của anh. Biến!"*.

Cái giọng đầy quyền uy trịch thượng khiến hai đứa kia tẽn tò, trố mắt nhìn chằm chằm người đối thoại. Gã trợn mắt, gục gặc cái đầu láng bóng rồi dằn giọng lặp lại: *"Có biến không, hả!?"*.

Hình như biết đụng hàng, hai kẻ đàn em chắp tay, hạ giọng, khúm núm: *"Dạ… anh ạ…"*. Liền đó, chúng đập thùng thùng vào thành xe và hét lớn: *"Xuống!"* Chẳng đợi xe dừng hẳn, chúng vọt xuống đường; không quên quăng lại câu chửi thề bỉ ổi.

Chưa kịp mừng, nỗi lo liền quay lại, ông cố ý ngồi xích ra xa kẻ bên cạnh. Giờ thì gã tự bộc lộ rồi; nghĩ vậy, ông càng co người thủ thế, những mong xe nhanh tới bến. Gã vẫn gà gật như tỉnh như mê; khi mọi người lục tục đứng lên lấy đồ xuống xe, gã mới choàng dậy. Chẳng đợi nhờ, gã với tay lấy giúp ông túi hành lý để trên giá; vừa đưa túi đồ cho bạn đồng hành gã vừa nở nụ cười chiếu lệ thay cho lời chào tạm biệt. Ông đi sau, mắt vẫn không rời kẻ khả nghi vừa làm ông cảnh giác dè chừng. Thay vì đi thẳng ra cổng bến xe, gã tạt vào nhà gửi xe máy gần đó.

Chạng vạng, cánh xe ôm hay lượn lờ trước bến xe đã vắng hẳn khiến ông lo lo khi nghĩ tới chặng về với hơn mười cây số đèo dốc. Đang bồn chồn ngó quanh để tìm xe đi tiếp, ông giật mình thấy chiếc xe máy đỗ sát bên; càng ngạc nhiên hơn khi nhận ra gã đồng hành lúc nãy.

Gã tươi cười nhìn ông, vồn vã: *"Bác về Đồng Tràm phải không?"*. *"Phải"*. Ông trả lời, căng mắt nhìn kẻ đối diện; bất ngờ trước lời mời thân tình: *"Cháu cũng về gần đó; bác lên xe, cháu chở"*.

Đoán biết sự lưỡng lự lẫn lo sợ của ông, gã giải bày: *"Bà nội cháu là con gái tộc Nguyễn Văn làng Đồng Tràm. Lúc trước, cháu hay theo bà về giỗ tộc và chạp mả, thấy bác thường đứng chủ tế. Giờ cháu mới nhớ ra…"*. Ông chớp mắt, trưởng tộc không thể biết hết cả ngàn con cháu trong dòng họ nhưng nghe thế ông chắc người thân thật rồi. Sau khi hỏi thêm vài điều, kết nối bà con xa gần, ông yên tâm ngồi lên xe của kẻ vừa làm ông hại não.

Ông giải tỏa thắc mắc về người bí hiểm này bằng những câu hỏi thẳng. Đáp lại là giọng từ tốn, khác hẳn với vẻ trịch thượng lúc trên xe; kéo theo là sự há hốc, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác của ông. Thì ra người này vừa đến viện da liễu vì bệnh nấm tóc; cái đầu trọc lóc cũng chính vì căn bệnh không chết nhưng khó chịu đó.

Ông trải lòng: *"Lúc nãy, nhìn vẻ ngoài cùng sự đối đáp của cậu với hai thằng nhỏ trên xe, tôi sợ quá!"*.

Đáp lại là giọng bỗ bã cùng tiếng cười rung cả người: *"Cũng có lúc mình phải giả độc trị độc chứ bác!"*.

Mải chuyện trò khiến ông cảm thấy đoạn đường như ngắn lại. Chia tay, ông mấy lần lặp lại lời cảm ơn rồi đứng nhìn cho đến khi cái dáng cao lớn kia khuất dần trong bóng đêm nhập nhoạng.

Ông vừa vô nhà thì con trai gọi về, hỏi chuyện từ bệnh viện đến trên đường. Nghe cha kể về chàng trai gặp trên xe, con cười lớn: *"Đấy, ba cứ nhìn bề ngoài rồi nghĩ xấu về người ta, có khi chẳng đúng, lại mang tội nữa"*.

Ông đột nhiên lúng túng, chột dạ khi nhớ lại lời ngăn cản con trai lúc trước… ■

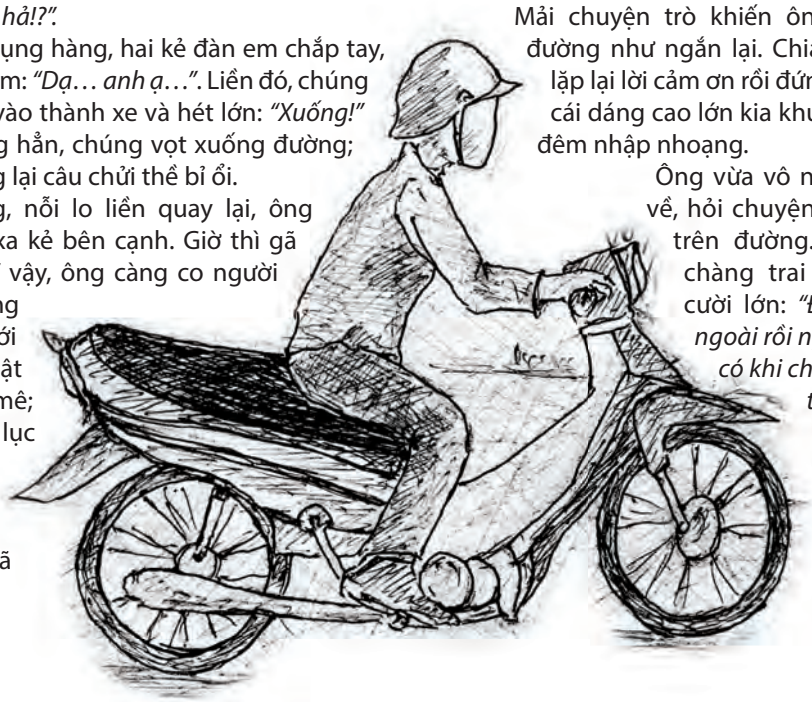

Thành phố của những tà áo dài

NGUYỄN VĂN TOÀN

Tà áo dài của những người con gái xứ Huế chính là nguyên nhân làm say đắm lòng du khách thập phương. Thế nhưng, trong Tuần lễ thời trang xuân hè 2019 tại Bắc Kinh (Trung Quốc) khai mạc ngày 25/10/2019, thương hiệu thời trang Ne Tiger của Zhang Zhifeng đã công bố nhiều bộ sưu tập thời trang của họ, trong đó có những mẫu thiết kế "trang phục truyền thống Trung Quốc" cho thấy sự sao chép áo dài truyền thống Việt Nam với chiếc nón lá Việt Nam nhưng lại được giới thiệu là "sự sáng tạo" của nhà thiết kế khiến nhiều người Việt phẫn nộ.

Bên cạnh đó, mới đây, vào ngày 11/10/2019, khi ca sĩ Kacey Musgraves từng đoạt giải Grammy mặc áo dài nhưng chỉ mặc… quần mỏng màu da, gắn đá khi biểu diễn tại Dallas (Mỹ) và còn khoe ảnh tự chụp lấy bằng phương tiện kỹ thuật số đã khiến nhiều người cho là phản cảm. Và ngay lập tức, nhiều người so sánh chính hình ảnh phản cảm đó với những chiếc áo dài Huế kín đáo nhưng rất dịu dàng của những nữ sinh Đồng Khánh năm nào.

Những chiếc áo dài của nữ sinh Đồng Khánh có cổ vuông ngắn, eo buông, tay dài, tà rộng che kín toàn thân. Trong trang phục đó, những cô nữ sinh Đồng Khánh càng cảm nhận được niềm tự hào đức hạnh và ý thức giữ gìn đức hạnh ấy. Bởi trong tà áo dài, ai ai trong số các cô nữ sinh Đồng Khánh cũng buộc phải khép nép, chỉ có thể ngồi thẳng, bước ngắn, đánh nhẹ tay, khó có thể nói cười thoải mái. Màu sắc tím đồng phục của những cô nữ sinh Đồng Khánh lại càng làm cho nét Huế thêm duyên dáng và mặn mà. Bởi vậy, chiếc áo dài tím đã trở thành biểu tượng của cô gái xứ Huế, có phần nhỉnh hơn so với chiếc áo tứ thân và chiếc áo bà ba của những cô gái hai miền Bắc Nam.

Với lòng ngưỡng mộ, nhà thơ Mai Văn Hoan đã dành tặng cho những cô nữ sinh Đồng Khánh những vần thơ thật dễ thương:

Gió vờn tà áo khẽ lay,
Nữ sinh Đồng Khánh thơ ngây mỉm cười.

Bên cạnh chiếc áo dài, chiếc nón lá, đôi guốc mộc cũng là những người bạn đồng hành thân thiết của

Nguồn: giaoduc.net.vn

Nguồn: huetourism.gov.vn

những cô nữ sinh Đồng Khánh. Chiếc nón không chỉ che mưa che nắng cho các cô, mà còn thực hiện chức năng làm đẹp, góp phần tăng thêm nét duyên dáng phụ nữ Huế.

Chính vì thế, các chàng trai nếu nhìn thấy một cô gái Huế đội nón lá thì ai cũng ước thầm:

Nón nghiêng, bóng nắng dáng thơ ngây
Gặp anh nón hỡi đừng nghiêng xuống
Cho anh trông mắt ngọc mày ngài.

Đôi guốc mộc, như nhà thơ Tố Hữu từng nghe thấy lúc ở Huế thuở thanh niên, lại càng làm cho những cô nữ sinh Đồng Khánh thêm nhẹ nhàng, duyên dáng, uyển chuyển:

Em đi gót nhẹ xanh hồn cỏ
Và hơi thở mềm sương khói bay.

Chiếc áo dài đã gắn bó với Huế từ rất lâu. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Hoa, từ năm 1744, dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, áo dài đã ra đời và trở thành trang phục chính thức của cả đàn ông và nữ giới ở vùng đất Đàng Trong.

Thời Minh Mạng, để sửa đổi cách ăn mặc thiếu đồng nhất tại các vùng miền sau giai đoạn Trịnh - Nguyễn phân tranh, nhà vua ra sắc chỉ quy định y phục trên toàn quốc: Các phi tần, người hầu kẻ hạ đều mặc áo dài ngay khi vừa bước chân khỏi cấm cung. Dân gian phải mặc quần, cấm váy. Riêng với người lớn, áo dài trở thành trang phục bắt buộc khi ra đường.

Nghe bà nội tôi kể lại, trước năm 1945, Huế là một xứ sở của áo dài. Mệ tôi thường nhớ về gánh đậu hũ, bún bò heo… xưa đầy hoài niệm. Bởi mấy mệ, mấy o bán những món ăn này thời đó phải bận áo dài mới "đúng điệu". Khi có người mua, mấy mệ, mấy o dừng lại, hạ gánh xuống, và "dạ thưa" khách… Tà áo dài, đôi quang gánh, dáng đi chậm rãi do đó đã trở nên thân thuộc một thời của mảnh đất xứ Huế.

Còn nhớ, tại Lễ hội Áo dài của Festival Huế 2002, các nhà tạo mẫu chuyên nghiệp đã mạnh dạn sử dụng 550 người mẫu không chuyên là các nữ sinh đến từ Trường THPT Nguyễn Huệ và Trường THPT Hai Bà Trưng (trường nữ sinh Đồng Khánh xưa). Lễ hội Áo dài kỳ Festival Huế năm đó tuy chưa chuyên nghiệp như bây giờ nhưng đã làm cho các du khách ngẩn ngơ trước vẻ quyến rũ của các cô gái xứ Huế trong những chiếc áo dài.

Bởi vậy, cứ mỗi kỳ Festival về trên đất Cố đô, tỉnh Thừa Thiên-Huế đã vận động nữ giới mặc áo dài khi đến công sở, nơi làm việc. Đặc biệt, có năm nữ sinh trường THPT Hai Bà Trưng và trường THPT Quốc Học đã mặc áo dài đi học, còn các tiểu thương các chợ như Đông Ba, An Cựu… đã tự nguyện mặc áo dài trong suốt những ngày diễn ra Festival nhằm quảng bá hình ảnh tà áo dài Huế cũng như nét duyên của người phụ nữ Huế đến với du khách. Bên cạnh đó, nữ nhân viên

nhà hàng, khách sạn và lực lượng nữ tình nguyện viên cũng mặc áo dài để tạo ấn tượng đối với du khách khi đến Huế.

Cũng vì lẽ đó, Hoa khôi Áo dài cuộc thi Miss Đại học Huế 2012 cũng đã trở thành Gương mặt đại diện cho Festival Huế 2014. Gần đây, chương trình trình diễn áo dài Festival Huế 2018 với chủ đề "Huế vàng son" tại sân khấu Bia Quốc Học với hơn 400 mẫu áo dài tinh tế cũng đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng người dân và du khách.

Thiết nghĩ, du khách đến Huế không chỉ để xem các kiến trúc và lễ hội, hay vui chơi tại các nhà hàng, khách sạn, bãi biển… Mà điều họ chủ yếu muốn xem là, liệu người dân Huế, đặc biệt là những cô gái Huế có còn giữ được chất Huế xưa hay không. Bởi vậy, để làm cho Huế đẹp hơn, chính quyền tỉnh Thừa Thiên-Huế đã có những việc làm thiết thực.

Đầu tiên, ngày 31/8/2018, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên-Huế, trong đó có quy định: *"Cán bộ, công chức, viên chức nữ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh mặc Bộ áo dài truyền thống vào ngày thứ hai hàng tuần"*.

Tiếp đó, ngày 5/9/2018, với mong muốn nâng cao vẻ đẹp của người phụ nữ Huế, làm cho Huế đẹp hơn trong mắt bạn bè và du khách, UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế cũng đã có thư ngỏ gửi các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh về việc hưởng ứng cuộc vận động mang trang phục áo dài truyền thống.

Ngày 16/3/2019 vừa qua, tại thành phố Huế, UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế tổ chức Hội thảo Phát huy giá trị văn hóa Huế trong xây dựng thương hiệu Áo dài Huế với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, đại diện các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh áo dài, các nhà thiết kế thời trang, các chuyên gia về thương hiệu…

Tại Hội thảo, nhiều ý kiến cho rằng trong tâm thức của người Việt khi nhắc đến Huế người ta vẫn nhớ về hình ảnh không bao giờ thay đổi là những chiếc áo dài tím, nón lá và mái tóc thề, cho nên đã có nhận định: *"Huế nên có Không gian Áo dài để áo dài Huế có điều kiện phô diễn"*.

Cũng có ý kiến cho rằng, phát triển áo dài Huế cần tránh xu hướng "tầm thường hóa". Áo dài là "thượng phẩm" nên cần có chiến lược nâng cao, thể hiện được tính sang trọng. Ngoài ra, đại diện các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh áo dài có ý kiến nên thành lập hiệp hội sản xuất kinh doanh áo dài Huế để phát triển thương hiệu về lâu dài.

Nhân dịp Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3) năm nay, Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế đã miễn phí vé

tham quan dành cho nữ du khách mặc áo dài truyền thống khi vào các điểm di tích Huế trong 3 ngày (7-9/3). Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10) mới đây, du khách nữ mặc áo dài truyền thống khi vào các điểm di tích Huế đã được Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế miễn phí vé tham quan.

Trong bài hát *Một thoáng quê hương*, nhạc sĩ Thanh Tùng khẳng định: *"Đẹp biết bao quê hương cho ta chiếc áo nhiệm màu. Dù ở đâu Paris, London hay những miền xa. Thoáng thấy áo dài bay trên đường phố. Sẽ thấy tâm hồn quê hương ở đó em ơi"*.

Bởi vậy, không những chiếc áo dài đã trở thành trang phục gắn bó với truyền thống văn hóa, đời sống của xứ Huế mà hình ảnh tà áo dài cũng đã trở thành biểu tượng của người con gái Huế, của du lịch Huế, quyến rũ biết bao lữ khách dạo qua. Do đó, để giữ gìn chiếc áo dài thì không nơi nào thích hợp hơn là ở Huế, vùng đất với những người con gái dịu dàng, đằm thắm, sâu lắng đến lạ kỳ. ■

NHỮNG NẺO ĐƯỜNG TÂM LINH

TRẦN ĐỨC TUẤN

Đất nước Ấn Độ bao la, nên việc chọn các địa phương ưu tiên cho chuyến du ngoạn trong vòng hai tháng là hết sức cần thiết. Chúng tôi đã chọn hai mục tiêu lớn là Hy-mã-lạp sơn và bình nguyên sông Hằng. Trong hai đại bồng lai tiên cảnh này lại phải chọn ra mỗi nơi năm ba chốn có sức hút mạnh nhất để hình thành trong tâm trí một bức tranh, dù chỉ là những chấm phá, nhưng tiêu biểu nhất, có thể ngự trị lâu dài trong ký ức. Những đối tượng được chú ý nhiều nhất là: phong cảnh tuyệt diệu của núi rừng điệp trùng cao ngất, các đại tuyết sơn gần như vô song trên trái đất; dòng sông thần thánh huyền ảo nhất trên mặt địa cầu; nghệ thuật kiến trúc xưa của các nền văn hóa Ấn giáo, Hồi giáo và Phật giáo; và điều quan trọng nhất là được đắm mình trong sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh cuồng nhiệt, quanh năm kéo dài nhiều chục thế kỷ, gần như còn nguyên vẹn, chưa phai tàn, thậm chí chưa sứt mẻ, của Ấn giáo, cho tới lúc này. Và điều tâm niệm quan trọng nhất là được trân trọng đặt những bước chân trên "con đường Phật giáo" có tuổi đời đã 25 thế kỷ, để trải nghiệm tâm trạng và tìm cảm giác mới nhất về một trong những nền triết học vĩ đại của nhân loại có ma lực mãnh liệt để trở thành tín ngưỡng và tôn giáo, với nửa tỷ tín đồ trên thế giới, nay đã điêu tàn trên chính nơi sinh ra nó… Cảm giác này ám ảnh chúng tôi trên mọi nẻo đường gợi nhớ về Phật giáo, về một "Tây Trúc thiêng liêng" đã bao lần hiện lên trong tâm trí xưa nay, giờ đây phơi bày trước mắt như những phế tích cô liêu vắng hẳn tiếng chuông chùa.

Cảm xúc hành trình là những trải nghiệm vô giá. Nó luôn đạt tới cấp độ cao hơn nhiều so với những phút giây vọng tưởng từ quê nhà. Đó chính là những ấn tượng để đời mà Hy-mã-lạp sơn, Hằng hà huyền bí, và cư dân lạ lùng của xứ sở này để lại, ghi sâu vào ký ức, và mãi mãi thấp thoáng hiện về trong tâm tưởng của hàng triệu hành giả tứ phương…

Thị thành ngã ba sông thần thánh Allahabad sẽ là hình ảnh không bao giờ phai mờ cho những ai đã từng đặt chân tới đây. Đó là sự gặp gỡ kỳ diệu giữa hai dòng chảy tâm linh sinh đôi, song hành suốt 1.400km, cái nôi của nền văn minh Ấn giáo; là hình ảnh "dòng Thiên hà" vô hình in đậm trong tâm trí của người Ấn Độ; là ngôi đền thờ vị thần khỉ Hanuman huyền thoại muôn vàn kính yêu của người Ấn độ bên bờ sông Hằng; là những câu chuyện về A-dục vương, nhân vật lịch sử vĩ đại, hấp dẫn, đầy kịch tính mà các hướng dẫn viên du lịch hào hứng kể cho các khách hành hương.

Ngôi đền thờ thần khỉ tọa lạc tại một địa điểm khoáng đạt, từ xa đã nhìn thấy. Nhân vật đáng yêu này là biểu tượng cho lòng nhân nghĩa, ân tình, quân tử, sẵn lòng cứu giúp người gặp nạn, rất nổi tiếng trong sử thi *Ramayana* - một trong hai sử thi vĩ đại nhất của Ấn Độ. Đó là câu chuyện tình đế vương của người anh hùng vĩ đại, hoàng tử Rama, và người vợ xinh đẹp, công chúa Sita. Cuộc tìm kiếm nàng Sita bị quỷ vương Ravana bắt cóc - do Rama, người em trai Laksmana và người bạn là vua khỉ Hanuman tiến hành - đã tạo nên câu chuyện ly kỳ, hấp dẫn, đẹp đẽ, đầy kịch tính, làm say mê hàng triệu triệu người dân Ấn Độ và hàng loạt quốc gia khác trên thế giới trong nhiều thiên niên kỷ và trở thành một trong những di sản phi vật thể lớn nhất của nhân loại. Chính thần khỉ Hanuman đã tìm thấy Sita trên quốc đảo Tích Lan rồi cùng Rama cứu được nàng.

Nhân vật thần khỉ Hanuman đã được nhà sư Trung Hoa là Đường Tam Tạng kể lại trong hồi ký *"Đại Đường Tây Vực ký"* rồi được Ngô Thừa Ân đưa vào tiểu thuyết lừng danh *"Tây du ký"* trong nhân vật Tôn Ngộ Không, sau này nữ đạo diễn tài ba Dương Khiết đã xây dựng thành công bộ phim *"Tây du ký"* làm say đắm lòng người. Nam tài tử Lục Tiểu Linh Đồng đã thành danh vang dội cũng nhờ thủ vai Tôn Ngộ Không trong bộ phim này.

Đường Tam Tạng kể lại: Chính tại đoạn ngã ba sông rộng mênh mông mà Hằng hà nhận được nước từ Yamuna và tiếp nhận "dòng chảy vô hình" của Thiên hà, là nơi ông suýt bỏ mạng khi bọn cướp định giết ông để tế một nữ thần; lúc biết ông là một nhà sư Trung Hoa đi thỉnh kinh Phật, chúng đã sụp lạy và xin tha lỗi.

Điều lý thú nhất chính là Hanuman đã truyền cảm hứng để Ngô Thừa Ân tạo dựng không thể thành công hơn nhân vật bất hủ Tôn Ngộ Không và giúp Lục Tiểu Linh Đồng thành danh rực rỡ.

Khách hành hương vào dâng lễ, chiêm bái trong đền rất đông. Tượng thần rất đơn giản, chỉ là một khuôn mặt khỉ đáng yêu, nhỏ bé, giữa chùm hoa và vật trang trí, gắn lên bệ thờ trên tường tại gian thờ chính. Đây có lẽ là nhân vật thần linh được yêu quý, thân thương và gần gũi nhất ở Ấn Độ.

Một góc Lucknow

Người Ấn Độ rất cởi mở. Tại Allahabad, người ta nói rất nhiều về nhân vật lịch sử Asoka, tức A-dục vương (269-232 trước Tây lịch), người đã có công phát triển mạnh mẽ đạo Phật trên thế giới. Là một quân vương, một chiến binh thiện nghệ, một nhà hoạt động quân sự cự phách, ông không ngừng tung hoành trên các chiến trường. Thời hoạt động tại miền Orissa (nay là một bang trên bờ Tây vịnh Bengal) ông đã giết quá nhiều người rồi vô cùng hối hận và quy y Phật giáo để chuộc lỗi lầm và để góp sức với đời. Nếu không có A-dục truyền bá mạnh mẽ ra ngoài biên giới thì sau khi bị đàn áp và lụi tàn tại Ấn Độ, không biết tình cảnh đạo Phật sẽ bi đát thế nào, và làm sao có được cảnh tượng huy hoàng như hiện tại!

Rời Allahabad, ấn tượng mạnh nhất chính là hình ảnh ngã ba sông mênh mông thần thánh với bãi cát trải rộng gần như vô tận để có câu ngạn ngữ "Hằng hà sa số" nổi tiếng được dùng rất nhiều ở Việt Nam; là bức tượng thần khỉ trước cổng đền, tay vạch ngực chỉ vào trái tim tỏ ý trung thành với Rama và Sita, và một bức tượng khác của Hanuman nằm phủ phục, trên mình phủ đầy hoa của tín đồ và du khách dâng tặng, và cuối cùng là không thể nào quên tình cảm mà cư dân địa phương dành cho A-dục vương như cho một vị thánh.

Từ Orissa, ông đã bắt đầu công cuộc hưng thịnh đạo Phật bằng cách phát triển rộng rãi, thúc đẩy sức lan tỏa của nó ra ngoài biên giới: sai người đi truyền bá khắp vùng Đông Á. Từ đó Phật giáo được truyền trước là đến Tích Lan, sau là Myanmar, Thái Lan, Indonesia… Đây là thời kỳ A-dục vương cầm quyền sau thế kỷ thứ III trước Tây lịch, tức cũng là sau đại hội kết tập Phật giáo lần thứ ba họp tại Magahda, Bắc Ấn Độ.

Thăm Lucknow

Lucknow cách Allahabad khoảng 270km về phía Tây bắc, là thủ phủ của bang lớn, có tầm quan trọng hàng đầu của Ấn Độ có tên là Uttar Pradesh. "Uttar" có nghĩa là "phương Bắc", "Pradesh" là "khu vực", là "vùng, miền". Đường biên giới giữa Ấn Độ và Nepal phần lớn là thuộc bang này. Địa phận của bang kéo dài từ vĩ tuyến 24° đến 31°, có những địa danh nổi tiếng như Kanpur, Lucknow, Allahabad, Varanasi… Đây là bang đông dân nhất Ấn Độ (gấp đôi dân số Việt Nam) và sở hữu đoạn sông Hằng dài nhất đất nước giáp với bang láng giềng Bihar, là một thánh địa lớn của Phật giáo nằm về phia Đông. Thủ phủ Lucknow nằm trên bờ sông Gomti, một nhánh quan trọng của sông Hằng, trên bình nguyên tả ngạn (tức bờ Bắc) và cách Hoàng hà khoảng 80km. Lucknow nổi tiếng là vùng đất của thi ca và của cư dân có lối phát âm rất thanh nhã và là một thị thành văn hiến thanh lịch.

Dạo chơi ban đêm để chiêm ngưỡng phố phường rực rỡ ánh sáng và mầu sắc, du khách nhận ra ngay đây là một trung tâm thời trang tầm cỡ và đẳng cấp, có rất nhiều nhà thiết kế tài ba đủ sức thỏa mãn nhu cầu thời trang khó tính của cư dân và cuốn hút mạnh mẽ khách thập phương. Chất liệu may mặc thường là sợi bông, len, lụa, chọn lọc, cao cấp, đặc biệt là loại len thượng hạng làm từ lông và đuôi trâu lùn do Hy-mã-lạp sơn cung cấp. Loài vật quý này nổi tiếng thế giới, thường cư trú ở cao nguyên Tây Tạng, sườn Nam và sườn Bắc núi rừng Hy-mã, dưới chân các núi tuyết. Các tiệm may sang trọng cùng nghệ thuật trưng bày quý phái, thời thượng góp phần rất lớn vào sức hấp dẫn của phố đêm Lucknow. Nghệ thuật phối màu và tạo hoạ tiết đẹp, lạ, sang trọng là điểm mạnh của thời trang Lucknow và của cả khu vực Bắc Ấn.

Trải nghiệm nghệ thuật ẩm thực đặc sắc của Lucknow, cả bình dân và cao cấp, thậm chí cả cung đình truyền thống, thật sự là một thú vui dễ chịu, tao nhã và ấn tượng bởi mùi vị, màu sắc, hình thức đa dạng độc đáo của nó sẽ làm bạn nhớ mãi.

Người Lucknow rất có tài và niềm say mê âm nhạc, nhảy múa, tổ chức lễ hội. Họ rất tự hào về một di sản quý giá, thậm chí linh thiêng, mà vị quân vương từ thời xa xưa là Alisa để lại. Ông là người am hiểu yêu thích nghệ thuật thi ca âm nhạc và là nhà cổ suý hào hoa cho lĩnh vực văn hoá này của vương quốc và có công truyền bá cho hậu thế. Thành tựu nổi bật mà người xưa truyền lại là những giá trị bất hủ trong lễ hội văn hoá Extra Nagasa nổi tiếng thế giới, được ngưỡng mộ rộng rãi cả trong và ngoài nước.

Tục lệ cưới xin cũng là một điểm nhấn của Lucknow, nhất là của những gia đình giàu có, quý phái. Có những đám cưới chi phí tới 16 triệu USD, cực kỳ xa hoa, là thú vui kiêu hãnh của các tỷ phú, cũng là gánh nặng cho gia đình nhà gái phải chi một khoản hồi môn cực lớn theo tục lệ ngàn năm đang bị phê phán nhưng chưa thể phai tàn. Đặc điểm chung của đám cưới là chú rể mặc thật sang, như hoàng tử, ngồi trên mình ngựa với một đứa trẻ cùng đám rước gồm nhiều trăm người vừa đi vừa ca múa. Họ tới một ngôi đền Ấn giáo tế lễ trước khi tới nhà gái đón dâu. Đám cưới nhà nghèo ngược lại rất giản dị, không thuê nổi một con ngựa vì không có tiền; khoảng cách giàu nghèo ở xã hội Ấn rất lớn và là nỗi buồn muôn thuở của lịch sử. Người ta có vẻ nhẹ nhàng chấp nhận nó như một sự an bài của số phận.

Đời sống hàng ngày của xã hội Lucknow không thể thiếu âm nhạc, ca hát. Loại hình nghệ thuật này hết sức độc đáo, phong phú, dựa trên tình yêu, niềm say mê và năng khiếu bẩm sinh của cư dân cả vùng. Về truyền thống có hai loại hình: một là nhạc cổ điển nguồn gốc Nam Ấn và nhạc Indus Pani của Bắc Ấn. Hình thức biểu diễn rất đa dạng, chắt lọc từ nghệ thuật dân gian khắp các vùng miền. Hiện có rất nhiều hình thức nhảy múa cổ điển còn được duy trì và khai thác. Người Ấn rất biết cách giữ gìn và duy trì liên tục các giá trị truyền thống suốt quá trình lịch sử, nhanh chóng tiếp thu tinh hoa văn hoá của người nhập cư kể cả của kẻ xâm lược; trong nhiều ngàn năm đã tạo ra một gia tài to lớn, đặc sắc của hôm nay trên nhiều lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo, kiến trúc. Đó là một quá trình liên tục kéo dài nhiều ngàn năm từ thời Vệ-đà xa xưa cho tới thời thuộc địa vừa qua. Trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, người Ấn đã xác định được nhiều phương thức biểu diễn, tạo nên linh hồn và âm điệu của tác phẩm , trong đó có các chủ đề như tình yêu, đồng cảm, bình đẳng, anh hùng…

Thần khỉ Hanuman

Tục đốt xác người chết rồi rải tro xuống sông Hằng được nghe kể bao lần nên bất cứ lúc nào cũng có thể hình dung rất rõ. Tuy nhiên, tại Lucknow chúng tôi đã được chứng kiến tường tận sự việc này bên bờ con sông chi nhánh quan trọng của Hằng hà. Một dãy hành lang nền xi-măng không có vách ngăn dài khoảng trên trăm mét, cùng lúc có thể thiêu xác vài chục người theo một hàng dọc. Người ta chất củi thành đống cao vài ba tấc rồi đặt thi hài được bọc trong vải lên. Củi được chất thêm phủ kín xác, được rắc loại bột trắc bách diệp để khử mùi, tưới xăng hoặc dầu hôi lên rồi châm lửa. Người con trai phải cạo trọc đầu để tỏ lòng thương tiếc trong cuộc chia ly tiễn đưa cha hoặc mẹ mình. Khi ngọn lửa đã cháy xong, anh ta dùng một cây gậy nhọn đầu đâm mạnh vào xương sọ người chết trước khi đem rải xuống sông, coi như đã giải thoát xong cho người qua đời để họ thanh thản đầu thai vào kiếp khác.

Điều ngạc nhiên lớn nhất với khách lạ từ xa tới là mọi việc diễn ra nhanh gọn, không một tiếng khóc, không một ánh mắt buồn, không một lời thương cảm. Bến sông này chỉ là nơi đốt xác của tầng lớp bình dân. Các gia đình giàu có hoặc tầng lớp trung lưu bằng mọi giá phải đem thi thể tới bờ sông Hằng. Việc đốt xác không dùng quan tài, lại không ở trong lò kín quả thực có gây sốc cho chúng tôi; cảm giác trần trụi, tàn nhẫn, tội nghiệp thực sự làm trĩu lòng lữ khách cảm thấu cho nỗi buồn của linh hồn kẻ ra đi không phải là nhanh chóng được bước vào kiếp khác mà là bị rơi nhanh vào cõi cô đơn, bị ruồng bỏ vĩnh viễn, muôn đời…

Tiễn đưa, vĩnh biệt người thân bao giờ cũng là những khoảnh khắc ngao ngán, thương cảm nhất, đau đớn u sầu nhất của con người. Chỉ những trái tim chai sạn, cả đời bị khổ đau mới có thể thản nhiên nuốt hận lầm lỳ như người con trai của người quá cố mà chúng tôi vừa chứng kiến ở bãi đốt xác hôm nay. Đó không phải là những trường hợp cá biệt hiếm hoi mà là hoàn toàn phổ biến của xã hội Ấn Độ. Sự bất lực trước cuộc đời và số phận đã giúp người ta kiên cường chịu đựng đến thế. Chính thuyết luân hồi đã trở thành những hy vọng mong manh, tuy viển vông nhưng khá êm đềm, là người bạn tâm tình động viên chung thuỷ cho mọi

Vườn Kỳ-đà, thành Xá-vệ

kiếp đời từ hàng vạn năm qua. Giá trị tâm linh, tình cảm nhân từ của nó đối với cuộc đời mọi con người là thật sự cao cả, là sự trợ giúp quý giá, đắc lực và nhân đạo, là loại thần dược mơ hồ, hữu dụng đối với nỗi đau nhân thế.

Chuyến lang thang của chúng tôi trên đất Nepal và Ấn Độ đã bước sang ngày thứ 25 với biết bao niềm cảm xúc phấn chấn, u hoài. Góc trời hẻo lánh Hy-mã Hằng hà này quả có sức khuấy động lòng người sâu thẳm bằng cả sự lộng lẫy huyền diệu của thiên nhiên và sự bí ẩn khôn cùng của tư duy và tập tục. Hình ảnh thần Shiva lẫm liệt như một lưỡi kiếm răn đe và liều thuốc an thần đã góp một phần quan trọng vào việc định hình các giá trị ổn định cho xã hội Ấn Độ. Những bước chân Đức Phật từ bi trí tuệ đã truyền đi khắp chốn nhân gian từ xứ sở Hằng hà Hy-mã một học thuyết làm chấn động tâm tư nhân loại, đang là chỗ dựa tinh thần cho hàng tỷ người trên trái đất.

Những nẻo đường gió bụi đã cuốn hút mạnh mẽ tâm tưởng của nhóm khách Sài Gòn suốt mấy tuần qua. Trước mắt sẽ là một trong những khoảng khắc được mong đợi nhất.

Những đoạn đường Phật giáo

Những miền đất in dấu chân Phật là rất nhiều. Trong số đó người ta lưu ý tới chín thành địa tiêu biểu nhất, với Nepal có một là Lâm-tỳ-ni và tám trung tâm lớn tại Ấn Độ. Thượng tuần tháng 12, trời se lạnh. Đồng bằng Hằng hà lúc này trời khá đẹp, mát mẻ, khô ráo. Vùng ngoài chí tuyến Bắc bán cầu vừa trải qua tiết thu tàn để bắt đầu lập đông. Xe chúng tôi suốt buổi sáng len lỏi trên những nẻo đường rừng tả ngạn Hằng hà rậm rạp xen lẫn các cánh đồng màu mỡ. Vừa ra khỏi một rừng cây cao ngất thì một cột báo giao thông xuất hiện: Shravasti (Thành Xá-vệ) 101km - Buddhist Path (con đường Phật giáo. Vậy là đã tới miền đất Phật.

Đây là một thị trấn nhỏ, nơi dòng sông Ghaghara, một nhánh của sông Karnali từ Ngân sơn (Kailash) ở Tây Tạng chảy qua Nepal, qua Xá-vệ để nhập với sông Hằng. Đồng bằng Hằng hà mênh mông, màu mỡ nhưng nông dân nghèo khổ, do quá đông, lại thâm canh chỉ dựa vào lao động thủ công là chính. Cư dân trồng trọt chủ yếu là người da đen và da xám, lam lũ, vất vả. Ông cha họ bị người Hồi giáo nhập cư đánh bại dồn ép xuống phía Nam, sau này mới di cư trở lại vùng sông Hằng để canh tác, vì người da trắng ít làm nông nghiệp.

Khi bước chân trên đất Ấn Độ, ta sẽ có một cảm giác rõ ràng rằng mỗi miền đất mỗi góc trời trên trái đất này, mỗi cách sống trên cuộc đời này đều có đặc điểm riêng của nó, và luôn gieo vào lòng người mỗi cảm giác khác nhau. Ví dụ ở đây tiêu biểu là Thần Thánh là Tiên Phật, là lam lũ nghèo khổ, là đế vương xa hoa lộng lẫy. Muốn cho chuyến đi lý thú hữu ích cao thì nên ưu tiên nhiều cho cảm nhận, cho quan sát, cho sự thăng hoa của cảm xúc, của phát hiện… hơn là tự vấn, là hoài nghi, là phán xét, bởi những điều đó có thể làm ở nhà, sau khi kết thúc hành trình. Cả đất nước này luôn đắm chìm trong thế giới thần linh, trong phân biệt đẳng cấp, trong uy năng của số phận, trong vẻ đẹp lung linh của đức tin, của lòng bao dung nhân từ, trong sự tôn sùng những tấm gương quân tử…

Đối với người Việt Nam đến đây thì những điều kể trên tuy không khiến chúng ta ngạc nhiên, xa lạ… nhưng luôn có một cự ly nhất định, mặc dù nó vẫn dễ chịu êm đềm. Cự ly đó chính là độ đậm đặc về tư duy tâm linh của người Ấn Độ cao hơn chúng ta nhiều, và chủ yếu nằm ở khối cư dân Ấn giáo. Riêng Phật giáo, tuy không có tín đồ nhưng người Ấn Độ luôn coi đạo Phật là một phần hữu cơ của lịch sử. Họ thật sự tự hào trước việc hàng triệu Phật tử nước ngoài hàng năm hành hương về miền đất Phật. Đó là những địa danh thiêng liêng như Lâm-tỳ-ni (nay đã tách ra khỏi Ấn Độ và thuộc về Nepal), Bồ-đề Đạo tràng, Lộc Uyển, Linh Thứu, Câu-thi-na, Vương Xá, Sanchi, Thành Xá-vệ, Câu-thi-na…

Những nẻo đường dẫn về các miền đất thánh nói trên của Phật giáo chính là các đoạn khác nhau, không thẳng hàng, của "con đường Phật giáo" nổi tiếng thế giới, giàu cảm xúc, giàu ý nghĩa nhân văn.

Với suy nghĩ và tâm trạng đó, nhóm lữ khách Sài Gòn chúng tôi mở đầu hành trình đất Phật lần này bằng việc thâm nhập các thánh địa Thành Xá-vệ và Ca-tỳ-la-vệ là những nơi Đức Phật đã cư trú năm mùa mưa và nơi Ngài sống trước lúc xuất gia. ■

Một lần đến chùa Bà Đanh

TRẦN VỌNG ĐỨC

"Vắng như chùa Bà Đanh" là thành ngữ chỉ nơi hẻo lánh, hoang vu, rất ít hoặc không một bóng dáng người. Từ chuyện riêng tư vắng vẻ của một ngôi chùa đã trở thành biểu tượng ví von, chẳng rõ đẹp hay xấu, lan rộng khắp nhân gian, khiến nhiều người, trong đó có tôi, rất tò mò. Liệu có một ngôi chùa nào mang tên là chùa Bà Đanh, chùa thường là chốn linh thiêng, thân thiện vì sao chùa này lại vắng bóng người và vắng từ ngay khi khánh thành chùa hay thời gian nào khác?

Gần 20 năm trước, tôi có dịp về thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Được người bạn giới thiệu có một ngôi chùa mang tên Bà Đanh nằm không xa thành phố. Nửa tin nửa ngờ, cộng với bận rộn công việc và nghe bảo phải đi đò qua sông mới đến được chùa, rất nhiêu khê, nên tôi bỏ luôn ý nghĩ thăm chùa. Để rồi suốt nhiều năm trời, lòng ân hận vì sự lười nhác của mình, rằng đã bỏ lỡ cơ hội thuận tiện cho việc ghé thăm một ngôi chùa dẫu có thể không nhiều vinh dự nhưng tiếng tăm lừng lẫy.

Năm nay, động lực đến thăm chùa Bà Đanh tăng lên bởi sự ra đời của quần thể chùa Tam Chúc, chỉ cách đó hơn năm cây số. Một công đôi việc, một lần đi thăm được cả hai ngôi chùa danh tiếng. Từ Hà Nội xuôi theo hướng Nam chừng 65km là tới thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Từ đây, theo Quốc lộ 21 khoảng mười cây số là tới chùa Bà Đanh. Chùa nằm bên khúc uốn cong của dòng sông Đáy, ba mặt giáp sông, địa thế thơ mộng và cách trở. Mấy năm gần đây, khi cầu treo bằng sắt Cấm Sơn được xây dựng, đường vào chùa dễ dàng hơn hẳn. Có thể đi xe máy hoặc đi bộ, chừng 300 mét từ Quốc lộ 21, là vào đến chùa.

Chùa Bà Đanh còn có tên gọi là Bảo Sơn Nữ, tọa lạc tại làng Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Theo truyền thuyết, khởi thủy, đây là ngôi đền thờ nữ thần Pháp Vũ có khả năng điều mưa chuyển gió, phòng trừ bão lụt, giúp mùa màng bội thu. Sau dần mới thờ Phật và được gọi là chùa Đức Bà làng Đanh, gọi tắt là chùa Bà Đanh.

Chùa có diện tích khoảng mười hecta với với gần 40 khối kiến trúc lớn nhỏ. Qui mô bề thế, phong cảnh hữu tình nhưng vì sao chùa lại được gắn với thành ngữ *"Vắng như chùa Bà Đanh"*? Với tôi, chùa là chốn linh thiêng được tạo lập trước hết bởi nhu cầu tâm linh của các nhà sư, sau đó mới đến giới Phật tử và sau cùng là người mến mộ, du khách. Chính vì vậy, trước đây, địa điểm được lựa chọn tạo dựng chùa thường là chốn u tịch, cách xa ồn ã đời thường. Chùa Bà Đanh thuở ban đầu cũng vậy khi tọa lạc ở khu rừng đầu làng, xa dân cư, ba mặt giáp sông, lối vào độc đạo, xung quanh nhiều thú dữ, ban đêm phải đốt đuốc, gõ trống mõ khi cần đi lại. Tương truyền, từ thế kỷ thứ VII, chùa chỉ là những gian nhà vách tre, mái lá. Đến thời vua Lê Hy Tông (1675 - 1705) chùa được xây dựng khang trang, rộng lớn hơn. Dẫu vậy, do vị trí cách trở, chùa vẫn thưa vắng bóng người. Còn theo giải thích của Ni trưởng Thích Đàm Đam, trụ trì chùa Bà Đanh, thì từ trước tới

nay dân làng Đanh Xá truyền tai nhau rằng ngôi chùa này rất linh thiêng, nếu thất lễ sẽ bị trừng trị. Vì vậy khách thập phương không dám đến. Tình trạng ấy được duy trì cho tới ngày nay, để rồi chưa rõ từ bao giờ, được khái quát hóa ra thành ngữ *"Vắng như chùa Bà Đanh"*. Chùa vắng người thì tốt hay không tốt, cũng không rõ lắm, chỉ gợi lên trong tôi cảm giác hiu quạnh, u buồn.

Vừa qua khỏi cầu Cấm Sơn, phát hiện ra dòng chữ viết bằng sơn trắng trên bờ tường phía tay trái: "Lối vào chùa", tôi cho xe xộc vào. Lối nhỏ, ngoằn ngoèo dẫn tôi vào sân một ngôi nhà dân. Bà cụ chủ nhà chạy ra đon đả đón khách, mời mua nhang, còn tiền giữ xe thì tùy hỉ. Giữa nhà cụ và chùa thông với nhau qua một khung tường trống. Trao nén nhang cho tôi, cụ ân cần dặn dò: "Cứ thoải mái. Nếu ai hỏi thì bảo cháu bà Ng… nhé!". Tôi hồn nhiên vào chùa.

Chùa Bà Đanh quay mặt về hướng Nam, có bậc thang đá dẫn tới mép nước của sông Đáy. Đây cũng chính là bến thuyền đưa đón khách sang sông để đến chùa. Nay thì không còn ai sử dụng lối đi thơ mộng này. Bến vắng, buồn cô quạnh. Mấy bà bán hàng rong cũng ngồi mong qua ngày, chẳng màng chào mời khách.

Chùa Bà Đanh tất nhiên thờ Phật, Bồ-tát nhưng bên cạnh đó còn có thêm các điện thờ của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian thờ cúng Ngọc Hoàng, Thái thượng Lão quân, Nam Tào, Bắc Đẩu, Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Thần và Phật quây quần bên nhau, thật thú vị!

Quần thể chùa Bà Đanh gồm nhiều khối kiến trúc liên hoàn với tam quan, chính điện, tả vu, hữu vu, nhà tổ, phủ mẫu, nhà ni, nhà khách và các công trình phụ trợ. Nơi đây còn lưu giữ nhiều cổ vật như tượng quí, cổ thư, khánh đá, đại tự, nhang án. Đặc biệt quý hiếm là sáu bộ vì kèo của tòa bái đường, được chạm khắc chìm và nổi rất tinh xảo, sống động ở cả hai mặt với nhiều hình tượng, động vật gồm tứ linh (long, ly, quy, phượng), ngũ phúc (năm chú dơi), lưỡng long chầu nguyệt (hai con rồng chầu mặt trời) và thực vật như tứ quí (tùng, mai, trúc, cúc), bát quả (dưa hấu, mãng cầu, đu đủ, xoài, sung, thơm, dừa, nho) và những vật dụng như đàn, bút lông, thư cuốn, bầu rượu, quạt. Mỗi khóm cây, cành hoa hay con vật không đứng riêng lẻ mà được kết hợp hài hòa với nhau tạo nên một đề tài chung. Chùa Bà Đanh được đánh giá là ngôi chùa có kiến trúc đẹp nổi tiếng toàn vùng Bắc Bộ.

Chính điện của tòa bái đường có bàn thờ Phật. Ngay phía trên của điện thờ là khung kính treo "Bằng công nhận di tích Lịch sử - Văn hóa" cấp quốc gia, mà chùa được trao năm 1994. Vị trí treo tấm bằng không được phù hợp, làm giảm sự tôn kính của điện thờ. Phía trong cùng của tòa bái đường là nhà thượng đường với tượng thờ Tam thế, Ngọc hoàng, Thái thượng Lão quân và tượng bà chúa Đanh. Tượng bà chúa Đanh, tức là tượng Pháp Vũ, được tạc trong tư thế tọa thiền không phải trên tòa sen mà là trên chiếc ngai đen bóng. Gương mặt bà chúa rất đẹp, hiền từ, gần gũi, không thần bí hay ba phải như nhiều pho tượng khác.

Thật không hổ danh *"Vắng như chùa Bà Đanh"*, ngày thứ Bảy cuối tuần, tôi đi khắp tòa bái đường, nhà tổ, nhà mẫu đều không gặp bất cứ người nào, từ nhà sư cho tới Phật tử hay du khách. Tất cả các lư hương trên những điện thờ đều không có cây nhang nào cháy đỏ. Đơn độc trong thú vị, bởi được thong thả chiêm bái mà không phải chen lấn, không sợ lạc giày dép, không lo vái lưng và mông người khác, không ngại bị dòm ngó số tiền cúng dường nhiều hay ít.

Khi đi qua sân nhà thờ mẫu, tôi nghe được những tiếng trò chuyện trong bữa ăn trưa của mấy ông, hình như trong ban quản lý chùa. Họ nói chuyện rổn rảng đúng trong tâm thế thoải mái ở chốn không người. Thật bất ngờ, bởi chen trong những câu nói, thỉnh thoảng lại đệm thêm những tiếng "đ…". Một góc chốn linh thiêng bỗng bị dung tục hóa. Rất chối tai, phản cảm!

Thực ra, chùa Bà Đanh cũng không phải vắng lạnh suốt năm. Những dịp lễ hội vào tháng Hai âm lịch hàng năm, chùa cũng thu hút được nhiều người đến tham dự các nghi thức tế lễ, các trò chơi dân gian như đua thuyền chài, chọi gà, kéo co, cờ người. Tuy nhiên, nếu kết luận như trong lời giới thiệu trên tấm bảng cỡ lớn treo ngay trong tòa bái đường về di tích chùa Bà Đanh, rằng: *"… Chùa Bà Đanh ngày càng hấp dẫn đông đảo thiện nam, tín nữ, Phật tử, du khách xa gần"*, thì tôi đành phải nghi ngờ về tính xác thực của thông tin này.

Một lần nữa, tôi vẫn muốn quay trở lại để lý giải nguyên nhân *chuyện "Vắng như chùa Bà Đanh"*. Chùa Bà Đanh vắng vẻ nếu cho rằng do thuở ban đầu ngăn sông cách trở thì thời nay đã không còn phù hợp. Chùa

nằm ngay ven quốc lộ, cầu đã bắc qua sông, lối vào chùa rất thuận tiện. Vậy thì chùa vắng bóng người phải còn do những nguyên nhân khác.

Tôi thử đưa ra vài lý giải ban đầu theo nhận định riêng của mình về nguyên nhân của sự *"Vắng như chùa Bà Đanh"* đã tồn tại suốt nhiều thế kỷ cho tới ngày nay. Trước hết, các chùa ở miền Bắc thường là Phật giáo Đại thừa, nhiều chùa đã lập thêm điện thờ thần. Từ khởi thủy là một ngôi đền nhỏ, chuyển sang thành chùa, rồi tiếp nhận thêm Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, thờ rất nhiều thần thánh bên cạnh Đức Phật và Bồ-tát. Sự dung nạp đa dạng này đã đã làm cho chùa Bà Đanh bớt đi vẻ thuần khiết của một ngôi chùa đích thực, khiến cho người mộ đạo lưỡng lự trong quyết định đến chùa.

Thứ hai, lẽ ra chính danh xưng *"Vắng như chùa Bà Đanh"* sẽ là động lực khơi dậy sự tò mò của Phật tử và du khách nhưng điều này đã không xảy ra. Sự xuất hiện của quần thể chùa Tam Chúc hoành tráng, ở vị trí rất gần chùa Bà Đanh, đã khiến sức hấp dẫn của ngôi chùa tồn tại nhiều thế kỷ này có phần suy giảm. Người mộ đạo hay du khách, đi hành hương hoặc theo tour du lịch, đều chăm bẳm đích đến là chùa Tam Chúc, đi ngang qua chùa Bà Đanh mà không một chút phân vân.

Một lý do nữa, với tôi, tạm gọi là "Văn hóa chùa". Đành rằng, đến chùa để chiêm bái Phật nhưng một ngôi chùa thân thiện, tôn nghiêm vẫn dễ giữ chân người mộ đạo. Việc lỡ được nghe vị nào đó trong ban quản lý chùa văng tục đã khiến tôi chết lặng người. "Văn hóa chùa" không chỉ là vẻ đẹp của vị thế, kiến trúc, nét cổ kính, của các pho tượng, của những bậc chân tu uyên bác, mà còn là lối ứng nhân xử thế của tất cả những người có mặt trong chùa. Tôi có còn tha thiết thêm một hay nhiều lần nữa đến chùa Bà Đanh hay không, điều này rất khó xảy ra. Thật tiếc cho tôi khi phải quyết định điều này, bởi lòng kính trọng, niềm tin đã bị lung lay.

Thêm một lý do cũng khá bất ngờ. Tôi đã lầm đường khi vào chùa Bà Đanh. Lối vào chùa phải đi vòng lên thêm một đoạn nữa, không phải lối ngang qua sân nhà cụ Ng… Tôi biết điều này khi lững thững dạo trong sân chùa rộng mênh mông, bỗng bắt gặp một tấm bảng dựng e ấp dưới một lùm cây. Đó là "Thông báo phí tham quan di tích lịch sử và trông giữ xe" của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, trong đó qui định, mức phí cho người lớn là 30 ngàn đồng, trẻ em dưới sáu tuổi và "người khuyết tật đặc biệt nặng" được miễn phí. Vì sao đến chùa lại phải nộp tiền trong khi hòm công đức dựng nhan nhản khắp các phủ thờ? Ấy là do chùa được công nhận là di sản quốc gia, được cấp kinh phí cho duy tu, sửa chữa. Việc thu phí có thể không sai nhưng rõ ràng là máy móc và mức thu phí quá cao so với mặt bằng thu nhập chung của đông đảo người lao động. Đây có thể là một lý do cản trở, làm nản lòng những người muốn đến chùa. Vậy là, tôi trở thành kẻ đi lậu vào chùa. Cũng may không ai tra hỏi "Cháu bà Ng…". Tôi đành tự an ủi rằng mình đã góp một chút cúng dường cao hơn mức phí tham quan, cộng thêm một khoản tiền, chí ít là ngang mức này, để trả cho cụ Ng… công giữ xe máy và mua một nén nhang nhỏ.

Tôi rời chùa Bà Đanh trong bối rối. Khá khen cho ai đó đã đúc kết ra thành ngữ *"Vắng như chùa Bà Đanh"*. Bởi tôi ngờ rằng, không chỉ trong quá khứ, mà nối tiếp tới mai này, chùa Bà Đanh *"Vắng như chùa Bà Đanh"* có thể còn rất linh ứng. ■

** Ảnh của tác giả*

QUẢNG CÁO

DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 0839017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

1. Ấn Độ - Nepal (Nam Ấn - Mum Bai) 4 Sao
17N16Đ, Phật tử 1.450$ - Tăng Ni 1.150$
(Khởi hành: 10/08/2019 - 10/09/2019 - 01/10/2019 - 22/10/2019 - 11/11/2019 - 01/12/2019 - 25/12/2019)

2. Ấn Độ - Nepal (Tiểu Tây Tạng) 4 Sao
16N15Đ, Phật tử 1.200$ - Tăng Ni 1.000$
(Khởi hành: 08/09/2019 - 29/09/2019 - 20/10/2019 - 09/11/2019 - 29/11/2019 - 22/12/2019)

3. Ấn Độ - Nepal 14N13Đ (4 Sao)
Phật tử 1.350$ - Tăng Ni 1.000$
(Khởi hành: 21/2 - 10/3 - 02/4 - 29/06)

4. Ấn Độ (Bồ Đề Đạo Tràng)
Bay thẳng Charter,
7N6Đ, 27.900.000 VNĐ
9N8Đ, 29.900.000 VNĐ
(Chuyên làm tour Ấn Độ theo yêu cầu và vé máy bay)

5. Sri Lanka (Đất nước Tích Lan)
7N6Đ, 27.500.000 VNĐ
Cao cấp 4 Sao
Khởi hành hàng tháng

6. Myanmar - Yagon - Bago
5N4Đ, 11.900.000 VNĐ (Hàng tuần)
Khách sạn 3 - 4 Sao

7. Thái Lan - Bangkok - Pattaya
5N4Đ, 5.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

8. Campuchia - Thái Lan
6N5Đ, 3.990.000 VNĐ (3 - 4 Sao)
Xe cao cấp (hàng tuần)

9. Cam - Thái - Lào - Myanmar
12N11Đ, 9.990.000 VNĐ (3 - 4 Sao)
Xe cao cấp (Hàng tháng)

10. Tứ Đại Phật Sơn (Trung Quốc)
12N11Đ, 38.500.000 VNĐ (Hàng tháng)

11. Singapore - Malaysia - Indonesia
6N5Đ, 10.690.000 VNĐ (Hàng tuần)

12. Singapore - Malaysia
6N5Đ, 9.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

13. Đài Loan
5N4Đ, 10.500.000 VNĐ (Hàng tuần)

14. Hàn Quốc
5N4Đ, 13.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

15. Nhật Bản
5N4Đ, 27.500.000 VNĐ (Hàng tuần)

16. Hongkong
4N3Đ 11.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

17. Phượng Hoàng Cổ Trấn
6N5Đ, 14.990.000 VNĐ (Hàng tuần)

18. Dubai
5N4Đ, 23.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

19. Butan
7N6Đ, 46.900.000 VNĐ (Hàng tháng)

Đặc biệt ƯU ĐÃI CHO CÁC CHÙA TỔ CHỨC ĐẠO TRÀNG - THIẾT KẾ TOUR THEO YÊU CẦU
CHUYÊN TỔ CHỨC SỰ KIỆN, VÉ BAY: MỸ, ÚC, CHÂU ÂU, CANADA...

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo…
- Xin vui lòng liên hệ: **Văn phòng Tòa soạn**
- ĐT: ***02838484335*** Email: ***toasoanvhpg@gmail.com***

QUẢNG CÁO

CÔNG TY TNHH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN ẤN

Giấy phép quốc tế: 79-918/2018

ĐC: 896A/10 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TP.HCM
ĐT: 028.627.59.627 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - (077.800.1068)
Web: dulichsenan.com - Email: senantour@gmail.com - Fb: Sen Ấn Tour

1. ẤN ĐỘ - TIỂU TÂY TẠNG - NEPAL 17N16Đ Tăng Ni: 23,500,000, Phật tử: 31,500,000
2. ẤN ĐỘ - NAM ẤN - MUMBAY (Sanchi - Ajanta - Elora) 18N17Đ Tăng Ni: 27,000,000, Phật tử: 34,000,000
3. ẤN ĐỘ - NEPAL 14N13Đ Tăng Ni 23,500,000, Phật tử: 29,500,000
4. ẤN ĐỘ (Tu tập Bồ Đề Đạo Tràng, Chuyên làm tour ẤN ĐỘ theo yêu cầu và vé máy bay (7N6Đ: 23,500,000 - 9N8Đ 26,500,000)
5. SINGAPORE-MALAYSIA-INDONESIA 6N5Đ 10,700,000 (Buffet, hotel 4*)
6. SINGAPORE-MALAYSIA 6N5Đ: 9,990,000 (Buffet, hotel 4*)
7. SEOUL -NAMI-EVERLAND 5N4Đ: 13,990,000 (Buffet, hotel 4*)
8. HÒN NGỌC PHẬT GIÁO SRI LANKA 7N6Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4*)
9. Chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Trung Hoa 12N11Đ: 39,990,000 (Buffet, hotel 4*)
10. CAM-THAI-LAO-MYANMAR 12N11Đ: 9,990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
11. CAM-THAI 6N5Đ: 3.990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
12. BANGKOK - PATTAYA 5N4Đ: 5,990,000 (Buffet, hotel 4*)
13. PHƯỢNG HOÀNG CỔ TRẤN 6N5Đ: 14,890,000 (Buffet, hotel 4*)
14. MYANMAR - YANGON - TẢNG ĐÁ VÀNG 5N4Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4*)
15. BHUTAN 7N6Đ: 45,900,000 (Buffet, hotel 4*)
16. NHẬT BẢN 5N4Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4*)
17. ĐÀI LOAN 5N4Đ: 10,500,000 (Buffet, hotel 4*)
18. HONGKONG 4N3Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4*)
19. DUBAI 5N4Đ: 23,880,000 (Buffet, hotel 4*)
20. VÉ MÁY BAY GIÁ RẺ ĐI MỸ, ÚC, CANADA và chuyên visa các nước.

ĐẶC BIỆT: ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ CÁC CHÙA
(THIẾT KẾ TOUR THEO YÊU CẦU, CHUYÊN TỔ CHỨC SỰ KIỆN CHO CÁC CHÙA VÀ ĐẠO TRÀNG)

pháp uyển
DHARMA GARDEN
17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
028. 35 035 579 – 028. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHÉ
QUANG NGHE CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT
Candles
Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐĐ: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: *quangnghecandle@yahoo.com.vn*
Website: *www.quangnghecandle.com*

KÍNH MỜI ĐẶT MUA *Tạp chí* VĂN HÓA PHẬT GIÁO - NĂM 2020

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa hoan hỷ đặt mua *tạp chí* **Văn Hóa Phật Giáo - năm 2020**.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm : 365.000đ
- 12 số cuối năm: 365.000đ
- Trọn năm 2019 : 720.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335
Ban Phát hành - Tạp chí* Văn Hóa Phật Giáo, *số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH KHÓA IX (2020-2023)
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính gởi: **Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Trụ Trì các Tự Viện trên Toàn quốc**

Ban Giám Hiệu Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai

Trân trọng Thông báo đến Quý vị Bổn sư của Tăng Ni sinh trên Toàn Quốc muốn theo học Nội trú tại Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai khóa IX (2020 - 2023), thì liên hệ trực tiếp với nhà trường để Nhận hồ sơ đăng ký nhập học.

Tăng sinh:Liên hệ nhận hồ sơ tại cơ sở Tăng, Chùa Phật Hiện, Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai,phường Phước Tân – thành phố Biên Hòa. ĐT. 0399 490 093, 0919 076 446.

Ni sinh: Liên hệ nhận hồ sơ tại Cơ sở Ni, Chùa Huệ Giác, Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, xã Long Phước – huyện Long Thành. ĐT. 02513 558 626, 0918 852 846.

Lưu ý: - Phát và nhận hồ sơ kể từ ngày ra Thông báo này.

- Ngày tựu trường và Thi tuyển19/01 Canh Tý (12/02/2020)
- Ngày Khai Giảng 20/03 Canh Tý (Chủ Nhật 12/04/2020)
- Học Nội trú 100% theo hệ Trung Cấp 3 năm, mọi chi phí nhà trường chu cấp.
- Tuổi từ 15 đến 40 vàđã ở Chùa tu học trên 3 năm (Bổn Sư xác nhận).
- Trình độ Văn hóa phải Tốt Nghiệp lớp 9 (cấp 2) trở lên.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 11 năm 2019

Người trích sao kế hoạch
Phó Hiệu trưởng Thường trựcKiêm
Chánh thư kýĐặc trách xây dựng cơ sở

Hòa Thượng Thích Phước Tú
(Từ Tôn Tự)

Hiệu Trưởng

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC

Hòa Thượng Thích Nhật Quang
(Thường Chiếu Thiền Viện)

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 335

Phát hành ngày 15 - 12 - 2019

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI
Cô Trần Thị Trâm
Showroom Sách Thái hà
119 C5 Tô Hiệu, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 0986644553

THỪA THIÊN-HUẾ
Anh Đặng Văn Hợp
Trung tâm Văn hóa Liễu Quán
15A Lê Lợi, TP.Huế
ĐT: 0905842219

ĐÀ NẴNG
Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

KHÁNH HÒA
Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn,
chùa Long Sơn,
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 038 2552 374

LÂM ĐỒNG
Chị Nguyễn Thị Kim Cúc
Số 9 hẻm 2 Đồng Tâm, P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 0911442459

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

Trần Thị Linh Châu
PPH Chùa Linh Sơn
120 Nguyễn Văn Trỗi, P2, TP.Đà Lạt

CẦN THƠ
Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

TIỀN GIANG
Đại lý Mây Hồng,
57 Lý Thường Kiệt, TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

TP. HỒ CHÍ MINH
Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 028 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG